



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Thánh Thanh**
Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình ảnh: **Google Images**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "*Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, rồi sau này sẽ phải lo sợ hối hận.*"

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THÔNG BACH PHẬT ĐẢN PL 2560 (2016)** (HT. Thích Thắng Hoan) trang 8
- ♦ **SỰ MỆNH PHẬT ĐẢN** (Thích Thái Hòa), trang 9
- ♦ **KHÓ** (thơ Trần Đan Hà), trang 10
- ♦ **Ý NGHĨA PHẬT ĐẢN SANH VI DIỆU** (Thích Quảng Bình), trang 11
- ♦ **GIÁC NGỘ VỀ THÔNG ĐIỆP ĐẦU ĐỜI SIÊU VIỆT** (thơ Thích Viên Thành), trang 14
- ♦ **THƯ CUNG THỈNH CHỨNG MINH/ THAM DỰ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN** (Thích Nguyên Siêu), trang 15
- ♦ **CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2560** (GHPGVNTNHNK), trang 16
- ♦ **HIỆN TƯỢNG LÂM PHẠM CỦA BÒ TÁT THÍCH CA** (Chúc Hiền dịch), tr. 17
- ♦ **XUÂN MÃI CÒN ĐÂY** (thơ Tánh Thiện), trang 21
- ♦ **GÀN GỬI VUA QUAN LÀ PHI PHÁP** (Thích Quảng Tánh), trang 22
- ♦ **PHẠM VI VÀ CHỖ ĐỨNG...** (ĐNT Tin Nghĩa), trang 23
- ♦ **SUY NGÂM VỀ SỰ THÁCH THỨC CỦA GIÁO PHÁP** (Nguyễn Hạnh dịch), tr. 24
- ♦ **CHỜ SÁNG** (thơ Đức Phổ), trang 27
- ♦ **KHỞI NGUYÊN VÀ TRUYỀN BẢ CỦA PHẬT PHÁP** (Huỳnh Kim Quang dịch), trang 28
- ♦ **VĂN TRẮNG TAY ĐỜI** (thơ Nguyễn Thanh Huy), trang 31
- ♦ **BẢY BƯỚC HOA SEN – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ **STORY OF FIVE HUNDRED BOYS** (Daw Mya Tin), trang 33
- ♦ **THÔNG SUỐT GIÁO PHÁP – Lá Thư Đầu Tuần** (Nhóm Áo Lam), trang 34
- ♦ **LỆNH ĐỀNH** (thơ Quảng Tánh Trần Cẩm), trang 35
- ♦ **TRẦN NHÂN TÔNG VÀ THIÊN PHÁI TRÚC LÂM** (Nguyễn Lang), trang 36
- ♦ **CÓ MỘT LOÀI HOA** (thơ Mặc Phương Tử), trang 40
- ♦ **LỜI PHẬT DẠY VỀ THỜI GIAN VÀ NGHIỆP BÁO** (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 47
- ♦ **THIỆN, TÌNH và MẬT – BA PHÁP TU TRUYỀN THÔNG CỦA PGVN** (Thích Đức Trí), trang 48
- ♦ **HÃY YÊU NHƯ CHƯA YÊU LẦN NÀO** (Toại Khanh), trang 52
- ♦ **THEO ÁNG MÂY BAY** (thơ Bùi Giáng), trang 54
- ♦ **IM LẠNG HÙNG TRÁNG** (Huệ Trân), trang 55
- ♦ **NẤU CHAY: CANH BÍ ĐỎ CHAY** (G. Phương – Món Chay Thanh Tịnh), trang 57
- ♦ **CHÓI BỒ** (Nguyễn Hiệp), trang 58
- ♦ **GIỚI THIÊU HAI BÀI VĂN TẾ CHIẾN SĨ TRONG SÁCH NÔM XƯA** (Nguyễn Văn Sâm), trang 61
- ♦ **RÀM THẮNG TƯ** (thơ Đồng Thiện), trang 63
- ♦ **TRUYỆN NGÁN TRĂM CHỮ** (Steven N.), trang 65
- ♦ **TÁCH TRÁ ƯỚC HẸN** (Thanh Thị), trang 66
- ♦ **TÂM HỒI – VAI TRÒ CỦA CALCIUM TRONG CƠ THỂ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 68
- ♦ **MỪNG ĐẢN SANH** (thơ Huệ Bảo), trang 69
- ♦ **HOA SEN TRONG NGƯỜI - truyện cổ Phật giáo** (Thiện Châu), trang 70
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 9** (Vĩnh Hào), trang 72



Chi phiếu ủng hộ hoặc đặt báo, xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 54, tháng 05.2016, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn ph. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

LỜI CA CỦA GÃ CÙNG TỬ

Dòng sông đen ngòm chảy quanh thành phố; lững lờ trôi bên những lâu đài và những căn nhà tồi tàn xiêu vẹo; luồn dưới những cây cầu nhỏ bắc qua hai bờ rác rến. Ai người thức/ngủ bên sông. Đêm ngày lao xao tiếng nói, giọng cười, và đôi khi là tiếng gầm thét của bão giông, sấm chớp. Lang thang đầu ghềnh, cuối bãi. Vời vợi mắt nhìn trời xanh. Ngồi một chỗ lắng nghe sông dài chuyển động. Quyên theo gió vẫn là hương thơm quen thuộc từ đồng nội kéo về. Ôi, nhớ nụ cười của Cha.

Ngày con bỏ nhà đi hoang, Cha không buồn cản lối. Lặng lẽ ngó theo. Ngón tay điểm về đầu núi biếc có vàng trắng lơ lửng tầng không. Con ương ngạnh, hãnh tiến, không quay đầu. Ngày dài tháng rộng trôi lăn dòng đời cuộn sóng. Si mê khát ái chìm con ngập ngựa sinh lây. Chơi với chơi với cũng chỉ níu được một ngón tay sông. Dật dờ lê theo bóng mộng. Khóc tràn những giấc mơ hoa. Thoạt khi tỉnh giấc, chỉ muốn quay về nũng nịu bên Cha, vùi một cái xoa đầu. Nhưng con đường, sao dài xa hun hút. Ôi là nhớ, mắt hiền Cha vẫn dõi theo. Không lời oán trách con hư. Nhân nài ngón tay điểm nguyệt.

Bên dòng sông đen, nồng nặc vạn loại tử thi và rác rưởi, con đã nhiều lần buồn nôn, quay mặt. Thế nhân sao đây tham lam, ngoa ngụy, cuồng si, hiểm ác...! Nhưng nhớ về Cha: đã từng chăm sóc, tắm rửa cho người học trò bệnh kiệt lý tế vào đồng phân và nước tiểu hôi hám; đã từng thu nhận kẻ gánh phân làm môn đồ thân cận; đã từng tận tụy xỏ kim vá áo giúp người học trò mù... Cha là bậc tôn quý, không nhòm gớm người bệnh, không

phân biệt giàu/nghèo quý/tiện, từ ái bao dung với tất cả... thì một cùng tử vô minh bạt mạng như con có gì đáng hổ thẹn, đáng kiêu hãnh mà quay lưng với Cha, quay lưng với đời!

Ôi, thử tưởng tượng đời sống này không có Cha! Một khi trôi lăn, biết đâu nẻo về! Bầu trời sẽ tăm tối hơn. Dòng sông sẽ ngẫu đục thêm. Và thế nhân, như những người mù quờ quạng, suốt đời bám víu vào những ngẫu tượng, cúi mình làm nô lệ cho những thần linh. Không có những cuộc tìm trăng thơ mộng. Không có những cuộc lang thang kỳ thú. Không có Cha, bóng đêm sẽ che lấp tất cả con đường...

Rồi từng ngày qua, con vẫn lê la bên dòng sông đen kịt, đặc quánh những tạp chất; nhưng con biết Cha vẫn tin yêu đưa con hoang nghịch; con biết Cha không bao giờ bỏ rơi con, vẫn từ hòa an nhẫn chờ đợi ngày con trở về... Và ở tận cùng sâu thẳm bản tâm, con thâm cảm như Cha từng dạy, rằng nơi một cùng tử lang bạt vẫn hàm tàng khả tính yêu thương và trí tuệ như Cha, rằng từ dòng sông đen nghịt kia, vẫn có thể sinh xuất những kỳ hoa dị thảo, và dù thế nào, vẫn có thể phản chiếu ánh vàng rực rỡ của vầng trăng bất diệt.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: BEXPO – Triển lãm Phật giáo quốc tế tại Seoul

Triển lãm Phật giáo (BEXPO) Quốc tế Seoul 2016 sẽ được tổ chức tại Trung tâm Triển lãm Thương mại Seoul (SETEC) từ ngày 24 đến 27-3-2016 dưới chủ đề "Không gian để tinh tâm".

BEXPO là một sự kiện văn hóa cung cấp cho khách một cái nhìn về Phật giáo Hàn Quốc, văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Phật giáo thế giới.

Tăng về quy mô, BEXPO năm nay là triển lãm lớn nhất, bao gồm hơn 300 ngành nghề với nhiều hoạt động và sự kiện gây quỹ và quảng bá. Các nhà cung cấp và các gian hàng khác nhau làm nổi bật hàng thủ công truyền thống Hàn Quốc, hàng thủ công mỹ nghệ, trà truyền thống, thực phẩm hữu cơ và đồ chay, và hướng dẫn ở lại chùa của Phật giáo Hàn Quốc. Nhiều tác phẩm nghệ thuật và hàng thủ công Phật giáo từ các truyền thống Phật giáo khắp thế giới sẽ tham gia các chương trình trao đổi văn hóa, với hơn 10 nước tham gia – bao gồm Nhật Bản, Trung Quốc, Bhutan, Thái Lan và Miến Điện.

(Big News Network – March 16, 2016)



2016
Seoul International
Buddhism Expo

Biểu trưng của Triển lãm Phật giáo Quốc tế 2016 tại Seoul
Photo: en.bexpo.kr

HONG KONG: Buổi trình diễn gây quỹ "Xây dựng lại bằng Tình thương" của ni cô hát Ani Choying

Ngày 20-4-2016, ni cô hát Ani Choying Drolma người Nepal, và là một nhạc sĩ nổi tiếng thế giới, sẽ mang âm nhạc của cô đến Hong Kong cho một buổi trình diễn đặc biệt để gây quỹ giúp cứu trợ tại Nepal.

Là Đại sứ Thiện chí của UNICEF tại Nepal, Ani Choying nổi tiếng khắp thế giới vì đã mang những bài tụng niệm và đạo ca Phật giáo Tây Tạng đến với khán giả chân chính. Một cuộc đấu giá những vật sở hữu cá nhân của Ani Choying cũng được lên kế hoạch tại Hong Kong.

"Xây dựng lại bằng Tình thương" nhằm mục đích giúp chữa lành những vết thương của hành tinh chúng ta. Tất cả tiền thu được từ sự kiện này sẽ được dùng để tài trợ cho công tác cứu trợ và giáo dục tại đất nước Nepal sau động đất.

Buổi trình diễn của Ani Choying sẽ được tổ chức tại Hội trường Ngôi sao, Trung tâm Thương mại và Triển lãm quốc tế Kowloonbay, Kowloon, Hong Kong.

(Buddhistdoor Global – March 15, 2016)



Ani Choying
Photo: inktalks.com

ẤN ĐỘ: Hội thảo Đối thoại Phật giáo – Ki tô giáo tại Bồ đề Đạo tràng

Từ ngày 4 đến 6-3-2016, Hội nghị Dòng Tên Châu Á Thái Bình Dương (JCAP) đã tổ chức 3 ngày đối thoại Phật giáo – Ki tô giáo tại Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ, tập trung vào sinh thái học và tín ngưỡng, và cách các tôn giáo có thể cùng nhau làm việc để tạo ra một thế giới lành mạnh và hòa bình.

Được tổ chức theo Chương trình Chia sẻ Trí tuệ, cuộc hội thảo có sự tham gia của các đại biểu từ Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Thái Lan, cùng với hơn 100 tăng ni từ các tổ chức tại Bồ đề Đạo tràng.

Với mục đích làm nổi bật công việc của tổ chức này và khuyến khích thanh niên tự làm quen với Phật giáo, JCAP cũng đã xuất bản cuốn sách đầu tiên của mình với tựa đề "Đức Phật và Chúa Jesus". Đây là một tuyển tập gồm các bài viết bởi các tín đồ Dòng Tên vốn đã tham gia vào Nghiên cứu Phật giáo và Đối thoại liên tôn giáo.

(Buddhistdoor Global – March 18, 2016)



Sách "Đức Phật và Chúa Jesus" do JCAP xuất bản
Photo: sjapc.net

NHẬT BẢN: Thành phố Nagahama sẽ triển lãm các tượng Quan Âm bồ tát tại Tokyo

Nagahama, tỉnh Shiga – Một số trong hơn 130 pho tượng bồ tát Quan Âm đại từ bị có tính lịch sử của Nagahama sẽ được triển lãm tại trung tâm du lịch mới của thành phố này tại Tokyo.

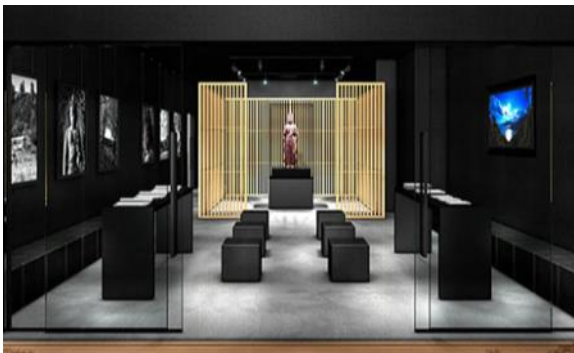
Ngày 21-3-2016 Nhà Quan Âm Biwako Nagahama sẽ khánh thành tại quận Ueno của Tokyo để cung cấp thông tin về du lịch và văn hóa từ thành phố lịch sử Nagahama.

Một phát ngôn viên của Nagahama nói, "Triển lãm các tượng Quan Âm là để mọi người tại thủ đô biết về nền văn hóa phong phú liên quan đến Quan Âm bồ tát tại vùng Kohoku, vốn được lưu truyền từ thời cổ xưa qua nhiều thế hệ".

Các tượng Quan Âm sẽ được luân phiên trưng bày trong 2 tháng trong một điện Quan Âm bằng gỗ ở trung tâm.

Vùng Kohoku bao gồm Nagahama nổi tiếng về di sản văn hóa Phật giáo phong phú. Tại Nagahama, các thế hệ cư dân đã giữ gìn hơn 130 tượng Quan Âm lịch sử vượt qua sự tàn phá của thời gian. Các tượng này vẫn tồn tại qua chiến tranh, động đất, lũ lụt và các thiên tai khác.

(asahi.com – March 19, 2016)



*Trung tâm thông tin du lịch Nhà Quan Âm Biwako Nagahama ở quận Ueno, Tokyo
Photo: Thành phố Nagahama*

TÍCH LAN: Phái đoàn Phật giáo Hàn Quốc sẽ xây một bệnh viện cho chư tăng Tích Lan

Colombo, Tích Lan - Ngày 20-3-2016, một phái đoàn Phật giáo thuộc Chùa Ulshan Vaadey của Hàn Quốc đến viếng Tích Lan đã gặp Tổng thống Maithripala Sirisena tại tư dinh của ông.

Trong cuộc hội kiến, Sư cô Nong Hang, Ni trưởng các Bệnh viện Chư ni Ulshan Vaadey của Hàn Quốc và phái đoàn đã bày tỏ thiện ý xây một bệnh viện cho chư tăng Tích Lan tại địa điểm Kiriwathuduwa ở khu Pilivandala, Colombo. Bệnh viện được trang bị đầy đủ tiện nghi này sẽ có 34 phòng.

Tổng thống Maithripala Sirisena phát biểu rằng điều này đánh dấu mối quan hệ lâu dài giữa Tích Lan và Hàn Quốc.

Sư cô Nong Hang nói rằng phái đoàn đã may mắn được chiêm bái Xá lợi Răng Phật linh thiêng và các tự viện Phật giáo khác trong chuyến thăm của họ.

Cuộc họp còn có sự hiện diện của các vị cao tăng, quan chức cao cấp và một nhóm những người nổi tiếng của Tích Lan.

(ColomboPage – March 20, 2016)



Hình ảnh Tổng thống Tích Lan (ngồi giữa) tiếp kiến phái đoàn Phật giáo Hàn Quốc



*Tổng thống Tích Lan tặng Xá lợi linh thiêng cho Chùa Ulshan Vaadey
Photos: ColomboPage*

NEPAL: Hội nghị Phật giáo Quốc tế tôn vinh và quảng bá Lâm Tì Ni

Ông Ananda Prasad Pokharel, Bộ trưởng Văn hóa, Du lịch và hàng không Dân dụng Nepal vào ngày 19-3-2016 đã công bố việc chính phủ nước này đang chuẩn bị cho hội nghị quốc tế từ ngày 19 đến 21-5 để tôn vinh Lâm Tì Ni, nơi đản sinh của đức Phật, và để quảng bá di sản vô giá còn tồn tại ở thánh địa này.

Hội đồng bộ trưởng đã thành lập một ủy ban 50 thành viên dưới sự lãnh đạo của Bộ trưởng Pokharel để làm cho hội nghị thành công tốt đẹp.

Phó chủ tịch Quỹ Phát triển Lâm Tì Ni Nigrodh Sidhartha nói rằng hội nghị sẽ hỗ trợ việc phát triển Lâm Tì Ni thành một trung tâm tinh thần và thúc đẩy du lịch tôn giáo và văn hóa của Nepal.

Chính phủ Nepal đã trân trọng mời Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon và các nhà lãnh đạo của các nước láng giềng, các bộ trưởng văn hóa, đại diện cao cấp từ các nước và tổ chức khác nhau, cũng như các học giả và tu sĩ Phật giáo.

(Big News Network – March 22, 2016)



*Chùa Lâm Tì Ni, Nepal
Photo: mapnepaltravel.com*

PHI LUẬT TÂN: Nhạc kịch Tắt Đèn Đa bước sang năm thứ 10

Dựa trên cuốn sách Tiểu sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được viết bởi Đại sư Hsing Yun, vở nhạc kịch Tắt Đèn Đa đã lưu diễn khắp thế giới kể từ khi bắt đầu vào năm 2007. Nay là năm thứ 10, nhạc kịch này tiếp tục

được hội Phật Quang Sơn Phi Luật Tân và Hiệp hội Phật Quang Quốc tế (BLIA) Phi Luật Tân tổ chức trình diễn qua 2 đêm 19 và 20-3-2016 tại thành phố Cebu (Phi Luật Tân).

Chủ tịch BLIA Erwin Go chia sẻ, "Nhạc kịch Tất Đạt Đa bắt đầu vào năm 2007. Kể từ đó, chúng tôi đã có hơn 60 buổi diễn. Chúng tôi đã trình diễn tại Đài Loan, Los Angeles, San Francisco. Năm ngoái chúng tôi đến Tân Gia Ba và Mã Lai. Năm nay, vì là kỷ niệm năm thứ 10, chúng tôi không chỉ trình diễn tại Cebu này mà sau đó sẽ diễn tại Hồng Kông, rồi vài ngày sau sẽ diễn tại Ma Cao. Đến tháng 5, chúng tôi sẽ diễn tại Tân Tây Lan."

(tipitaka.net – March 22, 2016)



*Các diễn viên của Nhạc kịch Tất Đạt Đa
Photo: Allan Defenso*

ẤN ĐỘ: Đức Karmapa hướng dẫn tăng ni trong việc đối phó với thiên tai

Ngày 21-3-2016, Đức Karmapa 17, Ogyen Trinley Dorje, đã triệu tập Hội nghị Khoryug 17 dành cho các tăng ni viện Phật giáo Tây Tạng.

Khoryug (nghĩa là "môi trường" theo tiếng Tây Tạng) là một hiệp hội gồm hơn 50 cộng đồng tu viện Phật giáo tại Bhutan, Ấn Độ, Nepal về các vấn đề môi trường dưới sự bảo trợ của Đức Karmapa. Hội nghị năm nay có tựa đề "Phòng chống Thiên tai và Giảm thiểu Rủi ro", tập trung hơn 70 đại biểu tu sĩ đại diện cho 29 tăng ni viện. Sự kiện này được tổ chức từ ngày 21 đến 24-3-2016 tại Học viện Vajra Vidya ở thị trấn Sarnath,

bang Uttah Pradesh (Ấn Độ).

Qua 4 ngày hội nghị, Đức Karmapa hướng đến sự chuẩn bị cho chư tăng ni để dẫn dắt các cộng đồng địa phương trong các hoạt động ứng phó và phục hồi trước các thảm họa tiềm tàng như động đất, hỏa hoạn và lũ lụt. Họ cũng được đào tạo thành những người giảng dạy về giảm thiểu rủi ro để bảo đảm an toàn cho các cộng đồng, kêu gọi sự hiểu biết sâu sắc và những bài học rút ra từ các cộng đồng tu viện vốn từng ứng phó với những trận động đất tàn phá hồi năm ngoái.

(Buddhistdoor Global – March 22, 2016)



*Ngày đầu tiên của Hội nghị Khoryug 17
Photo: khoryug.infor*

ÚC ĐÀI LỢI: Nghĩa trang Phật giáo đầu tiên tại bang Nam Úc

Khu vườn và nghĩa trang dành cho Phật giáo đầu tiên của bang Nam Úc sẽ khánh thành vào ngày 3-4-2-16 tại Công viên Tưởng niệm Enfield, thành phố Adelaide.

Khu vườn đã được tạo lập để đáp ứng các nhu cầu cụ thể của cộng đồng Phật giáo đang tăng trưởng của bang. Tuy nhiên, ông Robert Pitt, Giám đốc điều hành Sở Nghĩa trang Adelaide nói rằng bất cứ ai cũng có thể được chôn tại khu vườn này, không phân biệt tín ngưỡng hay dân tộc.

Ông Pitt nói, "Cộng đồng Phật giáo ở Nam Úc đã mong mỏi có được một khu vực chôn cất thiêng liêng và một nơi đặc biệt để tưởng niệm, vì vậy Sở Nghĩa trang Adelaide rất vui vì có thể giúp đỡ".

"Chúng tôi đã cùng làm việc với cộng đồng Phật giáo

trong 2 năm qua để thành lập khu vườn...điều này bảo đảm một thiết kế toàn diện về tính xác thực và văn hóa".

Trong khuôn viên sẽ có 115 điểm chôn cất bao gồm các hầm, cũng như 280 ô tro cốt. Khu vườn có một bát hương và bàn cúng lễ, một tượng Phật cao 4 mét và những cây bồ đề.

(Lion's Roar – March 24, 2016)

HOA KỲ: Triển lãm "Nghệ thuật Phật giáo trên Con đường Tơ lụa của Trung Hoa"

Từ ngày 7-5-2016, Bảo tàng Getty ở California sẽ triển lãm các bản sao của 3 trong số những Hang động Mạc Cao (Đôn Hoàng) trong cuộc triển lãm "Chùa Hang của Đôn Hoàng: Nghệ thuật Phật giáo trên Con đường Tơ lụa của Trung Hoa".

Triển lãm đầy tham vọng gồm 3 phần này, được đồng tổ chức bởi Viện Nghiên cứu Getty và Viện Bảo tồn Getty với Học viện Đôn Hoàng (Trung Quốc), còn bao gồm một phòng trưng bày với hơn 40 hiện vật được phục hồi vào năm 1900 từ một hang động có biệt danh là "hang thư viện", cũng như một phần cài đặt đa phương tiện 3-D.

"Chùa Hang" cũng kể câu chuyện về cách mà Viện Bảo tồn Getty đã làm việc với Học viện Đôn Hoàng kể từ năm 1989 về gìn giữ và bảo tồn di tích này. Di tích ở Đôn Hoàng đã được rất nhiều người tham quan tại Trung Quốc, nhưng cuộc triển lãm của Getty sẽ là lần đầu tiên các hang động bản sao và nhiều hiện vật nghệ thuật được trưng bày tại Bắc Mỹ.

(Tipitaka Network – March 26, 2016)



Bích họa từ hang Mạc Cao 275 của Đôn hoàng

SINGAPORE: Các hội Đạo hữu Phật giáo của 3 nước tổ chức chương trình hòa nhạc Vesak 2016

Singapore – Các hội Đạo hữu Phật giáo của Indonesia, Mã Lai và Singapore đang tiến hành các kế hoạch mới lạ mà họ hy vọng sẽ truyền đi cảm hứng để kỷ niệm Đại lễ Phật Đản Vesak 2016.

Lần đầu tiên, 3 hội này sẽ phối hợp tổ chức chương trình hòa nhạc khu vực (vào 2 đêm 4 và 5-5-2016) tại Esplanade, địa điểm trình diễn nghệ thuật hàng đầu của Singapore.

Sự kiện này là một phản hồi trực tiếp tiếp cận với số lượng ngày càng tăng của những người có thể có quan tâm đến Phật giáo, nhưng có lẽ không thấy được giáo lý Phật giáo có thể có liên quan đến cuộc đời của họ như thế nào, cũng như không hiểu phải bắt đầu cuộc hành trình của họ ra sao để hiểu biết Đạo Pháp.

Vì các buổi trình diễn được tổ chức đặc biệt trong tháng Vesak, nó cũng đặc biệt quan trọng vì các thành viên khác nhau của xã hội có thể chia sẻ niềm hoan hỉ của sự kiện này.

Ba tổ chức nói trên hy vọng rằng qua các buổi trình diễn, Phật Pháp sẽ được giới thiệu với nhiều người trong loại hình âm nhạc và nghệ thuật trình diễn nhân Phật lịch 2558 năm nay.

(Big News Network – April 1, 2016)

VESAK CONCERT 2016

SADHU for the MUSIC

Directed by Imee Qoi
Performed by artists from Indonesia, Malaysia, Singapore
Esplanade Concert Hall
4th & 5th May 2016 | 7:30 PM

Tickets & Enquiries: \$20 | \$40 | \$68 | \$88 | \$120

SITC Hotline: (65) 6348 5555 www.sitc.com.sg
Buddhist Fellowship Singapore Hotline: (65) 6278 0900 www.buddhistfellowship.org
Kang Meng See Phor Kark See Monastery Hotline: (65) 9852 2492

ẤN ĐỘ & PAKISTAN: Bảo tồn các Di sản Phật giáo

Các khu phức hợp Phật giáo cổ tại Thotlakonda và Bavikonda, ở bang Andhra Pradesh, Ấn Độ, gần đây đã được tái thiết mở rộng dưới sự giám sát của Sở khảo cổ và Bảo tàng của bang. Công việc tái thiết dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối tháng này.

Bavikonda có niên đại từ thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên, trong khi Thotlakonda phát triển rực rỡ từ thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên đến thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên và có thể đã có nơi cư trú cho hơn 100 nhà sư vào lúc cao điểm.

Trong khi đó, tại Pakistan, di tích Phật giáo Ban Faqiran được phát hiện gần đây đã được khai quật tại vùng Đồi Margalla ở phía bắc Islamabad. Di tích này được cho là có niên đại từ thế kỷ thứ 2 đến thứ 4 sau Công nguyên. Công tác bảo tồn do Ban Khảo cổ và Bảo tàng Pakistan đảm nhiệm, dự kiến sẽ sớm khởi động. Ban Faqiran bao gồm một công trình kiến trúc giống một bảo tháp lớn hình vuông, mỗi cạnh dài 10.26 mét.

Kinh phí cho việc khai quật và bảo tồn Ban Faqiran do Quỹ Di sản Văn hóa Quốc gia Pakistan cung cấp vào tháng 1-2015, với việc khai quật bắt đầu vào tháng 8-2015. Dự án có tổng kinh phí 19,100 usd.

(Buddhistdoor Global – April 1, 2016)



*Tái xây dựng di tích Phật giáo cổ đại tại bang Andhra Pradesh, Ấn Độ
Photo: The Hindu*



Khu phức hợp Phật giáo Ban Faqiran, Pakistan—Photo: dawn.com

MIỀN ĐIỆN: Phủ lại lớp vàng tại Chùa Sule ở Yangon

Đợt tu sửa 5 năm một lần tại ngôi chùa Sule ở trung tâm thành phố Yangon bắt đầu vào tháng 12 -2015.

Mặt tiền của chùa bị hư hỏng do thời tiết và được phủ lại bằng hàng trăm miếng vàng - mỗi miếng có giá khoảng 1,100 usd - và hàng nghìn mét vuông vàng lá. Vàng tử lâu đã có một vai trò rất quan trọng tại Miền Điện.

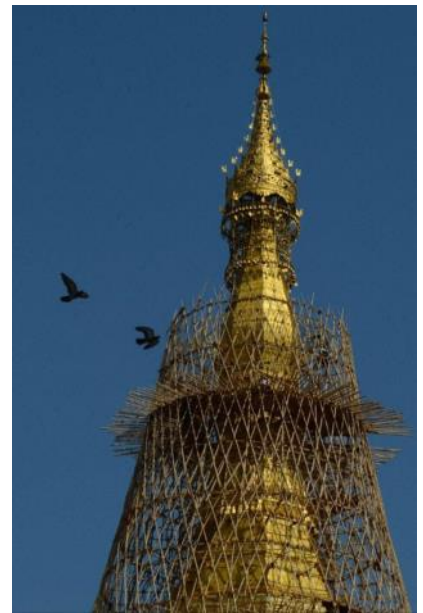
Đây thật là một chi phí đáng kể tại quốc gia Đông Nam Á nghèo khó này, nhưng đối với các Phật tử mộ đạo, việc cúng dường chùa chiền, tu viện và làm từ thiện là một cách thiết thực để làm công đức.

Được thiết kế vào thời thực dân Anh cai trị, là minh chứng cho tính chất đa văn hóa của thành phố Yangon nhộn nhịp, chùa Sule hàm chứa kiến trúc của một nhà thờ, một ngôi đền Hồi giáo cũng như của một hội trường thành phố.

Sule là một trong những ngôi chùa nổi tiếng nhất của Yangon, chỉ đứng thứ hai sau Chùa Shwedagon.

(shanghaidaily.com – April 3, 2016)

Chùa Sule ở Yangon được phủ lại bằng vàng—Photo: AFP



THÁI LAN: Số hóa hàng nghìn bản thảo Phật giáo cổ để sử dụng trực tuyến

Chính phủ Thái Lan đã số hóa và đưa lên mạng trực tuyến hàng nghìn bản thảo lịch sử từ vùng bắc Thái Lan.

Các bản thảo kỹ thuật số nói trên được lưu giữ trong Thư viện Kỹ thuật số của Bản thảo Bắc Thái.

Sáng kiến này là một phần của Dự án Bảo quản Bản thảo Bắc Thái (PNTMP), được tài trợ bởi chính phủ Đức. Dự án được tiến hành kể từ năm 1987, và đến nay đã chi phí 730,000 Euro. Đã có 4274 trong tổng số khoảng 7,000 bản thảo được số hóa.

Trưởng nhóm nghiên cứu số hóa là giáo sư người Đức Harald Hundius, một viện sĩ và là chuyên gia về ngôn ngữ Pali của Ấn Độ cổ, ngôn ngữ mà Đức Phật nguyên thủy đã giảng pháp.

Các bản thảo bao gồm các tác phẩm cổ về lịch sử, tôn giáo và pháp luật, văn hóa dân gian và truyện dân gian... Bản thảo cổ nhất có niên đại năm 1471, là một phiên bản tiếng Pali của những câu chuyện Jakata nói về các tiền kiếp của Đức Phật Cổ Đàm.

(tipitaka.net - April 6, 2016)



*Một bản thảo Phật giáo giảng giải truyện Jataka cổ xưa
Photo: Wikimedia*

ĐÀI LOAN: Xe lửa có chủ đề Quán Thế Âm nhân Ngày của Mẹ

Ban Quản trị Đường sắt Đài Loan (TRA) lên lịch trình cho một xe lửa mang chủ đề tượng Phật Quán Thế Âm nhân Ngày của Mẹ vào tháng tới.

TRA công bố sự kiện này sau khi thực hiện chuyến xe lửa có chủ đề Hello Kitty đầu tiên của quốc gia vào ngày 21-3-2016.

TRA nói rằng do Ngày của Mẹ năm 2014 ban này đã tổ chức một cuộc triển lãm gọi là "Một người mẹ là một Quán Thế Âm có nghìn tay", là sự kiện truyền cảm hứng cho chủ đề của năm nay.

Năm ngoái TRA cũng đã tổ chức một sự kiện với khoảng 1,000 người tham gia chép lại kinh Phật để tôn vinh mẹ của họ.

Các sự kiện nói trên đã được rất nhiều người biết đến, vì vậy TRA quyết định thực hiện chuyến xe lửa chủ đề Quán Thế Âm để khuyến khích mọi người đưa mẹ của mình đi dự một hành trình bằng xe lửa nhân Ngày của Mẹ.

Xe lửa chủ đề Quán Thế Âm sẽ rời ga Đài Bắc vào ngày 8-4-2016 và ngừng tại các ga ở Đài Trung, Đài Nam, Đài Đông, Hứa Liên rồi trở về ga Nankang ở Đài Bắc.

Bây pho tượng Quán Thế Âm sẽ được trưng bày tại các ga này, và Chùa Dajia Jenn Lann cùng các chùa khác sẽ cầu phúc cho Đài Loan.

(Taipei Times - April 7, 2016)

NHẬT BẢN: Quán Cà phê Chùa tại Tokyo

Thoạt nhìn, quán cà phê phục vụ cả rượu này trông giống bất kỳ quán khác, ngoại trừ một bàn thờ có tôn trí tượng Phật với vài nền màu nhũ vàng. Tên quán, Tera Cafe, là một gợi ý nữa – Tera nghĩa là Chùa theo tiếng Nhật.

Cuốn thực đơn xác định quán này có điều khác biệt. Nó liệt kê các lớp học với giá 1,500 yen (14 usd) về xâu tràng hạt, về thư pháp kinh Phật hoặc các dòng trích dẫn với một nhà sư.

Quán Cà phê Chùa là một phần của một hiện tượng đang phát triển mạnh tại Nhật, nơi các tu sĩ Phật giáo đang tìm cách thâm nhập vào thế giới hiện đại, khi mà công chúng mất dần sự kết nối với một truyền thống của 15 thế kỷ.

Hirotake Asano, sư trưởng chùa Shingyoji gần Tokyo, là người đã mở Quán Cà phê Chùa vào năm 2013, nói rằng chư tăng Phật giáo phải dần thân vào xã hội để xây dựng các mối liên kết.

(Reuters - April 8, 2016)



Một nhà sư phục vụ tại quán Cà phê Chùa—Photo: Reuters 8, 2016)

HOA KỲ: Lễ hội Phật giáo Nhật Bản Hanamatsuri tại thành phố Anaheim

Anaheim, California -

Trong lễ hội Hanamatsuri tại chùa Harada vào 2 ngày cuối tuần 9 và 10-4-2016, Giáo hội Phật giáo Quận Cam tại thành phố Anaheim đã tổ chức lễ mừng ngày Đức Phật đản sinh qua nghi lễ tắm tượng bằng trà ngọt và giảng dạy cho mọi người về ý nghĩa văn hóa của Ngài.

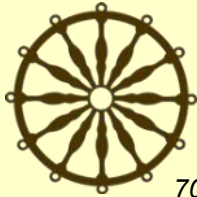
Lễ kỷ niệm đã thu hút khoảng 2,000 người tham dự, ăn các món ăn Nhật, thưởng thức ca vũ dân gian truyền thống và xem các cuộc triển lãm văn hóa.

Đối với chùa Harada, ngôi chùa Phật giáo Nhật tại Mỹ lớn nhất ở Quận Cam, sự kiện cuối tuần nói trên còn có mục đích thứ hai: giáo dục mọi người về Phật pháp Tịnh độ đặc biệt của bản tự, và về văn hóa và lịch sử Nhật Bản.

Giáo hội Phật giáo Quận Cam thực hành theo Phật pháp Tịnh độ, vốn khởi nguồn tại Nhật cách đây khoảng 800 năm. Phật pháp Tịnh độ truyền bá sang Hoa Kỳ vào khoảng cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, khi các làn sóng đầu tiên của những người nhập cư Nhật Bản đến.

(ocregister.com - April 10, 2016)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN 2016 - PHẬT LỊCH 2560

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Giáo phẩm, Thiên đức Tăng Ni
Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ, Cư sĩ Phật tử,

Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cung thỉnh chư tôn thiên đức Tăng Ni và quý Thiện tín, Cư sĩ Phật tử hiệp lực tổ chức Đại lễ Phật đản năm nay ở các nơi thật trang nghiêm, có chiều sâu và đánh thức được mục đích Đản sanh của đức Thế tôn. Mục đích đó là gì? Như Lai vì hòa bình, an lạc và giải thoát mà Đản sanh giữa thế gian. Chúng ta tổ chức lễ Phật đản không chỉ để kính mừng Ngài mà còn thiên tư về mục đích của Ngài. Khát vọng đó như người tìm lối cây, chúng ta chớ nhầm lẫn cành lá.

Làm sao để có hòa bình, an lạc và giải thoát? Đây là trái ngọt của một cây được trồng lâu ngày và được chăm sóc kỹ lưỡng. Bằng cách hãy cùng nhau tu học, thực tập giáo pháp và làm việc chung trong hoan hỷ. Mọi Phật sự dù nhỏ hay lớn phải được hưng khởi từ đại bi tâm của Bồ Tát Đạo. Phương tiện thiện xảo trong các sinh hoạt của giáo pháp là nhằm đưa người đến với giáo pháp. Do vậy, cần thận trọng và phải thấy mục đích tối thượng là hòa bình và an lạc qua các phương tiện thiện xảo này, nếu không chúng ta sẽ đi xa ước vọng của Thế tôn. Hãy nhận thức rằng con đường dẫn tới Niết Bàn là Niết Bàn. Từ đó, chúng ta sẽ cảm nhận ngay sự an lành trên đường đi tới hòa bình, an lạc và giải thoát.

Cũng trong mùa Phật đản, hãy quán chiếu về cộng đồng Phật Giáo Việt nam. Quán chiếu về sự hưng thịnh lẫn suy vi. Quán chiếu về nội lực và trí tuệ của chính mình. Quán chiếu hạnh nguyện lợi sanh đối với cộng đồng người Việt chúng ta. Sự quán chiếu này sẽ giúp người con Phật xa xứ biết mình là ai và phải làm gì. Những gì chúng ta ca tụng về đức Phật và giáo pháp của Ngài thì hoàn toàn chính đáng, nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó thôi thì thật đáng tiếc. Đức Phật muốn con người phải thay đổi từ bất thiện đến thiện nghiệp. Thiện nghiệp này có sẵn trong mỗi chúng ta như Phật tánh vậy. Chúng ta phải làm cho nó sống lại và hiển lộ khắp nhân gian. Đó là bản phận của chúng ta.

Thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm, tôi nhất tâm đánh lễ chư tôn Thiên đức Tăng Ni trong mùa Phật đản thân tâm an lạc và các Phật sự được gặp thuận duyên. Cầu xin chư Phật gia hộ cho tất cả quý thiện nam tín nữ tín tâm kiên cố. Hãy khắc cốt ghi tâm rằng, tất cả chúng ta chỉ có một. Đó là Phật Đạo.

California ngày 11 tháng 04 năm 2016

T.M. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

Sứ mệnh Phật Đản

THÍCH THÁI HÒA



Đức Phật xuất hiện giữa cõi đời, không như những vị thần linh và không hề mặc khải cho ai và cũng không hề để cho ai mặc khải, mà Ngài xuất hiện giữa cõi đời với tư cách của một bậc Giác ngộ hoàn toàn, nội hàm đầy đủ hai chất liệu Đại Trí và Đại Bi, đến và đi duyên theo đại nguyện.

Với chất liệu Đại Trí, Ngài có khả năng dẫn đường cho mọi người vượt ra khỏi đêm dài tăm tối; và với chất liệu Đại Bi, Ngài cùng đi với tất cả mọi người trên con đường dẫn đến nơi cao thượng.

Vì vậy, trong kinh A hàm và Nikàya nói rằng, ngày Phật Đản sanh là ngày gắn liền với bốn sứ mệnh như sau:

Hàn gắn lại những gì đã bị đổ vỡ: Do tri kiến sai lầm, con người đã vọng cầu về một bản ngã và do sự vọng cầu ấy, khiến cho đời sống con người bị phân hóa thành nhiều giai cấp, để thống trị, phân biệt kỳ thị, chiếm dụng và thanh toán lẫn nhau, khiến biến đời sôi sục, lửa hận bốc cao, tình người bị đổ vỡ, đời sống nhân loại bị bế tắc, hỗn độn cùng. Nên, đức Phật ra đời là để tuyên dương giáo lý *duyên khởi vô ngã*, nhằm hàn gắn lại những gì đã bị đổ vỡ từ những tri kiến sai lầm của thế giới con người, khai thông lại những gì mà tư duy của thế giới con người đã bị bế tắc, đưa họ vượt qua sa mạc nóng bỏng, cô độc của kiếp người, trở về sống với nhau trong tinh thần tương thân, tương ái và sống chung hòa bình với nhau trong cùng một bản thể chân như. Biết nhìn nhận nhau, đồng có Phật tính và không có sự khổ đau khác nhau, giữa những giọt nước mắt cùng dào cùng đỏ, giữa những giọt nước mắt cùng mặn.

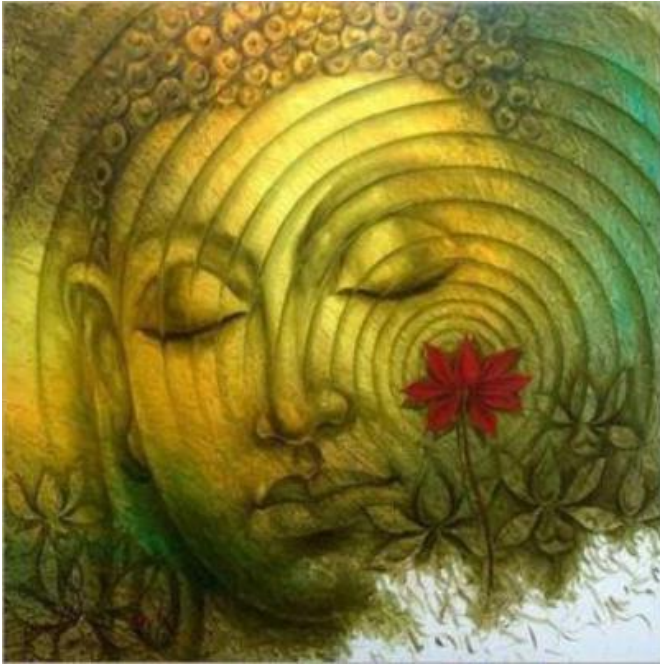
Dựng đứng lại những gì đã bị xiêu vẹo: Do tà kiến, con người đã sống và hành động theo một chiều, khiến cho mọi giá trị đạo đức, tâm linh đều bị nghiêng về một phía và sẽ dẫn đến sự xiêu vẹo, nghiêng đổ. Nên, đức Phật ra đời với sứ mệnh dựng đứng lại những gì giá trị đạo đức tâm linh cho thế giới con người với *chuẩn mực trung đạo*, kêu gọi mọi người nên từ bỏ hai lối sống cực đoan. Một là từ bỏ lối sống ép xác khổ hạnh, vì nó không dẫn đến lợi ích đời này và đời sau. Hai là từ bỏ đời sống buông lung trong các dục, vì nó là đời sống đê tiện và hèn hạ, không có khả năng dẫn đến một đời sống chí thiện trong hiện tại và tương lai. Từ bỏ hai cực đoan ấy, con người

có khả năng dựng đứng lại những gì trong đời sống đã bị tà kiến làm cho xiêu vẹo, lấy lại chủ quyền hay những giá trị cuộc sống mà tư thân con người đã bị đánh mất bởi những vô minh và tham vọng.

Bật đèn cho mọi người thấy: Do sống trong vô minh chấp ngã, nên con người không thấy rõ được sự thật về khổ đau, sự thật về nguyên nhân hay những tập khởi của khổ đau, sự thật của hạnh phúc, an lạc và sự thật về con đường diệt tận khổ đau. Nên, sứ mệnh của đức Phật ra đời là *bật ngọn đèn chánh kiến* cho mọi người thấy được bốn sự thật này, để có khả năng *tri khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo*, nhằm tự hoàn thiện đạo đức bản thân, gia đình và xã hội, khiến bản thân thăng hoa, gia đình hạnh phúc và xã hội an hòa.

Dẫn đường cho mọi người đi: Phật đạo là con đường dẫn đến đời sống giải thoát và giác ngộ. Giải thoát sanh tử và giác ngộ vô minh. Dù giàu có và sang trọng đến mấy, mà chưa thấy được biên cương của sanh tử, thì vẫn mê man và chuyến lưu trong trục xoáy luân hồi; và dù tri thức cao siêu đến cỡ nào, mà vẫn còn vọng tưởng về tự ngã, thì vẫn mù lòa với tự tánh chân như; và vẫn còn kẹt mắc giữa đôi bờ có không, sinh diệt. Nên, sứ mệnh của đức Phật ra đời là để dẫn đường cho mọi người đi đến phương trời rộng lớn của giải thoát và giác ngộ của Phật đạo, không còn bị kẹt mắc bởi tri kiến nhị biên, bởi ý chỉ tông môn, giáo phái. *Phật đạo là con đường duy nhất để chấm dứt tri kiến nhị biên, đoạn tận khổ đau sanh tử và dẫn đến đời sống tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Nên, Phật đạo là biển cả để cho mọi sông rãnh tìm về hội nhập.*

Hôm nay Mùa Phật Đản lại trở về với hành tinh chúng ta; đây là cơ hội để cho hàng đệ tử Phật khắp nơi trên thế giới làm lễ kỷ niệm ngày đản sanh của Ngài, nguyện tiếp tục kế thừa và phát huy bốn sứ mệnh cao cả ấy đến cùng khắp nhân loại và muôn loài, nhằm hàn gắn lại những gì trong cuộc sống đã bị đổ vỡ, dựng đứng lại những gì đã bị xiêu vẹo, bật ngọn đèn



chánh pháp cho mọi người cùng thấy và chỉ đường cho mọi người cùng đi về nơi giải thoát và giác ngộ.

Kỷ niệm Phật Đản năm nay, nhắc lại pháp nạn 1963, không phải để trách móc, khơi gợi sự tủi nhục hay vinh quang của một thời, mà nhắc nhở những người lãnh đạo tôn giáo và chính quyền cần phải cẩn trọng trong mọi hành xử, đừng để rơi vào bất cứ sự thiên lệch nào và đừng bao giờ để những sự kiện đáng tiếc ấy xảy ra và tái diễn trong lịch sử của thế giới con người, như đã từng xảy ra ở cuối thế kỷ mười hai của Phật giáo Ấn Độ, đời Tam võ của Phật giáo Trung Quốc, ở thế kỷ XVI của Phật giáo Tích Lan, ở thế kỷ XIX của Phật giáo Miến Điện và thời cận đại cách đây năm mươi năm của Phật giáo Việt Nam.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, dù Phật giáo được đối đãi trọng hậu, người con Phật cũng không lấy đó làm sự vinh quang và dù Phật giáo bị đối xử bạc đãi, người con Phật cũng không lấy đó làm sự tủi nhục. Người con Phật cảm thấy tủi nhục, khi tự thấy mình không làm được gì đúng như bậc Đạo sư của mình đã từng dạy và đã từng làm; và người con Phật cảm thấy vinh quang và hạnh phúc, khi thấy thế giới con người biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, biết tôn trọng những phẩm giá cao quý của cuộc sống, biết bảo vệ quyền sống của con người và thiên nhiên, biết sống chung với nhau trong hòa bình, nhằm nâng cao phẩm chất Trí tuệ và Từ bi để trang nghiêm cuộc sống.

Bằng tất cả tâm nguyện tiếp nối những sứ mệnh ấy của ngày Phật đản, hàng đệ tử Phật chúng ta khắp nơi, tùy theo cơ duyên và điều kiện của mình, cùng nhau đốt nén tâm hương, dâng lên cúng dường ngày đản sanh của đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni, ngưỡng nguyện Thế Tôn phủ thùy chứng giám.

KHÓ

*Thời nay tu học khó nhiều
 Ăn sung mặc sướng khó điều cái tâm
 Tiện nghi vật chất cho thân
 Ra ngoài siêu thị, nếu cần... thiếu chi
 Tìm đường đã có Navi
 Tìm người đã có thông tri mọi miền
 Điện thư cập nhật thường xuyên
 Đi đâu cũng sẵn... "xe riêng của nhà"*

*"Tìm ngoài" thì dễ tìm ra
 "Vào trong" mới khó đi qua, khó tìm
 Hướng hồ tìm lại... "cái Tâm"
 Vì không thấy mặt, nắm cầm được ư?
 Làm sao xây dựng lòng Từ
 Trong ngoài "cám dỗ" chực chờ đó đây
 "Một mình đi gió về mây
 Không thầy chả bạn đó mày làm nên"*

*Đi chùa thì cứ hay quên
 Đi siêu thị lại thường xuyên mỗi ngày
 Việc quan trọng cứ chệch bài
 Lại làm mấy việc thường hay dư thừa
 Mãi đem sự tích ngày xưa
 "Su đi hái thuốc con chưa thấy về
 Lạc thân giữa cõi lâm mê
 Con giờ lạc bước biết quê chốn nào"*

*Nghìn trùng tâm sự tiêu tao
 Chốn quen mà cứ ra vào ngăn ngõ
 Bên chiều trời đất sa mù
 Đời xa đã mấy mùa thu rụng vàng?
 Giật mình mới biết mùa sang
 Xa quê mới thấy chứa chan nỗi niềm
 Khó dừng lại gót truân chuyên
 Khó tìm cho thấy bình yên... vì lòng...*

*Người xưa "lấy khó làm khôn"
 Luyện rèn tâm để vươn lên làm người
 Người nay bám lấy "cái tôi"
 "Cho thân tứ đại"... ngược xuôi ta bà...!*

thơ TRẦN ĐAN HÀ



Ý NGHĨA PHẬT ĐẢN SANH VI DIỆU

Thích Quảng Bình

Phật Đản lại về, cuối xuân đầu hạ, cây đu lá xanh tràn trẻ sức sống, hoa sen rộ nở đóa diêu hồng, trắng mát, tỏa hương khoe sắc, như đón bậc vĩ nhân, từng đợt gió mang theo hơi nước của mưa xuân, cả thế gian như đắm chìm trong tươi mát, đất mẹ nhận những giọt cam lộ làm thấm nhuận đại địa đang xuân, sức sống tràn trẻ, tương lai tươi sáng, đây là ý nghĩa Phật đản sanh vi diệu.

Qua đó, đã khẳng định được vị trí quan trọng của chúng ta trên lĩnh vực một tôn giáo văn hóa, hòa bình của nhân loại và thấy được sự xuất hiện vi diệu của Đức Phật trong cuộc đời rất có ý nghĩa.

Điều hy hữu nhất trong tất cả những điều hy hữu là: khó thay Phật ra đời! Đây là sự kiện trọng đại, *vị tăng hữu* (chưa từng có), nghìn năm một thuở trong lịch sử nhân loại. Trong một thế giới, không bao giờ có hai vị Phật đồng thời xuất hiện. Kinh Nikàya có ghi: *"Một người, này các Tỳ kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một cách vi diệu. Người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A la hán Chánh Đẳng Giác."* Sự xuất hiện của Ngài được gọi là vi diệu vì sự xuất hiện đó như ánh sáng mặt trời xua tan bóng đêm tăm tối, mang lại hạnh phúc đích thực, bình an vĩnh cửu cho vạn loại, ban cho chúng sanh một phương thuốc màu nhiệm điều trị tâm bệnh, nỗi khổ trầm luân sinh tử.

Từ khi còn ở trong hoàng cung, Ngài đã thường trầm tư suy nghĩ về những cảnh sanh, già, bệnh, chết của kiếp sống con người. Ngài ăn không ngon, ngủ không yên khi nhìn thấy nỗi khổ đau của chúng sinh đang chìm đắm trong dục lạc, si ái. Ngài không màng đến những thú vui xa hoa, sung sướng cho riêng mình nơi cung son, khi nhân loại đang quở quạng trong đêm trường vô minh tăm tối. Ngài quyết định ra đi vì đại cuộc, vì mục đích tìm ra ánh sáng giác ngộ, cứu độ chúng sanh.

Kinh A Hàm có tán thán sự kiện Đản sanh hi hữu, vi diệu của Đức Phật như sau: *"Sự xuất hiện của một người, này các Tỳ kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, của đại quang, của đại minh, là sự xuất hiện thù thắng của sự chứng ngộ vô ngại giải, là sự chứng đạt các giới và các giới sai biệt, là sự chứng ngộ minh và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai, A La Hán, người ấy là ai? Này các Tỳ kheo, chính là Như Lai, bậc A La Hán."* Đức Phật xuất hiện gọi là mắt lớn, nhìn thấu suốt bản chất sự vật trên thế gian, là đại quang đại minh, là sự xuất hiện thù thắng của sự chứng đạt các giới và các giới sai biệt, thấy rõ sáu căn, sáu trần và sáu thức là vô thường, duyên sinh, vô ngã, huyền mộng. Ngài đã thắp sáng trí tuệ Bát Nhã, không còn vướng nhiễm các pháp, nên được giải thoát, đạt được các quả Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai, A La Hán một cách tự tại.

Phật Đản là ngày truyền thống của Phật giáo, thế nhưng ít ai hiểu rõ ý nghĩa "Phật Đản" và nguyên nhân có sự Đản sanh. Chúng ta cũng cần tìm hiểu qua ý nghĩa và nguyên nhân này. Tình cảnh xã hội Ấn độ vào thời ấy như thế nào, và buổi bình minh nước ấy cách nay mấy ngàn năm ra sao? Ấn độ, một xã hội đa thần, nhiều giai cấp, con người không sao tránh khỏi những họa hoạn từ giai cấp thống trị đang nắm quyền hành trong xã hội. Chán nản cuộc sống, con người bước vào sự tuyệt vọng, mất niềm tin, chán nản cùng tột vì không có lối thoát nào khác hơn. Người lìa thành thị vào rừng thâm, kẻ khác lại ép xác khổ hạnh, người người không ngớt bàn tán về nguyên nhân của sự khủng hoảng tinh thần, nhưng rốt cuộc không ai đi đến đâu. Con người xoay quanh mọi hướng như tể lệ, cầu khẩn nơi thần linh nhưng không thay đổi được gì, cảnh tang

thương vẫn bao trùm lên khắp xứ sở Ấn độ.

Theo phong tục Ấn Độ, người con gái sắp đến ngày sinh nở phải trở về quê mẹ, hoàng hậu Ma Da cũng không ngoại lệ. Trên đoạn đường về quê, khi ngang qua khu vườn Lâm Tỳ Ni, bà cảm thấy tâm trạng thư thái nhẹ nhàng, niềm vui lâng lâng khó tả giữa những tiếng chim đủ loại reo hót trên các cành cây như đón chào bà, một thánh mẫu đang mang thánh thai. Ánh bình minh tỏ rạng, những tia nắng hồng ban mai xuyên qua các cành cây cổ thụ để lại những vệt sáng dài trên cỏ, làm long lanh những giọt sương đường như còn đang say ngủ trong buổi sáng êm ả đẹp trời. Trong lúc đang say sưa ngắm nhìn cảnh vật quanh khu vườn, giữa bao kì hoa dị thảo, bỗng nhiên bà cảm thấy nhiệm vụ thiêng liêng của người mẹ bắt đầu xảy ra và phải xảy ra tại nơi này. Bà liền với tay nắm cành cây vô ưu để vững vàng trong giây phút chuyển dạ đột ngột. Bà liền cho thị nữ căng màn, trải một nơi nằm tạm thời cho giờ phút thiêng liêng, sự chờ đợi nức lòng của cả chư thiên và loài người, hay đúng hơn chính là sự mong mỏi của vua Tịnh Phạn và toàn dân kinh thành Ca Tỳ La Vệ. Bà hạ sinh một hoàng nam khôi ngô tuấn tú, một đấng trượng phu xuất cách được biểu hiện ngay từ lúc sơ sinh. Tương truyền rằng, khi sinh thái tử, lúc đó trái đất rung chuyển bảy lần, nhạc trời rền vang cả hư không, muôn chim bay lượn khắp trời, Ngài chào đời giống như bao nhiêu hài nhi khác nhưng có điều khác thường là thân thể không bị hoen ố mà còn rực rỡ như ánh bình minh. Điểm đặc biệt là khi Ngài Đản sanh, lúc đó thế giới sáng rực trong hào quang và thơm ngát mưa hoa của các vị thiên vương đến cung hạ Ngài, mây trời kết ngũ sắc cúng dường, hoa đằm bùng nở, gió nhạc êm đềm, chim hót líu lo, núi tu di dường như cúi đầu để tiếp đón bậc thầy của nhân thiên, cây cối trong vườn xanh tươi hẳn lên và đức Bồ Tát hạ sinh từ hông phải của mẹ, bước đi bảy bước, mỗi bước đều có hoa sen đỡ chân. Ngài đồng dạy tuyên ngôn: *"Thiên Thượng Thiên Hạ, Duy Ngã Độc Tôn, Vô Lượng Sinh Tử, Ư Kim Tận Hỷ."*

Trong lịch sử nhân loại, lần đầu tiên sự kiện hy hữu đã xảy ra, một tin mừng thật sự đã đến với loài người, vì đúng như tên gọi của bậc giáng trần, thái tử Tất-đạt-đa (Siddhata) có nghĩa là "vạn sự cát tường," thái tử sẽ là người mang lại an lạc cho toàn thể chúng sanh đang quẩn quại trong vòng luân hồi sanh tử. Đúng về mặt ngôn từ, quan điểm của Phật giáo Theraveda không dùng từ "Phật Đản sanh" mà dùng từ "Bồ-tát Đản sanh," vì Phật giáo Theraveda cho rằng, nếu nói Phật Đản sanh thì có người sẽ hiểu Phật đã thành đạo từ nhiều kiếp trước, kiếp này chỉ là thị hiện lại; nhưng nếu đã là Phật rồi lại Đản sanh thì tại sao đến năm 35 tuổi Ngài còn phải chiến thắng ma vương và thành đạo dưới cội Bồ-đề? Còn quan điểm của Phật giáo Đại thừa, sở dĩ có sự



xuất hiện của một vị Phật không phải là biến cố ngẫu nhiên mà chính là kết quả được thành tựu từ bao nhiêu tâm nguyện nung nấu ở quá khứ. Trước khi hóa thân làm thái tử, Ngài sống đời sang trọng sung sướng với vợ đẹp con thơ, rồi thức tỉnh cắt đứt những ràng buộc ân ái để sống kiếp khổ hạnh không nhà của người xuất gia, và sau cùng chứng đạo.

Sự xuất hiện của thái tử Tất-đạt-đa là "nội bí ngoại hiện." Tất cả những điều ấy nhằm chỉ bày "tri kiến Phật" nơi mỗi con người. Tri kiến Phật chính là cứu cánh rốt ráo của tất cả những nỗ lực của hàng Phật tử, dầu thuộc tại gia hay xuất gia. Tri kiến ấy là kết quả đạt được trong quá trình thực hành Bồ-tát đạo của đức Phật Thích-ca Mâu-ni và cả những chư Phật trong quá khứ. Tri kiến ấy là một cái nhìn thật sâu, thật sáng vào bản thể của nhân sinh quan và vũ trụ quan, mà danh từ Phật học gọi là "như thật tri kiến." Người nào đạt được một cái nhìn như thế đối với vũ trụ và con người thì người đó đã thực hiện được lý tưởng giải thoát. Người ấy tuyệt đối chẳng còn bị chi phối bởi những biến cố tâm lý, vật lý hay hoàn cảnh xã hội nào. Chính vì thế nhận rõ ràng sự tương của vạn hữu và nhân sinh như thế nên Ngài tuyên bố rằng: tất cả mọi người bất kể sang hèn, bần tiện hay cao quý, đều có Phật tánh và có khả năng thành Phật như nhau. Sự chứng ngộ Phật tánh của mỗi người là tùy vào nỗ lực riêng tư của từng cá nhân, chứ không phải ân huệ của một đấng thượng đế hay thần linh nào cả. Lần đầu tiên con người nghe thấy lời xác nhận hùng hồn đến thế, một năng lực tối thượng trong công trình tự giải phóng chính mình.

Lịch sử đã ghi nhận sự hiện hữu của đức Phật trên thế gian này cách nay hơn 25 thế kỷ: Đó là một nhân vật có thật trong lịch sử nhân loại. Năm 1986 nhà khảo cổ người Anh Cuningham đã khai quật được một trụ đá trong số 4 trụ đá do vua A Dục chôn để ghi lại nơi chốn đã gắn liền với lịch sử của đức Phật,

thường gọi là Tứ Động Tâm. Trên trụ đá có khắc năm dòng chữ:

*Năm Thiên Ái Thiên Kiến thứ 25 vua A Dục
đích thân đến đây chiêm bái.*

*Đức Phật Đà, dòng họ Thích Ca đi xuất gia,
Đản sinh nơi đây.*

*Vua sắc dựng thanh trụ để kỉ niệm nơi
Ngài đản sinh.*

*Thôn Lâm-tỳ-ni, nơi Phật đản sinh được
miễn thuế.*

*Đó là hồng ân Phật đối với nơi Ngài đản
sinh.*

Y cứ vào trụ đá được khai quật, Tây phương xoá bỏ quan niệm cho rằng đức Phật là nhân vật huyền thoại và chấp nhận là một nhân vật lịch sử, vì theo Tây phương, trụ đá đó chính là bản khai sinh của đức Phật. Đức Phật ra đời đã mang đến cho nhân gian suối nguồn hạnh phúc của đạo Từ bi và chỉ đường cho chúng sanh đi từ bờ mê sang bến giác. Quả như lời nhà hiền triết A Tư Đà đã tiên đoán sau khi được vua Tịnh Phạn mời vào cung xem tướng cho Thái tử (lúc mới vừa sinh ra). Ông khẳng định: Nếu Thái tử ở ngôi vua sẽ là một đại đế thống nhiếp thiên hạ, đem lại an lành cho trăm họ; còn nếu xuất gia, Thái tử sẽ thành bậc đại giác cao cả, trí tuệ tuyệt vời, có cái nhìn siêu tuyệt, phán nhận vũ trụ nhân sinh một cách xác đáng. Từ đó là một đạo sĩ chỉ dẫn cho con người đường hướng xây dựng bản thân, gia đình và xã hội hạnh phúc đẹp tươi, cao hơn là giác ngộ giải thoát. Giác ngộ sự thật của muôn vật, giải thoát mọi ưu phiền của vô minh, tham ái chấp trước, sinh tử luân hồi.

Đối với sự ra đời của một bậc vĩ nhân bao giờ cũng có những yếu tố huyền sử mà ít nhiều là do con người xây dựng nên để tạo sự khác biệt với người thường, đồng thời cũng là để phù hợp với quan niệm của người phương Đông. Cho nên, bên cạnh một đức Phật lịch sử, chúng ta còn có một đức Phật huyền thoại, một đức Phật truyền thuyết. Nhờ hình ảnh đức Phật huyền thoại này mà có niềm tin sâu xa trong lòng dân gian. Điều này đã được khẳng định qua lời dạy của đức Phật mà những Phật tử chân chính đã vâng giữ tu trì. Tuy nhiên, việc tìm hiểu nghĩa lý thâm sâu qua cuộc đời huyền thoại của đức Phật là rất cần thiết với những ai "bước đầu học Phật." Cũng như, để thiết lập sự truyền thông với Phật, để xứng đáng là Thích

tử Như Lai, chúng ta phải ứng dụng lời dạy của Phật vào trong đời sống hàng ngày. Vì rằng đạo Phật là đạo thể nghiệm. Không có sự tu tập chúng ta sẽ không có nguồn an lạc. Thế nên, ngoài việc học Phật chúng ta phải ý thức nỗ lực hành trì, thực tập chánh niệm tỉnh giác, để trong từng phút giây của cuộc sống, chúng ta luôn có một đức Phật đản sanh.

Bằng nguyện lực, Bồ-tát đã giáng phạm vào một xã hội như thế. Vì hơn ai hết, Ngài thấy rõ ràng, chỉ trong nỗi đau cùng cực con người mới vươn lên bằng chính khả năng của mình, mà sự vươn lên đó chính là sự đứng dậy xác nhận khả năng giải thoát tiềm tàng nơi bản thân mình, xác nhận giá trị tôn quý của mình. Sở dĩ chúng ta không hiểu nên cho rằng chúng ta cách Phật khá xa, nhưng thật ra là rất gần, gần trong gang tấc. Về lĩnh vực tinh thần, Phật có trí tuệ thuần khiết, có đức từ bi rộng lớn, có sức tự tại vô ngại; nhưng về phương diện nhục thể, qua hiện tượng Đản sanh làm người, Ngài cũng giống như chúng ta. Có điều, ý chí Ngài siêu phàm nên đã đạt đến quả vị tối hậu chấm dứt tất cả khổ đau. Điều đó cũng bao hàm ý nghĩa rằng, toàn thể nhân loại đều có khả năng chấm dứt khổ đau thành tựu Phật quả.

"Một chúng sanh duy nhất, một con người phi thường, xuất hiện trong thế gian này, vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc của chư thiên và loài người." (kinh A Hàm)

Ngày nay, dù hơn 25 thế kỷ đã trôi qua với bao biến đổi thăng trầm của thời cuộc, dù cả nhân loại đang tận hưởng nền văn minh vật chất của sự tiến bộ khoa học kĩ thuật, dù thế giới có biết đến Ngài là một đức Phật lịch sử, một nhân vật có thật, nhưng hình tượng một bậc siêu nhân mang tính huyền thoại nơi Ngài vẫn còn in đậm trong lòng những người con Phật. Cho nên, để không lạc vào mê tín, sùng bái đức Phật như Thượng đế, một vị thần linh ban phước, cũng như để xác định rõ niềm tin tôn giáo. Ngài không buộc ai phải quy ngưỡng Ngài, cũng không buộc ai tin Ngài mà chỉ mong mọi người hãy tin, hiểu và thực hành đúng chánh pháp thì mới đem lại cho mình sự liễu sanh thoát tử. Có điều, đức Phật đã chiến đấu chống lại những trói buộc của chính mình, chống lại bản ngã nhỏ bé của mình nên Ngài thành tựu như sở nguyện.



Mừng Phật Đản

GIÁC NGỘ VỀ THÔNG điệp ĐẦU ĐỜI SIÊU VIỆT

thơ THÍCH VIÊN THÀNH

*Phật ra đời để truyền ban thông điệp (1)
Chấp “ngã” “nhơn” (2) là căn bản luân hồi
Trong lục đạo theo dục vọng buông trôi
Để muôn kiếp chịu trầm luân khổ lụy
Khi “bản ngã” được tung hô cổ súy
Lớn cái “ta” sẽ nguy hại cho đời
Từ sơ sinh được chịu chuộng mọi nơi
Khi lớn lên là mối nguy xã hội
Trong công việc khi cái “ta” thượng tối
Bắt mọi người phục dịch theo ý “ta”
Nhưng chín người mười ý chẳng thuận hòa
Mất đoàn kết cơ quan không phát triển
Phân tu tập nếu cái “ta” hiện diện
Tu lâu năm chùa viện chúng đệ nhiều
Những thành quả tu tạo được bao nhiêu
Phải tôn trọng vì công lao “ta” cả
Thế danh lợi từ hoa nay trở quả
Hưởng thụ thôi vì công sức của mình
Đâu biết rằng tất cả bởi duyên sinh
Nhưng do “ngã” tham sân si phát triển
Khi “chấp ngã” là vô minh xuất hiện
Bởi “sinh tồn”, “hưởng thụ” chính bản năng
Khiến đau thương khổ lụy lắm nhọc nhằn
Gây chia rẽ chiến tranh đều do “ngã”
“Ngã” lớn lên sẽ sống đời tha hóa
Mọi hợp hòa thanh tịnh cũng tiêu ma
Giúp “Hình tợ sa môn” (3) được thăng tòa
Tâng bốc “ngã” là một điều tai hại
Nên Thế Tôn diệt “ngã” liền quyết phải
Nguyện xuống trần “khai thị” độ “chúng sanh”
“Phật tri kiến ngộ nhập” chính tu hành
Nhưng “ngã chấp” phải tiêu trừ trước nhất
Mọi chúng sanh muốn thành ma hay Phật
Cũng do từ “bản ngã” ấy sanh ra
“Ngã” lớn lên thế giới mất an hòa
Thành “vô ngã” đích thực mừng Phật Đản.*

An Lạc thất, mùa Phật Đản

Ghi chú:

(1) Thông điệp quan trọng đầu đời của Đức Phật là: **“Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”** nghĩa là: **Trên Trời dưới Trời chỉ có cái “ta” là tối thượng.** “Ta” quyết định tất cả. Cho nên phải Tu đến “vô ngã” mới đạt đến Niết Bàn. Do đó “Nếu một người Tu trải qua bao năm tháng hành đạo, không thấy mình (ta) tầm thường hơn, giản dị hơn và khiêm tốn hơn thời gian ban đầu, thì có lẽ “ta” đã đi lạc đường rồi” hoặc: “Càng tu lâu chừng nào, càng thấy mình (ta) không là gì cả, đó mới chính thực là tu” (Đạt Lai Lạt Ma). “Bản ngã” rất quan trọng trong tu tập và phụng sự chúng sanh, nên thường nhắc nhau lo diệt trừ ngã chấp là nhiệm vụ chính của người tu. Suốt 49 năm trường, Đức Phật dẫn đệ tử đi khắp thực hóa duyên, cũng không ngoài mục đích là dẹp trừ “bản ngã” hầu mới có thể vào “cửa không” để trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh được. **Khi còn “ngã” ích kỷ nhiều đau khổ/ “Vô ngã” rồi sống phụng sự vị tha/ Tu tiến nhanh giao tế cũng thuận hòa/ Phật liễu triệt mới truyền trao thông điệp...**

(2) Trong Kinh Kim Cang Phật có nói về Tứ tướng: “Ngã, Nhơn, Chúng Sanh, Thọ Giả” Bốn tướng này đại diện cho tất cả hiện tượng của nhân sinh vũ trụ tương đối, có thể dùng để giải thích nội tâm của con người đối với vũ trụ vạn vật sở sanh đủ thứ sai lầm. Nếu “chấp ngã” thì sẽ “chấp pháp” (nhơn - chúng sanh và thọ giả)

(3) Lại này Đại Ca Diếp ! Thế nào là **‘hình tợ Sa Môn’**? Ví như có thợ khéo dùng vàng mạ lên đồng màu sắc tợ vàng mà giá trị chẳng đồng với vàng, lúc chà mài mới biết chẳng phải vàng. Cũng vậy, người hình tợ Sa Môn ưa tự nghiêm túc thường tâm rửa đắp y chỉnh tề, nghi thức Sa Môn tất cả đều đủ, nhưng người này thường bị tham sân si làm hại, cũng bị lợi dưỡng cung kính tán thán làm hại, cũng bị ngã mạn, tăng thượng mạn tất cả phiền não làm hại; đầu được người quý trọng mà y không trọng pháp, thường siêng trang nghiêm thân mà chỉ cầu âm thực chẳng cầu Thánh pháp, chẳng lo sợ đời sau, thấy sự tôn trọng hiện tại chẳng phải tương lai tôn trọng, chỉ lo mập béo thêm dựa nơi lợi dưỡng chẳng phải dựa nơi Pháp, nhiều thứ hệ phược, siêng tạo gia nghiệp thuận lòng người tại gia cũng tùy theo sở thọ của họ, lúc khổ thọ khổ, lúc vui thọ vui, bị ghét thương làm hại, nơi pháp Sa Môn họ không có lòng muốn thực hành rời các nghi thức, tất cả sẽ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Người này không có thiết nghĩa Sa Môn, không có thiết danh Sa Môn, chẳng đồng với Sa Môn. Đây gọi là **«hình tợ Sa Môn» Trang 107-108, Pháp Hội Bửu Lương Tự Kinh Đại Bảo Tích Q.7**



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

Vietnamese American United Buddhist Congregation

CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM NAM CALI - Vietnamese Buddhist Community of Southern California

BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2560 - Buddha's Birthday Festival Celebration-Buddhist Year 2560

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 Tel.: (714) 571-0473 (619) 283-7655

THƯ CUNG THỈNH

Chứng Minh, Tham Dự Đại Lễ Phật Đản PL 2560 – DL 2016

Chủ Nhật, 01 tháng 05, 2016

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,

Lại một lần nữa, chúng ta thành kính tưởng niệm ngày Đức Thế Tôn thị hiện vào đời, đem hương vị giáo pháp giác ngộ, giải thoát đến cho con người, chư thiên và vạn loài chúng sinh trong pháp giới. Hương vị giáo pháp đó đã làm thăng hoa cuộc sống thánh thiện của con người, đã trang trải tình yêu thương, lòng từ bi đến cho tất cả, để từ đó giá trị sống đích thực hòa bình được thiết lập trên thế giới hôm nay. Bằng những ý nghĩa ấy để luôn trong ta hiện sáng hình ảnh Thái tử Tất Đạt Đa dưới gốc cây vô ưu trong vườn Lâm Tỳ Ni.

Thay mặt Ban Tổ Chức, chúng con thành tâm kính mời chư Tôn Đức Tăng Ni, từ bi hoan hỷ quang lâm về đạo tràng để chứng minh và tham dự Chương Trình Đại Lễ Phật Đản Phật lịch 2560 được tổ chức:

- Địa điểm: **Mile Square Regional Park**

16801 Euclid St., Fountain Valley, CA 92708 – Hoa Kỳ

- Thời gian: **8:00 giờ sáng đến 9:00 giờ tối, chủ Nhật, 01 tháng 05, 2016**

Sự chứng minh và tham dự của chư Tôn Đức Tăng Ni là biểu tỏ tấm lòng cao quý nhân ngày đức Phật đản sinh năm nay. Đồng thời cũng là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức trên tinh thần thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.

Thành tâm đành lễ và kính chúc chư Tôn Đức Tăng, Ni pháp thể trang nghiêm đạo quả viên thành.

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát Ma Ha Tát.

Santa Ana, ngày 06 tháng 4 năm 2016

TM Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2560

Trưởng Ban

Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
Vietnamese American United Buddhist Congregation
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM NAM CALI-Vietnamese Buddhist Community of Southern California
BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2560-Buddha's Birthday Festival Celebration-Buddhist Year 2560
803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 Tel.: (714) 571-0473 (619) 283-7655

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2560

I. Chương Trình chi tiết tối thứ bảy 30.4.2016

- 5:00pm - Trang nghiêm đạo tràng - Đồng hương Phật tử vân tập địa điểm hành lễ - Thịnh Linh từ Tượng Đài Chiến Sĩ và Tượng Đài Thuyền Nhân
- 5:30 pm - Chương trình Cắt Băng Khai Mạc Lễ Đài Đại Lễ Phật Đản PL2560
- Chương trình Khai Mạc Trai Đàn Cầu Siêu
- 5:35 pm - Văn Nghệ Đón Mừng Phật Đản PL2560 (Nhạc sĩ Nam Hưng)
- 8:30 pm - Bế Mạc

II. Chương Trình chi tiết chủ nhật 01.5.2016

- 8:00am - Trang nghiêm đạo tràng - Đồng hương Phật tử vân tập địa điểm hành lễ
- 9:00am - Văn nghệ đón mừng Phật Đản và thuyết pháp
- 10:00am - Đoàn Xe Diễn Hành khởi hành từ Westminster – Brookhurst đi trên đường phố Bolsa và tiến về Lễ Đài Phật Đản Mile Square Park
- 11:15am - Chư tôn đức vân tập Kỳ Viên Tịnh Xá
- 11:30am - Đón Đoàn Diễn Hành tại Khu Vực Hành Lễ
- Cúng Dường Trai Tăng - Tác Bạch của Ban Tổ Chức cung thỉnh Chư Tôn Đức quang lâm Lễ Đài - Cử Hành Nghi Thức Đản Sinh.
- 12:30pm - Vũ Điệu Dâng Hoa của GDPT
- Chính Thức Cử Hành Nghi Thức Đản Sinh
- 01:00pm - Chương trình Văn Nghệ xen kẽ Đón Mừng Phật Đản
- Thuyết pháp - Thuyết trình về Hiện Tình Đất Nước.
- 02:00pm - Viên chức chính quyền và quan khách đến
- Nghi thức khai mạc: Lễ chào Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Phật Giáo kỳ, National Anthem và phút nhập Từ Bi Quán (BHX Hải Triều Âm)
- 02:15pm - Liên khúc Khánh Đản (GDPT)
- 02:25pm - Giới thiệu thành phần tham dự
- 02:35pm -Diễn Văn Khai Mạc của Trưởng Ban Tổ Chức: HT Thích Nguyên Siêu
- 02:45pm - Diễn Văn Chào Mừng của Giám Sát Viên Andrew Đỗ - Lời Chào Mừng của Nghị Viên Micheal Võ - Phát biểu ngắn của đại diện dân cư.
- 03:00pm - Chúc mừng của đại diện GHPGVNTN HK: HT Thích Tín Nghĩa
- 03:10pm - Thông Bạch Phật Đản - HT Thích Thắng Hoan
- 03:20pm - Cảm tạ của Ban Tổ Chức
- 03:25pm - Chương trình Văn Nghệ Ca Nhạc và Võ Tuồng Cải Lương Ánh Đạo Vàng
Trình diễn đón mừng Phật Đản
- 09:00pm - Hoàn mãn.

HIỆN TƯỢNG LÂM PHÀM CỦA BỒ TÁT THÍCH CA

(Trích từ No. 1450, Căn Bản Thiết Nhất Thiết Hứa Bộ Tỳ Nại Da Phá
Tăng Sự quyển 2, Đường Nghĩa Tịnh)

Chúc Hiền dịch



Bồ tát từ cõi trời Đâu-suất (cõi trời thứ tư trong sáu tầng trời) thường có năm phép quán:

- 1- Quán sát nơi sinh.
- 2- Quán sát cõi nước.
- 3- Quán sát thời tiết.
- 4- Quán sát chủng tộc.
- 5- Quán sát cha mẹ sinh.

Vì sao Bồ-tát quán sát nơi sinh? Ở cõi trời Đâu-suất, Bồ-tát thường nghĩ: "Trong quá khứ, Bồ-tát thọ sinh ở đâu?" Bồ-tát liền thấy: "Hoặc được sinh ra từ gia đình tịnh hạnh Bà-la-môn. Hoặc được sinh ra từ gia đình thuộc giai cấp cao quý Sát-đế-lợi." Quán sát thấy vậy rồi, Bồ-tát nghĩ: "Nay, ta sẽ thọ sinh vào gia đình thuộc giai cấp Sát-đế-lợi. Vì sao? Vì nếu ta sinh vào trong nhà bần cùng, thấp hèn thì chúng sinh ở đời tương lai sẽ phỉ báng ta." Do nhân duyên này, nên Bồ-tát dùng phúc lực tự tại, tùy theo chỗ nghĩ mà được sinh vào đó. Thế nên, trước khi thọ sinh, Bồ-tát cần phải quán sát nơi mình thọ sinh.

Vì sao Bồ-tát quán sát quốc độ? Ở cõi trời Đâu-suất, Bồ-tát thường nghĩ: "Trong quá khứ, Bồ-tát sinh ra ở quốc độ nào thì liền thấy quốc độ đó. Nơi đó có lúa thóc, trâu, bò nhà cửa đều đầy đủ, thức ăn dễ được, không có mười ác nghiệp. Nhiều người ta tu theo mười thiện nghiệp." Bồ-tát thường suy nghĩ: "Trong nước

Thiên Trúc, có đầy đủ các điều kiện như thế, nên nay ta sẽ sinh vào giữa nước Thiên Trúc. Vì sao? Vì nếu sinh vào nơi biên địa thì sẽ có chúng sinh phỉ báng ta." Thế nên, Bồ tát dùng năng lực phúc đức tùy theo ý nghĩ muốn sinh nơi nào thì được sinh vào đó. Vì sao? Vì chư Phật ra đời thuyết pháp không hề hư vọng.

Vì sao Bồ-tát quán sát thời tiết? Bồ tát ở trời Đâu-suất thường nghĩ: "Trong quá khứ, khi sinh vào nhân gian, Bồ tát sinh vào thời điểm nào? Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh trong cõi nước kia thọ tử tám vạn tuổi giảm xuống còn một trăm tuổi. Bồ-tát sẽ sinh vào cõi nước ấy. Vì sao? Vì nếu khi con người thọ tám vạn tuổi trở lên thì họ không có khổ sâu, ngu si, điên đảo, kiêu mạn. Họ ưu thích những đồ dùng phi chánh pháp, khó tiếp nhận sự giáo hóa. Nếu khi con người có tuổi thọ ngắn, từ một trăm tuổi trở xuống thì họ bị năm trước làm cho mê mờ. Thế nào là năm trước? Đó là mạng trước, phiền não trước, chúng sinh trước, kiến trước, kiếp trước." Thế nên, Bồ-tát nghĩ: "Nếu ta xuất hiện vào thời ác thế thì sẽ có nhiều ngoại đạo phỉ báng ta. Vào đời năm trước các loại phi chánh pháp càng ngày càng nhiều. Do đó cũng giống như các vị Bồ-tát trong thời quá khứ, nay ta sẽ không xuất hiện vào thời ác trước. Vì sao? Vì chư Phật ra đời thuyết chánh pháp đều không hư dối." Đây là nghĩa quán sát thời tiết.

Lại nữa, vì sao Bồ-tát quán sát chủng tộc? Ở trời Đâu-suất, Bồ-tát thường suy nghĩ, xem xét: "Bồ-tát nên thọ sinh vào chủng tộc nào? Nếu thấy có người mà từ đời trước cho đến nay, nội ngoại thân tộc không có ai có thể chê bai, thì Bồ-tát liền sinh vào chủng tộc đó." Bồ tát quán sát như vậy xong, Ngài thấy dòng tộc Thích Ca là dòng tộc thanh tịnh, tôn quý, là dòng tộc vua chúa, xứng đáng để Ngài thọ sinh vào đó. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát sinh ra ở đời trong gia đình dòng tộc thấp hèn thì chúng sinh, sẽ sinh tâm phỉ báng. Do Bồ tát ở trong vô lượng kiếp đặc sức thần tự tại, nên Ngài ước muốn điều gì đều được như ý. Phạm pháp do Bồ-tát nói ra đều không hư dối. Vì nhân duyên đó, nên Bồ-tát quán sát dòng tộc thọ sinh.



Vì sao Bồ-tát quán sát cha mẹ sanh? Ở cõi trời Đâu-suất, Bồ-tát thường suy nghĩ: "Giống như các Bồ tát khác. Ta nên gá thai vào người mẹ nào?" Nghĩ thế rồi, Bồ-tát quán sát bảy đời dòng tộc của người nữ kia đều thanh tịnh, không có dâm dật ô nhiễm, đáng mạo đoan chánh, khéo tu giới hạnh, có thể mang thai Bồ-tát đủ mười tháng mà người mẹ đến đi không chướng ngại. Bồ-tát quán xét biết Đại Huyền Hóa phu nhân từng ở trong chư Phật thời quá khứ, phát nguyện vô thượng: "*Xin khiến cho ta đời sau, con cái do ta sinh ra, chúng đều thành tựu được trí tuệ.*" Sở dĩ Bồ-tát quán sát dòng tộc của người mẹ như thế là vì các Bồ-tát sợ chúng sinh có lời chê bai. Vì sao Bồ-tát ở trong thai người nữ vô tướng kia mà hiện ra nơi đời? Vì Bồ tát từ vô thị đến nay, đã gieo trồng các căn lành đều được thành tựu. Vì nghĩa đó, nên Bồ tát quán sát người mẹ để thọ sinh vào.

Bấy giờ, Bồ tát quán sát khắp năm điều trên liền ăn cần ba lần xuống báo chư thiên ở sáu tầng trời cõi dục: "*Nay ta từ trời Đâu-suất hạ sanh xuống nhân gian, trong thai Đại phu nhân Bạch Tịnh Phạm Vương làm Thái tử của Tịnh Phạm. Sau khi Đản sanh chúng quả thường trụ. Chư thiên các người nguyện muốn theo ta chứng quả ấy thì hãy cùng ta sanh vào trong nhân gian.*" Bồ-tát ở trong thiên chúng ba lần nói như thế.

Bấy giờ, chư thiên nghe lời ấy đồng thanh đáp: "*Lành thay! Bồ-tát biết chăng? Thiệm Bộ Châu kia, chúng sanh càng cường, khó giáo hóa, nhiều ô trược, loạn lạc, lục sư ngoại đạo, và lục thanh văn theo ngoại đạo, lục định ngoại đạo, đầy khắp cõi đó, vướng mắc tà kiến sâu nặng, khó có thể cứu vớt.*"

Thế nào là Lục sư: 1. Bô-lạt-noa, 2. Mạt-yết-lợi-tử, 3. San-thệ-di-tỳ-la-chi-tử, 4. A-thị-đa-kê-xá-cam-bà-la, 5. Cước-câu-đà-ca-chiên-diên-chủng, 6. Nị-yết-lan-đà-nhã-đề-tử.

Lục thanh văn theo ngoại đạo: 1- Câu-đạt-đa-bà-la-môn, 2- Thân-na-đà, 3- Giã-di, 4- Phạm-thọ, 5- Liên-thật, 6- Xích-hải-tử.

Thế nào là sáu định ngoại đạo: 1- Uất-đà-già-la-ma-tử, 2- La-la-ca-la-ma, 3- Thiện-phạm-chí, 4- Tội-thắng-nhu-đồng, 5- Hắc-tiên, 6- Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp-nhã-chi-la.

Đó là tà pháp ngoại đạo, giáo hóa các chúng sinh kia, vướng mắc vào tà kiến, khó có thể tế độ. Vì sao nay Bồ tát muốn đến nơi đó?

"*Nay ở cung trời Đâu-suất của ta có một tòa chư thiên nghe pháp rộng bằng mười hai Du-thiện-na (Do-tuần). Bồ-tát hãy ở lại đây thuyết pháp cho chúng tôi. Chúng tôi nghe pháp xong sẽ sinh lòng tin sâu, có thể khiến cho chúng tôi đạt được nhiều lợi lạc trong cảnh đêm dài tăm tối.*" Chư thiên nói lời ấy xong. Bồ-tát bảo chư thiên: "*Chư thiên các người hãy đều tùy ý trở các âm nhạc.*" Chư thiên cùng lúc trở các âm nhạc, âm thanh náo nhiệt. Bồ tát liền thổi ốc lớn, tiếng vang của các âm nhạc đều im bật.

Bồ tát hỏi chư thiên: "*Trong âm nhạc âm*

thanh nào lớn?"

Chư thiên đáp: "*Tiếng ốc lớn nhất.*"

Bồ-tát bảo: "*Này các thiện nam tử! Các người nên biết: 'Tiếng ốc lớn kia có thể khiến cho tất cả các tiếng âm nhạc khác đều im bật.' Nay Ta cũng như thế. Trong Thiệm Bộ Châu, Pháp ta nói ra khiến Lục sư ngoại đạo, Lục chúng Thanh văn ngoại đạo, Lục định ngoại đạo thảy đều tiêu trừ, khiến cho tất cả chúng sinh được đầy đủ pháp cam lồ. Ta thổi tiếng ốc vô thường khiến mưu toan tạm bợ của hàng ngoại đạo đều tiêu trừ. Thổi tiếng ốc rộng không rộng lớn, khiến cho kiến chấp về hữu của hàng ngoại đạo cũng đều tiêu diệt.*" Khi đó, Bồ-tát thuyết kệ:

*"Sư tử hàng phục các thú dữ
Kim cương đứt các vật cứng
Để thích chinh phục A-tu-la
Mặt trời sáng hơn muôn ánh sáng."*

Bấy giờ, nói kệ xong, Bồ-tát bảo chư thiên: "*Các người nếu muốn pháp cam lồ no đủ, thanh tịnh, hãy sanh vào sáu thành lớn ở trung Thiên Trúc.*" Thích Đề Hoàn Nhơn từ chỗ ngồi suy nghĩ: "*Bồ-tát Thích Ca chắc sẽ gá vào trong thai tạng của Ma-gia phu nhân. Nay ta sẽ dùng thần lực trợ giúp cho Bồ-tát, làm cho thân Ngài được thanh tịnh, khỏe mạnh, không có các cấu uế.*" Nghĩ thế rồi, Thích-đề-hoàn nhơn liền dùng sức thần thông làm cho thai tạng Ma-gia phu nhân kia được thanh tịnh. Khi đó, Bồ tát ở cung trời Đâu-suất quán sát năm việc như đã nói ở trên. Thế rồi, Ngài ăn cần ba lần báo với chư thiên: "*Vào giữa đêm, Bồ-tát hóa hiện như hình voi trắng sáu ngà giáng xuống Thiên Trúc, gá vào thai thanh tịnh của Ma-gia phu nhân.*"

Bấy giờ, Ma-da phu nhân nằm thấy bốn điềm mộng: 1- Thấy voi trắng sáu ngà, 2- Thấy thân mình bay lên hư không, 3- Thấy núi cao lớn, 4- Thấy mọi người vây quanh đánh lễ.

Khi mộng như thế rồi, Ma-da kể lại những điềm mộng trên cho vua Tịnh Phạm. Tịnh Phạm Vương mời tướng sư đến đoán mộng.

Tướng sư tâu: "*Theo pháp tướng của hạ thần thì phu nhân chắc chắn sẽ sanh quý tử, có đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc tượng pho, trang nghiêm nơi thân. Nếu thái tử kế tục ngôi vua sẽ cỡi bánh xe vàng nhiếp phục bốn thiên hạ. Nếu thái tử xuất gia tu đạo thì sẽ chứng ngôi vị pháp vương, danh tiếng vang dội khắp mười phương, làm đấng cha lành của tất cả chúng sanh.*" Kệ tụng rằng:

*"Khi ta giáng sinh
Bốn trời thủ hộ
Như viên minh châu
Các vật bao bọc
Giống như lụa báu."*

Người trí biết rõ, tự gìn giữ năm giới, không có các tâm niệm ham muốn dấy khởi. Thông thường, khi chư Bồ-tát từ trời Đâu-suất hạ sanh vào thai mẹ, thì mười phương đại địa thảy đều chấn động, hào quang chiếu sáng khắp nơi, cảnh giới sáu đường chúng sinh tùy

theo cảnh nghiệp, chỗ ánh sáng mặt trăng, mặt trời không chiếu đến mà hào quang ấy thay đều chiếu khắp hết. Chúng sinh trong đó đều bảo nhau: *"Hào quang này chưa từng có. Phải chăng đó chính là sự khác biệt giữa Bồ-tát với sự thọ sinh của chúng ta?"*

Lại nữa, khi Bồ tát giáng trần vào thai mẹ, Thích Đề Hoàn Nhân liền sai bốn vị thần thiên vương hộ vệ cho mẹ của Ngài. Bốn vị thiên vương đó gồm: Một vị cầm dao bén, một vị cầm kích (một thứ vũ khí thời xưa), một vị cầm tên, một vị cầm dây. Vì sao? Vì sợ các ác ma đoạt lấy mẹ Ngài.

Khi các Bồ-tát giáng sinh vào thai mẹ, mặc dù bị bao bọc các thứ, nhưng Ngài như viên minh châu, không có các thứ máu huyết làm cho dơ uế. Bồ-tát khi ở trong thai mẹ cũng lại như thế. Pháp thường của các Bồ-tát, mẹ của các ngài thường thấy Bồ-tát ở trong thai dường như có vài lụa đủ các màu xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... bao bọc các ngài giống như bảo vật trong sạch. Các bậc Tuệ nhãn thấy lụa báu phân biệt rõ ràng. Người mẹ thấy Bồ-tát ở trong thai cũng lại như thế. Pháp thường của Bồ-tát khi ở trong thai mẹ có thể khiến cho thân thể người mẹ hòa vui không có mệt mỏi. Các Bồ-tát khi ở trong thai mẹ, người mẹ tự nhiên gìn giữ năm giới: Không giết, không trộm, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu. Pháp thường của Bồ-tát ở trong thai mẹ, người mẹ tự nhiên không tham ái. Ma-da phu nhân bỗng tự suy nghĩ: Muốn uống cạn nước trong bốn biển lớn, nên phu nhân đến nói với vua Tịnh Phạn.

Bấy giờ, trong thành Kiếp-bi-la có một ngoại đạo tên là Xích Nhãn, giỏi các ảo thuật. Vua sai sứ giả mời Xích Nhãn đến. Vua nói lại ý trên của phu nhân. Xích Nhãn bảo: "Xin phu nhân hãy cùng lên trên lầu cao." Sau đó, Xích Nhãn dùng huyền thuật biến ra bốn biển nước, lấy nước cho phu nhân uống. Uống nước đó xong, phu nhân không còn nghĩ đến việc uống nước bốn biển nữa.

Ma-da phu nhân nghĩ: *"Nên phóng thích tất cả tu nhân bị giam cầm."* Nghĩ thế rồi, Ma-da phu nhân bày tỏ ý nghĩ của mình lên nhà vua. Vua nghe thế, sai quan ngục phóng thích các tù nhân. Ma-da phu nhân lại nghĩ muốn đem tài vật ra bố thí. Nghĩ vậy rồi đến thưa với Tịnh Phạn Vương. Tịnh Phạn liền cho đem các tài vật ra bố thí. Phu nhân lại nghĩ, muốn đến dạo chơi nơi thượng uyển, liền thưa với vua. Vua đưa phu nhân đến thượng uyển để thưởng ngoạn. Ý niệm này vừa dứt, lại nảy sinh ý niệm khác. Phu nhân muốn dừng lại ở trong thượng uyển của phu vương, liền thưa với vua. Vua nghe thế, liền sai sứ giả đến chỗ Thiên Ngô Vương tâu: *"Nay Ma-da phu nhân muốn đến thưởng ngoạn nơi vườn Lâm-tỳ-ni của Phu vương."* Vua sai người dọn dẹp quét tước để Ma-da phu nhân và các thể nữ tùy tùng đến vườn Lâm-tỳ-ni thưởng ngoạn. Vừa trông thấy một cây Vô Ưu hoa lá tốt tươi, Phu nhân chuyển dạ,

vịn lấy cành cây.

Khi ấy, trời Đế Thích biết mẹ Bồ-tát ở chỗ đông người mắc cỡ, không sanh được, nên liền phương tiện mưa gió lớn, khiến mọi người phân tán. Để Thích hóa làm bà lão đứng trước phu nhân. Phu nhân liền sanh. Trời Đế Thích dùng tiên y đỡ lấy. Do vì Đế Thích ở phía trước nên trong lòng phu nhân nhiều phiền muộn. Phu nhân bảo Đế Thích: *"Hãy để y xuống đất."* Đế Thích tạm đứng xa hơn. Khi Bồ-tát sanh, đại địa chấn động, trời đất sáng rỡ đến nỗi ánh sáng mặt trăng, mặt trời cũng không bì kịp. Ánh sáng soi khắp tất cả. Chúng sinh đều thấy lẫn nhau, cùng bảo nhau rằng: *"Ở đây không chỉ mình ta mà còn có những người khác."*

Pháp thường của Bồ-tát từ thai sinh ra không có máu mủ và các chất dơ uế khác. Mẹ Bồ-tát sắp sinh, không nằm, không ngồi, mà đứng, không có các khổ não. Sinh xong, Bồ-tát không cần người dìu dắt mà đi bảy bước, nhìn bốn phương nói lời như vầy: *"Đây là phương Đông, ta là bậc tối thượng trong tất cả chúng sinh. Đây là phương Nam, Ta có thể nhận sự cúng dường của chúng sinh. Đây là phương Tây, nay ta nhất định không thọ thân sau. Đây là phương Bắc, nay ta đã ra khỏi biển lớn sinh tử."*

Bấy giờ, chư thiên tay cầm bảo cái và phất trần màu trắng, có các báu trang sức rất đẹp, che trên Bồ-tát. Các long vương cầm hai dòng nước thơm, lạnh, nóng hòa vào tắm gội cho Bồ-tát. Pháp thường của Bồ-tát nơi đản sinh ở trước mẹ Ngài hiện ra ao nước lớn. Mẹ Ngài muốn tắm rửa thay đều đầy đủ. Pháp thường của Bồ-tát khi đản sinh, chư thiên ở trong không trung dùng các loại hương hoa vi diệu của cõi trời như mật hương, đõ hương, chiên đàn, trầm thủy để rải cúng dường Bồ-tát. Các loại âm nhạc của chư thiên trong hư không tự nhiên phát ra âm vang.

Bấy giờ, tiên A-tư-đà trú trong hang đá núi Cát-tát-chi-mê. Tiên này thường biết tất cả tướng thịnh suy ở thế gian. A-tư-đà có cháu ngoại là Na-la-đà. Na-la-đà thường đến cung kính cúng dường. Tiên nhân tùy duyên chỉ dạy. Tiên nhân bảo Na-la-đà: *"Hãy tin những lời thọ ký của tiên nhân danh tiếng kia là không hư vọng, và hãy sanh lòng hoan hỷ, cầu xin xuất gia làm đệ tử vị ấy."*

Bồ-tát khi vừa đản sanh, trời đất sáng rỡ. Na-la-đà thấy điềm ấy liền thưa với Tiên: *"Kính*



bạch thân giáo sư! Phải chăng nơi thế gian này có hai mặt trời xuất hiện? Nếu không có hai mặt trời, vì sao trong hang này có ánh sáng." Khi đó A-tư-đà nói kệ:

*"Mặt trời nóng bức chẳng sáng trong,
Ánh sáng nơi đây mát diệu kỳ.
Rờ rờ sáng soi nơi hang núi,
Ta biết chắc rằng ánh Mâu Ni.
Bồ-tát thần thông oai đức lớn,
Vừa ra thai mẹ hiện điềm hay,
Sáng đẹp thanh trong màu kim sắc,
Chiếu khắp càn khôn thế giới này."*

Na-la-đà thưa: "Thưa đức thân giáo sư! Nay con theo Ngài đến gặp Bồ-tát."

Tiên bảo: "Người biết không? Bồ-tát kia có uy đức lớn. Tám bộ trời rồng thầy đều vây quanh. Chúng ta đến đó không thể nào gặp được. Nếu Bồ-tát vào thành Kiếp-bi-la thì may ra chúng ta mới có thể đến diện kiến Ngài được." Khi Bồ-tát chào đời, năm trăm cung nhân mỗi người sinh một đứa con trai. Nhưng mọi người đều khen Đạt Ca là thượng thủ. Năm trăm cung nhân, mỗi người sinh một đứa con gái, Chiên-ni là thượng thủ. Năm trăm đại thần, mỗi vị sinh được một đứa con trai. Ưu-đà-di là thượng thủ. Năm trăm con voi, mỗi con sinh được một con voi con. Báo-lê-đà-tử là thượng thủ. Năm trăm con ngựa, mỗi con sanh được một con ngựa con. Mã-la-ha-mã-tử là thượng thủ. Năm trăm kho báu tự nhiên mở ra. Các quốc vương ở bốn phương đều kính phục, thường dâng các bảo vật cúng dường.

Bấy giờ, đại thần thấy hiện tượng ấy rồi. Ông ta liền đến tâu với vua. Vua nghe vậy, trầm tư suy nghĩ: "Nay con ta đây thành tựu tất cả các thiện nghiệp. Nhân đó vua đặt tên là Thành Tựu Nhất Thiết Sự." Đây là tên thứ nhất của Bồ-tát. Khi đó, ở thành Kiếp-bi-la có một đấng xoa tên là Thích Ca Tăng Trưởng. Theo thông lệ, dòng tộc Thích Ca ở thành này mỗi khi có người sinh được bé trai hay bé gái. Họ đều đến trước đấng xoa lễ bái. Đại vương liền sai quần thần trợ giúp đưa Thái tử đến chỗ đấng xoa Tăng Trưởng Thích Ca để lễ bái. Thần nhận lời dạy của vua, đem xe bảy báu đưa Thái tử đến chỗ đấng xoa. Những người dòng tộc Thích Ca trong thành Kiếp-bi-la tánh tình nóng nảy, tâm ý hung bạo, khởi tâm khởi tâm nhân, ngã, ương ngạnh bạo ngược, nhưng khi thấy Bồ-tát thầy đều đứng im lặng.

Khi đó, Tịnh Phạn Vương nghĩ: "Dòng tộc Thích Ca sinh sống ở trong thành Kiếp-bi-la tánh tình nóng nảy, tâm ý hung bạo, khởi tâm khởi tâm nhân, ngã, ương ngạnh bạo ngược. Khi thấy Thái tử vào thành đều như Mâu Ni đứng im lặng. Vì nhân duyên đó nên hãy đặt tên cho Thái tử là Thích Ca Mâu Ni." Bồ-tát Thích Ca Mâu Ni đến miếu đấng xoa, vị đấng xoa Thích Ca Tăng Trưởng kia xa thấy Bồ-tát từ từ đi đến gần miếu. Ông ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, năm vóc sát đất đánh lễ Bồ-tát. Mọi người trông thấy Bồ-tát đều ngạc nhiên lấy làm lạ, liền đến Tịnh Phạn Vương tâu: "Tâu Đại vương!

Nay thần đấng xoa từ xa thấy Thái tử. Ông ta từ nơi miếu bước ra đánh lễ hai chân Thái tử." Vua nghe vậy rất hoan hỷ nói rằng: "Nếu Thiên thần lễ bái Thái tử thì nên biết Thái tử là bậc Thiên Trung Thiên, vì nhân duyên đó gọi ngài là Đấng Thiên Trung Thiên."

Khi đó, Đại vương đem thái tử về cung, lệnh cho nhũ mẫu trong cung nuôi dưỡng dạy dỗ. Nhũ mẫu rất là hoan hỷ, ở bên vua đưa hai tay bế thái tử. Nhũ mẫu ở trong cung các nuôi dưỡng thái tử rất kỹ lưỡng. Hằng ngày nhũ mẫu đều cho tắm gội bằng nước ấm thơm, bôi các loại hương thơm, tắm thái tử đến chỗ vua. Vua ôm thái tử để trên đùi, ngắm nhìn tướng mạo của thái tử mà lòng vui vô hạn. Theo thông lệ, khi vua sinh con, đều cho mời tướng sư cổ phạm hạnh vào cung xem tướng. Vua đã cho mời tướng sư vào xem tướng cho thái tử. Tướng sư tâu: "Nay thái tử đây, thành tựu ba mươi hai tướng, nếu đời thì được làm đến Chuyển Luân Thánh Vương, làm vua bốn thiên hạ, dùng pháp lành để giáo hóa nhân dân, có đầy đủ bảy báu đó là: Kim luân báu, voi báu, ngựa báu, mặt ni báu, nữ báu, Quần thần báu và binh tướng báu, có cả ngàn người con dũng tướng khỏe mạnh, hàng phục quân khác. Người sở hữu trong đại địa ấy, không xâm phạm lẫn nhau, mọi người đều hành pháp lành thủ thẳng. Nếu xuất gia thì đắc ngôi vị Pháp vương, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác."

Tiếng tăm thái tử có đầy đủ ba mươi hai tướng vang dội khắp nơi. Vua hỏi: "Thế nào là ba mươi hai tướng đại trượng phu?"

- 1) Bàn chân bằng phẳng, đầy đặn.
- 2) Dưới bàn chân có dấu chỉ bánh xe ngàn căm.
- 3) Ngón tay thon dài.
- 4) Gót chân và mu bàn chân tròn và dài.
- 5) Bàn tay, bàn chân mềm mại.
- 6) Bàn tay, bàn chân đều có mào.
- 7) Tay duỗi xuống đến đầu gối.
- 8) Đùi thon tròn.
- 9) Thân không cong vẹo.
- 10) Nam căn ẩn.
- 11) Thân thể mạnh mẽ.
- 12) Thường ánh hào quang khoảng một tầm.
- 13) Lông trên thân rất đẹp.
- 14) Mỗi lỗ chân lông mọc một lông, lông màu xanh biếc, lông xoáy về bên phải hình tròn ốc.
- 15) Da ánh sắc vàng kim.
- 16) Da mịn màng không dính bụi.
- 17) Bảy chỗ trên thân: Hai tay, hai chân, hai vai và cổ đều đầy đặn.
- 18) Ngực vuông đầy như ngực sư tử vương.
- 19) Vai ngang bằng.
- 20) Giữa khớp xương đầy đặn.
- 21) Thân thẳng to mạnh mẽ.
- 22) Có bốn mươi cái răng, bằng ngay.
- 23) Răng không so le.
- 24) Răng trắng nhuận.
- 25) Hàm như hàm sư tử.
- 26) Lưỡi rộng mỏng, nếu thè ra trùm cả mặt đến mé tóc.

- 27) Trong các vị được vị tối thắng nhất.
 28) Lời nói phạm âm, hòa nhã làm cho mọi người thích ý giống như tiếng Yết-la-tần-ca, giọng nói hùng hồn như sấm, như trống trời.
 29) Mắt xanh biếc.
 30) Mắt như mắt trâu chúa.
 31) Trên đỉnh có nhục kế.
 32) Giữa mày có lông trắng sáng xoáy về bên phải như hình tròn ốc.

Nếu không xuất gia, Ngài sẽ đắc ngôi Chuyển Luân Thánh Vương, làm vua bốn châu lớn. Pháp thường của Bồ-tát, mẹ Bồ-tát sinh Bồ-tát xong, bảy ngày sau đó bà ta mạng chung sinh vào cõi trời thứ ba mươi ba. Khi Bồ-tát sinh ra, Ngài có thân tướng đoan nghiêm vượt xa thế gian, được mọi người thương mến, ngắm nhìn không chán. Ngài giống như những bức tượng do người thợ khéo tay, dùng vàng Diêm-phù-đàn làm nên. Thân của Bồ-tát cũng thế, khi Ngài sinh ra bên trên có thiên y che, hào quang rực rỡ chiếu soi khắp nơi. Ngài như hoa sen kia được mọi người yêu quý.

Pháp thường của Bồ-tát, mắt không dao động, giống chữ thiên ở cõi trời thứ ba mươi ba. Ngài thường quán sát sáu phương: Phương đông, tây, nam bắc, phương trên, và phương dưới, trong khoảng một do tuần. Giọng nói của Ngài thâm trầm, êm dịu, vang xa như tiếng chim trên rừng Tuyết sơn. Bồ-tát sanh ra tự nhiên đầy đủ trí tuệ, khéo hiểu tất cả các pháp hóa thân chánh ở thế gian. Quốc pháp của phụ vương Ngài đều thấu suốt.

Bấy giờ, Tiên nhân Na-la-đà đến thưa với thầy mình: "Nay Bồ-tát vào thành Kiếp-bi-la. Phụ vương Tịnh Phạn đã đặt cho Bồ-tát ba tên gọi. Nay xin thầy cùng đến lễ bái chiêm ngưỡng." Thầy của Na-la-đà đáp: "Nay ta theo ý người." Thế rồi, hai Tiên nhân cùng nhau đến đánh lễ, tham yết Bồ-tát. Vì năng lực của Bồ-tát nên khiến họ mất thần thông, không thể tự do đi lại trên hư không, nên hai thầy trò cùng đi bộ đến thành Kiếp-bi-la. Vào thành, đến bên ngoài cửa vua, hai tiên nhân bảo người gác cửa: "Người hãy đến thưa với vua: 'Nay Tiên A-tư-đà đến đứng ngoài cửa, muốn diện kiến vua.'" Khi đó, người giữ cửa đến chỗ vua trình bày đầy đủ sự việc trên. Vua nghe xong, liền cầm hương hoa ra nghinh đón hai Tiên nhân vào nội cung. Vua ôn tồn thăm hỏi: "Nay Tiên nhân vì duyên gì xa xôi như thế mà đến đây, hay muốn cầu việc gì?"

Hai Tiên nhân tâu: "Chúng tôi đến đây để xin được diện kiến Bồ-tát."

Vua bảo Tiên rằng: "Thái tử của Trẫm nay đang ngủ, hãy đợi giây lát sẽ cho diện kiến." Khi ấy, hai vị Tiên nhân tâu: "Mặc dù Thái tử còn ngủ, nhưng chúng tôi muốn đến chiêm ngưỡng." Vua liền để hai vị đến diện kiến Bồ-tát. Bồ-tát tuy ngủ nhưng mắt thường mở. Khi đó, A-tư-đà thấy vậy nói kệ tụng rằng:

*"Như rồng ngựa thật bay
 Tam ngủ rồi lại thức
 Như người khéo coi việc*

XUÂN MÃI CÒN ĐÂY

*Xuân đến rồi đi giữa đất trời
 Hoa nở rồi tàn cũng thế thôi
 Nghiệm suy vạn pháp sanh rồi diệt
 Giải thoát đường trần nhẹ cái tôi*

*Xuân mãi còn đây với chính ta
 Yêu thương rộng mở cõi ta bà
 Nhớ lời Phật dạy trong từng phút
 Giác ngộ cuộc đời mỗi bước qua*

*Xuân lòng tràn ngập tiếng cười vang
 Đạo tình tri ngộ phút sẽ san
 Chuông chùa vang vọng đêm canh vắng
 Xuất nhập yên bình chôn lạc an*

*Tâm Xuân về lại tánh chân nguyên
 Siêu phương ngày tháng đẹp nguồn duyên
 Muốn vật vô thường luôn biến đổi
 Còn Xuân còn mãi nét hương thiên.*

thơ

TÁNH THIÊN

Xuân 2016

"Ngủ không che họ được."

Di mẫu liền đi đến ảm thái tử trao cho hai vị tiên nhân. A-tư-đà liền quỳ xuống đưa hai tay tiếp nhận thái tử, quan sát khắp thân thể thái tử rồi hỏi Đại Vương: "Thưa Đại Vương! Đại Vương đã mời các tướng sư đến xem tướng cho Thái tử chưa?"

Tịnh Phạn Vương đáp: "Đã cho xem tướng."

A-tư-đà hỏi: "Các vị đó xem thái tử có tướng gì?"

Vua đáp: "Thái tử sẽ thừa kế ngôi vua, ngự trên Kim luân báu, tiếng tăm vang dội khắp các cõi nước trong mười phương." Khi đó, A-tư-đà nói kệ khen:

*"Nay đại vương nên biết
 Tướng thái tử khó lường
 Mạt kiếp không luân vương
 Đạo Bồ đề ắt chứng
 Tất cả kim luân vương
 Không tướng nào sánh bằng
 Nay ta xem thái tử
 Sẽ thành đấng Pháp vương."*

Chúc Hiền cẩn dịch

GẮN GỬI VUA QUAN LÀ PHI PHÁP

Thích Quảng Tánh



Vua Tần-bà-sa-la thỉnh Phật vào thành Vương-xá

Không phải ngẫu nhiên mà Đức Phật xem việc gắn gửi vua quan là nạn, và mạnh mẽ cảnh tỉnh chúng Tăng: “Gắn gửi bậc vua chúa vương gia có mười việc phi pháp.”

Phi pháp ở đây là không phù hợp với Chánh pháp, không giúp ích cho việc thành tựu mục tiêu phạm hạnh và giải thoát của hàng xuất gia.

“Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Gắn gửi bậc vua chúa vương gia có mười việc phi pháp. Thế nào là mười? Khi nước ấy khởi tâm mưu hại muốn giết vua, do âm mưu ấy nên nhà vua mạng chung. Dân chúng nước ấy bèn khởi nghĩ rằng: ‘Các Sa-môn đạo sĩ này thường lui tới, đây ắt là do Sa-môn gây nên.’ Đây là điều phi pháp thứ nhất của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa khi quan đại thần phản nghịch bị vua bắt và làm hại; khi ấy, nhân dân bèn khởi nghĩ rằng: ‘Sa-môn đạo sĩ này thường lui tới, đây chắc là Sa-môn làm ra.’ Đây là điều phi pháp thứ hai của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa, khi tài bảo trong nước bị mất, người giữ kho liền khởi ý nghĩ này: ‘Các báu vật này ta thường giữ gìn, không ai khác vào đây, chắc là Sa-môn lấy đi.’ Đây là điều phi pháp thứ ba của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa, khi con gái nhà vua đang lúc tuổi trẻ, chưa chồng mà mang thai; khi ấy, nhân dân bèn khởi nghĩ rằng: ‘Trong đây không ai lui tới, chắc là do Sa-môn gây ra.’ Đây là điều phi pháp thứ tư của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa, khi vua bị bệnh nặng, trúng thuốc độc của người khác; khi ấy, nhân dân bèn nghĩ rằng: ‘Trong đây không có ai khác, chắc là do Sa-môn gây nên.’ Đây là điều phi pháp thứ năm của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa, vua chúa, đại thần cùng tranh đấu nhau, giết hại nhau; khi ấy, nhân dân bèn nghĩ rằng: ‘Các đại thần này vốn hòa hợp nhau, nay lại chống trái nhau, điều này không do ai khác gây nên, chắc là do Sa-môn đạo sĩ.’ Đây là điều phi pháp thứ sáu của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa, hai quốc gia cùng đánh nhau tranh phần thắng; khi ấy nhân dân bèn khởi nghĩ: ‘Sa-môn đạo sĩ này thường lui tới trong đó, ắt là Sa-môn ấy gây chuyện.’ Đây là điều phi pháp thứ bảy của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa, quốc vương vốn ưa thích bố thí tài vật cho dân chúng, sau lại bòn sèn không chịu ban phát; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: ‘Vua của chúng ta vốn thích bố thí, nay lại bòn sèn tham lam không có tâm bố thí, đây ắt là Sa-môn gây nên.’ Đây là điều phi pháp thứ tám của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa, vua thường dùng Chánh pháp để thu tài vật của dân chúng, sau lại phi pháp lấy tài bảo của dân; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: ‘Vua của chúng ta vốn dùng Chánh pháp để lấy tài vật nhân dân, nay lại dùng phi pháp để lấy tài vật. Đây chắc do Sa-môn gây nên.’ Đây là điều phi pháp thứ chín của nạn gắn gửi quốc vương.

Lại nữa, nhân dân khắp nước bị bệnh bởi do duyên đời trước; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: ‘Lúc trước chúng ta không có bệnh, nay mọi người đều bị bệnh, người chết đầy đường, chắc là do chú thuật của Sa-môn gây nên.’ Đây là điều phi pháp thứ mười, của nạn gắn gửi quốc vương.

Này Tỳ-kheo! Đó là mười điều phi pháp, tai nạn của sự gắn gửi quốc vương. Cho nên các Tỳ-kheo chớ sanh tâm gắn gửi vua chúa. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.”

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập III, phẩm 46. Kết cัม, VNCPHVN ấn hành, 1998, tr.283)

Rõ ràng, thế giới của vua quan đầy quyền lực, lợi danh nên cũng ngập tràn tranh đấu, thị phi, phiền não. Được thân gần vua quan đối với người thế gian là phúc phần nhưng với người xuất gia chân chính, tìm cầu thanh tịnh và giải thoát, dĩ nhiên phải lánh xa chốn bụi hồng. Đoạn kinh trên, Thế Tôn đã nói rõ về “mười điều phi pháp, tai nạn của sự gắn gửi quốc vương” đồng thời khuyến cáo “Tỳ-kheo chớ sanh tâm gắn gửi vua chúa.”

Ở một phương diện khác, lịch sử cho thấy công cuộc hoằng dương Phật pháp từ thời Thế Tôn cho đến nay, đại thể cũng rất cần sự hộ trì của vua quan, ủng hộ của chính quyền. Thế nên, những lời dạy này, thiết nghĩ cũng là điều đáng suy gẫm cho người xuất gia ứng dụng và hành xử trong tương tác giữa đạo và đời, giữa Tăng và quan chức, giữa Giáo hội và chính quyền, không chỉ hiện nay mà ở mọi thời.

PHẨM VỊ VÀ CHỖ ĐỨNG...

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA

Thông thường, mà đặc biệt người Việt Nam chúng ta, chung chung hay đưa cái ta rất to tướng cho dù là cấp lớn, cấp nhỏ trong chính phủ từ trung ương đến địa phương xã, thôn hay kể cả kẻ cùng đình... Đây là nói chung từ nhân gian cho đến tôn giáo.

Tuy nhiên, cũng có những trường hợp đặc biệt hay là ngoại lệ. Chúng tôi chỉ đơn thuần nói về một vài đặc điểm mà chúng tôi được sinh ra, lớn lên, ăn học thành người từ trong làng, ra đến xã quận và trong chốn thiền môn.

Tôi vốn gốc làng Hiền Lương, xã Phong Hiền, quận Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Tôi có một phước báo đặc biệt là thọ sinh trong làng Hiền Lương, lại được xuất gia trong một ngôi Tổ đình gương mẫu, thọ học với một vị Sư phụ nghiêm minh, đức độ từ ái nên cũng thấm nhuần khá nhiều về cả nho phong lẫn đạo đức. *(Ai muốn rõ chi tiết thêm xin đón đọc tác phẩm Hiền Lương Chí Lược Tân Biên và Trúc Lâm Thiền Phái Tại Huế).*

Làng Hiền Lương dân hiền và thuần hậu. Ngay từ thời phong kiến, làng đã có những vị có học vị và phẩm hàm làm quan đến trụ triều đình như cụ Trương Như Cương học vị Cử nhân, cụ Trần Đình Bá học vị Tiến sĩ làm đến chức Tổng đốc ở phủ Nha miêu Ngoại trang, Thanh Hóa mà nơi này triều Nguyễn không bỏ xứ bất cứ ai nếu không phải là dòng họ của chúa Nguyễn hay người sinh ra từ Thanh Hóa.

Thế nhưng, những khi là có việc tế lễ trọng đại, làng mời con dân về tham dự và đóng góp. Hai cụ Trương Như Cương và Trần Đình Bá cũng về tham dự cũng như góp phần của mình về một hộ đình của làng, tự xem mình là con dân của làng phải có bốn phận. Khi Hai cụ về làng, dân làng tổ chức đón rước trọng thể, nhưng hai cụ từ chối và thưa với làng rằng chúng tôi đều là con dân của làng, bà con đừng làm vậy không hay.

Dân làng dành ngôi vị đồng đứng tế căn giữa của làng, hai cụ cũng từ chối và xin được đứng hai bên. Chính vị dành riêng cho vị Hương cả của làng chủ tế. Tế lễ xong cùng dùng cơm thân mật với làng, hai cụ cũng nhường vị Hương cả ngôi chánh vị trong mâm cỗ. Và, chính hai cụ cũng tương nhượng nhau về chiếc ghế ngồi. Cụ Trương tuy là phẩm vị Bộ hình, nhưng là học vị Cử nhân nên nhường cho cụ

Trần tuy phẩm vị Tổng đốc, nhưng học vị Tiến sĩ; nhìn đó, chúng ta thấy biết tâm lượng của hai cụ. Đó là chuyện xưa, thuộc về đời phong kiến, cha truyền con nối.

Về thời dân chủ của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, dân làng có vị làm Xã trưởng xã Phong Hiền tên là Hoàng Như Mau, vai anh của chúng tôi, nay là 92 tuổi cũng còn tại thế và sống với con cháu ở Cổ đô Huế.

Trong lúc đang tại vị là Xã trưởng, nhưng khi có việc làng, việc xóm, Anh Hoàng Như Mau cũng trực tiếp tham gia và tham dự; đóng góp đúng mức vai vế của một hộ đình trong làng trong xóm. Dân làng cũng kính trọng và đối xử như một vị quan quyền trong xã hội, nhưng anh một mực khiêm nhường, chối từ.

Dân làng Hiền Lương của chúng tôi như thế đó. Ngày còn là quần chủ thì sao, chúng tôi còn nhỏ. Khi lớn lên trong chế độ Cộng hòa, dù hoàn cảnh có đổi dời, thay ngôi đổi chủ vẫn xem nhau như anh em một nhà, không có chuyện trả thù dưới bất cứ hình thức nào, cho đến xã hội hiện tại cũng thế. Không có phân biệt thế này thế nọ.

Bản thân tôi tham gia và tham dự việc Giáo hội, việc Gia đình Phật tử có lắm chuyện cũng buồn. Ví dụ như chuyện Đại hội của Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Hoa Kỳ, khi mời thân lâm tham dự Đại hội cũng kèn cựa là được mời hay không được mời và nếu mời thì với chức vụ nào? Cùng một người đóng đến hai vai, hai ngôi vị bắt buộc Ban tổ chức phải có hai thư mời. Không biết, nếu có hai hay ba thư mời về dự hội, thì Ban tổ chức phải xếp đặt cho vị ấy mấy cái ghế cho đứng phép? Và khi đi vào chi tiết cho chương trình Đại hội thì vị ấy lấy vai về nào để phát biểu, để đóng góp cho Đại hội. Không lý đang ngồi trên ghế cao, chạy xuống góp ý hay ngồi từ trên ghế cao để phán xuống. Mà nếu là phán xuống theo ý mình thì đâu phải là đường lối của Ban tổ chức Đại hội đang xảy ra của tổ chức? Nhưng nếu chỉ ngồi im như nghị gật thì có lợi gì cho chiếc áo phục vụ tổ chức? Đã mang chiếc áo đại diện cho Giáo dục, cho Đạo đức mà hành xử như vậy có đúng với tâm nguyện của người con Phật hay không nữa chứ!

Khi mang phẩm vị và áo lam phát nguyện trước Tam bảo thì xin vị tha vô ngã, vì tinh thần chung Bất Khả Phân; nhưng đưng chuyện thì đòi hỏi đủ thứ như chức vị, ghế ngồi, chỗ đứng... Trả lời sao đây?

Lời ngắn tình dài, xin quý vị noi gương mấy ông quan từ Quân chủ đến Dân chủ của làng Hiền Lương thì vui về biết mấy.

Mong thay!





SUY NGẪM VỀ SỰ THÁCH THỨC CỦA GIÁO PHÁP

Tác giả: **I.B.Horner M.A.**
Chủ tịch Hội Thánh Điện Pài

Nguyễn Hạnh dịch

Tôi luôn nghĩ về lễ Tam Hợp như là một cơ duyên trang trọng đặc biệt. Tôi biết đó là thời gian cho sự vui mừng, nhưng cũng là thời gian của sự trang nghiêm khi hằng năm, chúng ta đã công nhận lễ tưởng niệm Đức Phật là hoạt động như một yêu cầu để chúng ta tự làm mới và tịnh hóa mình từ bên trong. Đối với tất cả chúng ta, chính sự tồn tại của những gì mà chúng ta gọi là Phật giáo đã tạo ra mức chuyển biến khác biệt đến đời sống chúng ta.

Nó chỉ ra cho chúng ta có điều gì đó để tiếp tục ngoài một điều gì đó để học nữa. Chính Phật Pháp đặt trước chúng ta những lý tưởng lớn của lòng từ và bi đối với tất cả loài có sự sống và hơi thở, và điều này chắc chắn bao gồm sự công bằng và lòng nhân từ đối với động vật. Và Phật Pháp đặt trước chúng ta đạo đức cá nhân, mỗi chúng ta có thể khép mình để thực hành và phát triển một cách kiên định trong năm giới.

Tuy nhiên, điều thiện không phải vì mục đích thiện nhưng nó không thể và chắc chắn không được phớt lờ. Như *Pháp Cú* ghi: Chớ xem nhẹ điều thiện nhỏ, bảo rằng, 'nó sẽ không mang lại thiện quả cho ta.' Từng giọt làm đầy bình nước. Đúng như thế, người trí góp nhặt từng chút, tự mình làm đầy điều thiện. Vì khi chúng ta tích lũy đầy điều thiện, chúng ta có

thể thấy nó có giá trị to lớn. Cùng lúc đó chúng ta chớ quên rằng giá trị của nó chỉ là một phương tiện. Cái đích ở chỗ cao nhất, đầy đủ tuyệt hảo nhất của điều thiện thì nhiều hơn nội dung đạo đức đơn thuần.

Vì thế nó là điều, nếu chúng ta có những tiêu chuẩn về điều thiện, mỗi lúc phải đối diện với một lựa chọn (là sự lựa chọn hay ý muốn có ảnh hưởng tốt hoặc xấu hơn tới biệt nghiệp của chúng ta) và mỗi lúc chúng ta chọn cách tốt hơn để làm và hướng dẫn thân khẩu ý của mình, hoặc mỗi lúc chúng ta có thể chọn chính điều trọn vẹn là thiện, chúng ta có nhiều khả năng tiến bộ hơn dọc theo đạo lộ.

Con đường xưa

Được các Đức Phật quá khứ khám phá và bước theo, Con đường xưa này được Đức Phật Cù Đàm phát hiện lại vào một đêm, khi ở tuổi khoảng 35, Ngài ngồi nhập định dưới cội Bồ-đề, Cây Trí Tuệ ở Bồ Đề Đạo Tràng gần bờ sông Ni-liên-thiên.

Con đường xưa này là Bát chánh đạo, đạo lộ giải thoát đến bờ kia, vốn là con đường được Ngài công bố lại sau khi nó đã mất dấu vào lúc nhập diệt của các đức Như Lai (*Tathāgata*) quá khứ. Nó cung cấp lý thuyết và thực hành để đến Bờ bên kia, "nơi mà tất cả đều tịch tĩnh

(suttanipāta), nơi mà, trong những phạm vi mở rộng của tâm ở trên sự nhận thức bình thường, sự rối bời và sự sinh diệt liên tục của xúc cảm sau khi được làm chủ, có thể được lờ đi, bởi vì xúc cảm không còn được khao khát nữa.”

Đức Phật ví Con Đường (Đạo) giống như chiếc bè, nó được bỏ lại vào khoảnh khắc chúng nhập Niết Bàn (bất tử), *Nibbānogaḍha, amatogaḍha*, khoảnh khắc vượt thoát đến bờ Bên kia, vì lúc bấy giờ mục đích phục vụ của nó đã xong, và không còn cần đến nữa. Không nên quá thường xuyên bảo rằng mục tiêu đạo đức Phật giáo và mục tiêu phát triển tâm, kiểm soát tâm (với) Giáo huấn nhấn mạnh và để tiếp cận bằng những phương pháp thiền định, là mục tiêu có thể nhận biết ở đây và bây giờ, và không đơn thuần trong vài trạng thái tương lai.

Trong Phật giáo giá trị to lớn gắn liền với ‘khoảnh khắc,’ với những gì thuộc hiện tại. Sự nỗ lực thuộc khoảnh khắc hiện tại và vì thế tinh tấn, nỗ lực và quyết tâm – tất cả chúng là đạo đức Phật giáo. Bước đi trên Con Đường thuộc khoảnh khắc hiện tại như thế, khi bước đi, một cách tiềm tàng, (là) sự hoàn tất, sự đến đích ở cuối Con Đường.

Đây là thuyết: bằng cách tự mình nỗ lực và phấn đấu, cái chuỗi (vòng tròn) những kiếp sống (tái sinh) của cá nhân vốn đã giữ chặt anh ta trong sự cấu trúc, vốn được khâu kết bởi chính những khao khát lạc thú giác quan và sự vô minh cần để rất nguy hiểm của anh ta, vòng này có thể được đặt vào chỗ kết thúc của nó liền tại đây và ngay bây giờ. Như thế, (Đạo lộ này là) nhân chính cho sự chấm dứt những nỗi thống khổ mà cá nhân đã gánh chịu trong vô số kiếp. Sự Nhập diệt cứu cánh (hoàn toàn viên mãn), Bát-Niết-Bàn của Đức Phật, một trong những sự kiện mà chúng ta tưởng nhớ tại Lễ Tam Hợp, và Bát-Niết-Bàn của chư vị A La Hán có thể và đã xảy ra không còn lưu lại một chút gì về những khối thân-tâm hữu dư y của các Ngài vì các Ngài đã hoàn toàn diệt trừ



những khao khát đòi hỏi cho những trải nghiệm giác quan và cho kiếp sống tiếp diễn.

Tim hạnh phúc

Kiểm tìm loại hạnh phúc vượt trội hạnh phúc trải nghiệm giác quan cũng là mục đích của chúng ta. Tuy nhiên, trong thực hành, có thể trải nhiều kiếp để hoàn thành. Chúng ta đều biết về các Truyện Tiên Thân trong đại tạng Pāli, có 547 truyện về những kiếp trước của Đức Phật khi Ngài còn là Bồ Tát nỗ lực với quyết tâm kiên định cho kết quả của lời nguyện mà Ngài đã thực hiện nhiều kiếp trước dưới thời Đức Phật Nhiên Đăng (rằng) một ngày nào đó chính Ngài là một vị Phật. Quả thực, sự thực hành không dễ dàng hoàn thành. Mặc khác, không có lý do để thất vọng. Vì dần dần, từng chút một và theo thời gian, người trí có thể loại trừ những bất tịnh của mình—và không có ai có thể thanh lọc hay gột rửa cho người khác—như thợ giả kim loại bỏ tạp chất ra khỏi thỏi bạc (*Dhammapāda*).

Sự cần thiết căn bản trong cuộc chiến để phát triển điều kỳ xảo này là tinh tấn (*appamāda*) như (được nói) rõ từ những lời di giáo của Đức Phật được lưu truyền trong câu: *appamādena sampādeṭṭha*, nỗ lực đi tới bằng tinh tấn. Điều này tóm tắt giáo lý mà Ngài đã nhấn mạnh trong suốt cuộc đời của Ngài. Đây có thể thấy, bài kệ đầu tiên trong phẩm Không Phóng Dật của Kinh Pháp Cú là nói về tâm: *Con đường đến bất tử là tinh tấn; con đường đến sinh tử là dễ dãi. Tinh tấn (thì) không chết; dễ dãi (thì) giống như là chết.*

Chúng ta có thể mừng rằng chúng ta là những người nhận và thừa kế những quả Giác Ngộ, chắc chắn sự kiện đáng ghi nhận nhất đã nảy sinh trong những thời điểm lịch sử mà chúng ta cũng kỉ niệm tại Lễ Tam Hợp. Bậc Giác Ngộ đã ban tặng cho thế gian, hay thế gian sẽ lắng nghe và chú ý đến hệ thống tư tưởng cao vời, mạch lạc, hợp lý, được giới hạn cho vấn đề nhân sinh đạt đến tự do, và được cung cấp bởi những lời giáo huấn và hướng dẫn về các phương cách thực hành để dần dần làm cho hệ thống tư tưởng này có hiệu quả và xây dựng cho mỗi hành giả. Và tôi thấy điều này rất trang trọng.

Tôi thấy nó trang trọng vì không những là Giáo lý được truyền dạy do một người bị những quy luật của thân chi phối như chúng ta có, và những quy luật của tâm chi phối nữa; mà nó còn được nói ra 2.500 năm trước. Hơn nữa, nó không chết mà còn có tầm quan trọng mang tính học thuật hơn. Nó đang sống và có giá trị, kiên cố và uy nghi; và sức mạnh vĩ đại thật tốt cho tình trạng khó khăn bất hạnh của chúng ta. Nó luôn cổ động đẩy sức sống và sức mạnh, như có thể được thấy và biết qua sự duy trì nó, cũng như qua sự phát triển của nó ở những lãnh thổ chẳng phải Ấn Độ.

Ngay cả bây giờ nó đang trải qua sự phục hưng lớn ở Phương Đông nơi mà, vì những gì

thuộc tâm linh được hiểu, nó là 'tôn giáo' của hàng triệu người, được yêu mến vì *sự hy vọng* ở phần cốt lõi, vì tính hợp lí, tính toàn thiện của nó và vì con đường nó trao cho nhân loại không có gì phụ thuộc bên ngoài anh ta hơn là sự lãnh hội mục đích của Giáo Pháp và phương pháp nó đặt ra cho sự tự rèn luyện của con người.

Chế ngự mình

Anh ta được dạy (hãy) suy ngẫm rồi tự mình chịu trách nhiệm về điều xấu hoặc tốt trong chuỗi những kiếp sống mà anh ta phải trải qua trong luân hồi cho đến khi anh ta chiến thắng mình – một điều thật cừ và khó khăn hơn là chiến thắng ngàn người trong cuộc chiến. Tự điều phục mình cùng với từ bi và bất hại (*ahimsā*) là những giáo lý mà Phật giáo giữ rất chặt. Hiểu về nó và tin vào nó không phải được truyền bá bằng những cuộc chiến, hoặc bằng sự tiêu diệt người chẳng phải Phật-tử, hoặc bằng sự tra tấn những người tin theo các tín ngưỡng khác.

Đương nhiên, lòng khoan dung này không phải vì đứng dưng đối với Giáo pháp; tôi nghĩ thực sự nó ngược lại. Và niềm tin rằng không phải tất cả mọi người đều tiến bộ như nhau vì phẩm chất tâm linh sáng suốt cũng đóng một phần của nó. Như vậy, sự truyền bá giáo lý từng được thực hiện trong Phật giáo đã diễn ra một cách thuần khiết ôn hòa và thân mật. Sự khác nhau nổi bật giữa lời nói của các học giả và lời khó nghe của các vị vua đã được nhận ra bởi người biên soạn bộ *Mi Tiên Sở Vấn* (*Minlindapanda*), tác phẩm được Rhys David gọi là "kiệt tác của văn học Ấn Độ" và của toàn bộ tác phẩm hậu thánh điển (qua đó tôi muốn nói rằng ở Miến Điện nó được xem là một phần của Thánh Điển Pāli): các học giả tranh luận và mang những điểm tiến tới và những điểm đối nghịch trong sự tìm tòi tri thức mãnh liệt của họ; những vị vua phán hình phạt và xử phạt người dân đến chết. Đó là điều hiển nhiên nó đáng được tán dương hơn. Các bạn sẽ nhớ ra sao, trong một Truyền Thân tập trung vào Quyết Tâm Bất Thối (*adhiṭṭhāna*) của Bồ Tát, truyện *Mugapakha*, Bồ Tát sợ kể vị vua cha và quyết tâm tránh nó bằng mọi giá: "Hôm qua, khi bốn tên trộm được đưa đến trước người, phụ vương ta thốt ra những lời tức giận như dẫn đến đến Địa ngục (Niraya). Nếu ta cai trị, rồi đọa sinh lại vào Địa ngục, ta sẽ gánh chịu nỗi thống khổ lớn. Tốt hơn là giả vờ làm một người què đầu thái tử không phải là người như vậy, như người điếc, như người câm và không bao giờ biểu hiện dấu hiệu của sự thông minh."

Ngài giữ dáng vẻ này được 16 năm cho đến khi cha mẹ ngài bị thuyết phục về quyết tâm vượt qua một bên uy quyền phù hoa của hoàng tộc và thay vào đó, gắn bó với đời sống của một tỳ kheo không nhà. Vì bốn phận của nó không cùng chia sẻ sự tàn bạo và ám hại vốn có trong một vị vua.



Và bây giờ chúng ta đến một khía cạnh khác của sự trang trọng mà tôi đang nói đến. Theo quan điểm món quà tuyệt diệu này của Pháp vốn đã hạ cố đến chúng ta, và chúng ta hôm nay không phải chỉ là người nhận. Chúng ta cũng phải là người cho. Chúng ta ngày nay, ý tôi muốn nói người phương Tây nói riêng, đã có đặc quyền cao quý này đi đến hiểu biết đôi điều về Pháp của Phật. Dù việc thấy Đức Phật là hiếm có, dù tiếng *Buddho Buddho* khó đến thế giới này, như gia chủ Cấp-cô-độc (*Anāthapiṇḍika*) nói với một thương gia giàu có, ấy vậy mà chúng ta đang sống trong một cõi Phật, đây là lúc khi mà Giáo Pháp của một vị Phật vẫn còn được ghi nhớ và vẫn còn có ý nghĩa.

Chỉ điều này thôi, ngay cả không có bất kỳ sự cân nhắc nào của chúng ta cho các phương điều trị cần cho sự căng thẳng và khẩn trương vì đặc điểm của khung cảnh đương thời, phận sự của chúng ta phải làm là để truyền bá Giáo lý Hòa bình này, bên trong và bên ngoài, xa, rộng và chính xác đến mức chúng ta có thể.

Lâu xa về trước, khi Giáo Pháp mới xuất hiện, không có sách vở gì. Nó được lưu giữ trong tâm và trong trí nhớ của Tăng sĩ và truyền miệng từ thầy sang trò không gián đoạn. Kể đó đến thời đại của bản viết tay trên lá bối, khi ấy Giáo Pháp được ghi chép vào bản viết tay bằng một quá trình cẩn thận, và các bản sao được thực hiện. Vì thỉnh thoảng các bản kinh này được thỉnh, với tất cả lòng tôn kính, vài bản trong số những bộ thánh điển bởi diệp ấy được mang đến những nước xa xôi như Trung Hoa, nơi mà trong mọi tình huống, những bản kinh ấy được dịch sang tiếng Sanskrit và Hán ngữ, trong khi các tác phẩm mới là hiện thân của các luận thư triết học tinh tế đã phát triển từ các bản kinh gốc này và những tác phẩm chung quanh chúng, làm cho dễ tiếp nhận hơn đối với người ở bên lề đường hay trong phố thị qua sự phát triển truyền thuyết hoặc sự tôn sùng. Có lẽ những thánh giả mới

này có thể được sánh với những thánh giả xưa, những người ngồi dưới cây đa dưới ánh trăng say sưa lắng nghe những Truyện Tiên Thân khi chúng luôn luôn được diễn ra với một Phật-tử, như tương phản với truyền thuyết dân gian thuần túy, thành kiến. Lâu sau đó đến thời đại của sách in, bền hơn, dễ cầm hơn, dễ dùng hơn, đến tay nhiều người hơn, và mang Giáo Pháp đến nhiều quốc gia hơn các bản viết tay.

Trí tuệ của Phật giáo ngày nay hầu như truyền đi khắp hoàn cầu. Chúng ta có thể đọc 26 tác phẩm bao gồm Thánh Điển Pāli và một vài trong những ấn bản đồ sộ của văn học Đại thừa bằng tiếng Pāli và Sanskrit và Hán ngữ v.v...; hoặc bằng các bản dịch, vốn là điều tốt nhất tiếp theo, sang các ngôn ngữ Phương Đông hoặc Phương Tây khác. Chúng ta cũng có những bộ chú giải xưa và một số tác phẩm phê bình hiện đại hơn; và chúng ta có thừa những tác phẩm về Phật giáo, thỉnh thoảng có nền tảng tốt và đúng đắn, nhưng đôi khi quá ít điều đúng đắn và căn bản của Phật giáo trong những tác phẩm đó. Tiêu chuẩn phê bình chỉ có thể đạt được qua việc đọc nguyên bản thánh điển hoặc một bản dịch được xem đáng tin cậy bởi những chuyên gia có thẩm quyền.

Và lại, Phương Đông có truyền thống và tri thức căn bản, Phương Tây có khuynh hướng hiểu biết thiếu cận hơn do bị che phủ và làm mờ bởi giáo điều ăn sâu theo lối tư duy khác. Tôi khởi sinh sự thôi thúc một cách mạnh mẽ nhất rằng Phật giáo mà chúng ta muốn truyền bá vì lợi ích của thế giới, như một hàng rào đề phòng quan điểm duy vật nhiều hơn, và không có một chút bóng mờ nhợt nhạt nào của nó trong đó, chúng ta làm thế hoặc qua thiên định, qua nghiên cứu và thực tập, qua viết về chuyên đề, qua giảng dạy và diễn thuyết, hoặc qua biên tập và dịch những nguyên bản xưa như chúng đã được truyền lại đến nay.

Duy nhất chỉ nhờ việc hợp nhất cả hai, Đông và Tây, nhờ làm cho các việc ấy hoạt động như một đội, Phật giáo khi được mang ý nghĩa (được xác định) từ người sáng lập ra nó, và khi nó vẫn nên như thế, người Phương Tây có thể gọi một cách đúng đắn là "Phật giáo." Lúc bấy giờ chỉ có một điều rằng nó sẽ có khả năng thu hút về mình sức mạnh mà nó cần để thực hiện sự đóng góp viên mãn cho nền hòa bình thế giới như nó đã từng (làm như vậy) trong những tháng ngày của triều đại A Dục Vương, một người con đáng kinh ngạc khác của Ấn Độ, người đã ban lệnh rằng tiếng vang dội của trống trận phải được thay thế bằng tiếng vang của trống Chánh Pháp.

[Trích từ tạp chí *The Light of The Dhamma* (Ánh Sáng Chánh Pháp), tập 9, số 2, 1962, tr. 33
 Nguồn: https://store.pariyatti.org/Light-of-the-Dhamma_p_4426.html]



CHỜ SÁNG

*có những đường đi không đến
 mỗi trông con mắt mòn đuôi
 cơn lạnh ghé qua chao nển
 tình nồng rót mãi không vơi.*

*gió đêm khêu lời giắc ngủ
 mộng tràn, ướt vạt chăn đơn
 lá lay, bạt hồn du thủ
 một đời du thực, không hơn...*

*rơi tình qua khe hồn dựng
 buồm tim đoạn đứt dây leo
 thời khắc hốt nhiên chết sững
 tội tình chiếc bóng cheo leo (!)*

*rượu chiuốc chong đêm chờ sáng
 mời say đơn đả, chưa từng
 lỡ mai cuộc nồng đã mãn
 còn màng chi chuyện phé, hưng (?)*

*bên hiên lao xao ngàn lá
 mơ màng dáng lụa xanh xưa
 người chờ trái tơ vàng đã
 trăm năm, vui được mấy mùa (?)*

*quyết đi. Càn chi hện sáng
 tối trời. Vịn bóng trắng sao
 hãy mở toang hồn ốc đảo
 tìm nhau vầy cuộc đá vàng.*

thơ ĐỨC PHỔ

KHỞI NGUYÊN VÀ TRUYỀN BÁ CỦA PHẬT PHÁP

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA & NI TRƯỞNG THUBTEN CHODRON

Huyền Kim Quang dịch

Giới Thiệu Tác Giả

Đức Đạt Lai Lạt Ma là nhà lãnh đạo tinh thần của người dân Tây Tạng, là người đã nhận giải Nobel Hòa Bình năm 1989, và là người cố võ từ bi và hòa bình khắp thế giới. Ngài khuyến khích sự hòa hợp giữa các tôn giáo trên thế giới và tham gia vào nhiều cuộc đối thoại với các nhà khoa học hàng đầu. Xuất gia làm tu sĩ từ thơ ấu, Tỳ Kheo Tenzin Gyantso đã hoàn tất các chương trình học Phật theo truyền thống và tốt nghiệp bằng geshe, tương đương Tiến Sĩ Phật Học. Nổi tiếng với sự thông thái và tấm lòng độ lượng, chứng đắc thiền định, và khiêm tốn, Đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn nói, "Tôi chỉ là một tu sĩ Phật Giáo đơn giản."

Tỳ Kheo Ni Thubten Chodron trở thành vị nữ tu sĩ Phật Giáo kể từ năm 1977. Lớn lên tại Los Angeles, ni trưởng tốt nghiệp với bằng danh dự trong ngành lịch sử từ Đại Học UCLA và tốt nghiệp ngành giáo dục tại Đại Học USC. Sau nhiều năm nghiên cứu và dạy Phật Học tại Châu Á, Châu Âu, và Hoa Kỳ, ni trưởng trở thành người khai sơn và trú trì Tu Viện Sravasti Abbey tại Tiểu Bang Washington. Là người quảng bá những giải thích cụ thể của chính bà về cách nào áp dụng giáo lý Phật Giáo vào đời sống hằng ngày, ni trưởng là tác giả của nhiều cuốn sách bán chạy nhất, gồm "Buddhism for Beginners" [Phật Giáo Cho Người Sơ Cở]. Ni Trưởng là người hiệu đính tác phẩm "Insight into Emptiness" [Quán Chiếu Vào Không Tánh] của Khensur Jampa Tegchok. Muốn biết thêm thông tin về ni trưởng Thubten Chodron xin vào các trang mạng: www.sravastiabbey.org hay www.thubtenchodronbooks.org

--oOo--

Không phải mọi người đều suy nghĩ giống nhau. Họ có những nhu cầu, lợi ích, và bản chất khác nhau trong hầu hết mọi lãnh vực của đời sống, bao gồm tôn giáo. Là bậc thầy thiền nghệ, đức Phật trao truyền giáo pháp uyển chuyển tùy theo căn cơ sai biệt của chúng sinh. Chúng ta sẽ quan sát sự phát triển của hai



truyền thống Phật Giáo chính chứa đựng những giáo pháp này, là truyền thống Pàli [NamTruyền] và Sanskrit [Bắc Truyền]. Nhưng trước hết, chúng ta bắt đầu với câu chuyện về cuộc đời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Cuộc Đời Đức Phật

Trong quan điểm thông thường đối với hai truyền thống, đức Cồ Đàm Sĩ Đạt Ta, vị hoàng tử từ dòng tộc Thích Ca, được sinh ra và lớn lên gần lãnh địa mà ngày nay là biên giới của Ấn Độ và Nepal vào thế kỷ thứ 5 hay 6 trước tây lịch, ngài có lòng từ bi và xuất chúng trong nghệ thuật và học thuật của thời đại ngài. Ngài sống trong cung điện suốt thời thơ ấu, nhưng khi thành niên ngài đã khám phá những sự việc bên ngoài cung thành. Trên đường phố nọ, ngài thấy một người bệnh, một lão già, và một xác chết, khiến cho ngài suy nghĩ về bản chất khổ đau của cuộc đời. Khi nhìn thấy một vị khất sĩ thông dong, ngài quán xét đến khả tính giải thoát khỏi vòng luân hồi. Và vì vậy, năm hai mươi chín tuổi, ngài rời hoàng cung, rũ bỏ trang phục hoàng gia, và thực hành đời sống của một vị khất sĩ thông dong.

Ngài đã tham học với các vị đạo sư lớn của thời đại ngài và thông đạt những kỹ thuật thiền định của họ nhưng khám phá ra rằng chúng không đưa tới giải thoát. Trải qua 6 năm ngài thực hành khổ hạnh nghiêm khắc trong rừng, nhưng rồi nhận thấy rằng sự hành hạ thân xác không thuần hóa được tâm, nên ngài tu theo con đường trung đạo giữ gìn thân thể khỏe mạnh cho lợi ích của việc tu tập tâm linh mà không phóng túng chạy theo các tiện nghi không cần thiết.



Ngồi dưới gốc cây bồ đề nơi mà ngày nay là Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya) tại Ấn Độ, ngài nguyện không đứng dậy cho đến khi đạt thành giác ngộ viên mãn. Vào đêm trăng tròn tháng tư âm lịch, ngài đã hoàn thành tiến trình tẩy trừ tất cả vô minh và phát triển tất cả thiện pháp, và ngài đã trở thành đức Phật giác ngộ hoàn toàn (sammāsambudha [chánh biến tri],

samyaksambudha [chánh đẳng giác]). Lúc đó ngài đã 35 tuổi, và 45 năm kể tiếp ngài đi giảng dạy giáo pháp mà ngài đã chứng ngộ qua kinh nghiệm tự thân cho những người đến để nghe.

Đức Phật dạy cho tất cả mọi người, nam và nữ, từ tất cả giai tầng xã hội, chủng tộc và tuổi tác. Nhiều người trong số những người đó chọn con đường từ bỏ đời sống gia đình và đi theo con đường xuất gia tu hành, và vì thế cộng đồng tăng già đã được phát sinh. Khi các đệ tử của ngài thành tựu giác ngộ và trở thành những vị thầy thiện nghệ, thì họ chia sẻ với những người khác về điều mà họ đã tu học được. Từ đó giáo pháp được truyền bá khắp Ấn Độ thời xưa. Nhiều thế kỷ tiếp theo, Phật Pháp đã được truyền bá xuống phía nam tới Tích Lan [Sri Lanka]; phía tây tới A Phú Hãn ngày nay; đông bắc tới Trung Hoa, Đại Hàn, và Nhật Bản; đông nam tới Đông Nam Á và Nam Dương; và phía bắc tới Trung Á, Tây Tạng, và Mông Cổ. Trong những năm gần đây, nhiều trung tâm Phật Pháp đã mở ra tại Châu Âu, Châu Mỹ, các nước cộng hòa cựu Xô Viết, Úc Châu và Phi Châu.

Tôi cảm thấy có mối quan hệ sâu xa với đức Phật Cổ Đàm cũng như lòng tri ân sâu sắc đối với giáo pháp của ngài và đối với tấm gương cuộc đời ngài. Ngài có sự quán chiếu sâu vào các hoạt động của tâm mà chưa hề được biết trước đó. Ngài dạy rằng cái nhìn của chúng ta ảnh hưởng đến kinh nghiệm chúng ta và những kinh nghiệm khổ đau và hạnh phúc không phải do người khác đưa tới mà là sản phẩm của vô minh và phiền não ngay trong chính tâm thức chúng ta. Sự giải thoát và giác ngộ hoàn toàn là trạng thái khác của tâm, không phải ngoại cảnh.

Kinh Điển Phật Giáo và Sự Truyền Bá Của Chánh Pháp

Thừa hay Đạo là đồng nghĩa. Trong khi chúng đôi khi được dùng để nói đến một tiến trình tu tập tâm linh, chuyên môn mà nói chúng đề cập tới trí tuệ tinh thức gắn liền với

sự buông xả tự nhiên.

Đức Phật chuyển vận bánh xe Chánh Pháp, thiết lập sự tu tập của ba thừa: Thanh Văn Thừa (Sāvaka-yāna, Srāvaka-yāna), Duyên Giác Thừa (Paccekabuddhayāna, Pratyekabuddhayāna), và Bồ Tát Thừa (Bodhisattayāna, Bodhisattvayāna). Theo truyền thống Sanskrit, ba thừa khác nhau trong giới hạn của động lực thành tựu mục đích đặc biệt, đối tượng thiền định chính của họ, và số công phu và thời gian cần thiết để đạt được mục tiêu. Giáo lý và người tu tập của ba thừa hiện hữu trong cả truyền thống Pali và Sanskrit. Nói chung, những người tu tập Thanh Văn Thừa thì trên nguyên tắc là theo truyền thống Pali, và người nào tu tập Bồ Tát Thừa thì trên nguyên tắc là theo truyền thống Sanskrit. Ngày nay trong thế giới chúng ta, khó có ai tu tập theo Duyên Giác Thừa.

Giáo pháp của đức Phật truyền bá rộng tại Ấn Độ trong nhiều thế kỷ sau khi đức Phật nhập niết bàn và được mang đến Tích Lan từ Ấn Độ bởi hoàng tử và công chúa của Vua A Dục trong thế kỷ thứ 3 trước tây lịch. Những kinh điển sớm nhất được truyền đạt bằng miệng bởi bhāṅakas – các vị tu sĩ trùng tuyên các kinh điển – và theo các nguồn sử liệu Tích Lan, thì kinh điển được viết thành văn vào khoảng thế kỷ thứ nhất trước tây lịch để hình thành thành kinh điển Pali. Trải qua nhiều thế kỷ, bắt đầu tại Ấn Độ và sau đó được tăng cường bởi những tu sĩ Sinhala sử dụng ngôn ngữ Sinhala cổ, khung luận giải về kinh điển được xây dựng. Trong thế kỷ thứ 5 dịch giả và luận sư vĩ đại Phật Âm (Buddhaghosa) biên soạn nhiều bộ luận cổ và phiên dịch chúng sang tiếng Pali. Ngài cũng viết kiệt tác Thanh Tịnh Đạo Luận (Visuddhimagga) và nhiều bộ luận khác. Một vị tu sĩ ở Miền Nam Ấn Độ khác là ngài Hộ Pháp (Dhammapāla), sống vào một thế kỷ sau đó và cũng viết nhiều bộ luận bằng tiếng Pali. Pali hiện là thánh ngữ thống hợp tất cả Phật Tử Nguyên Thủy.

Khởi nguyên vào thế kỷ thứ nhất trước tây lịch, truyền thống Sanskrit đi vào tư tưởng và từ từ lan truyền khắp Ấn Độ. Các hệ thống triết học tại Ấn Độ -- Tỳ Bà Sa (Vaibhasika), Kinh Lượng (Sautrantika), Du Già (Yogacara, còn gọi là Duy Tâm [Cittamatra] hay Duy Thức [Vijñānavāda]), và Trung Quán (Madhyamaka) -- mở ra khi những học giả phát triển các quan điểm khác nhau trên các điểm chưa được giải thích minh bạch trong các kinh. Dù nhiều giáo nghĩa của truyền thống Pali được chia sẻ với cái này hay cái khác của 4 hệ thống giáo nghĩa này, nó không thể sánh ngang với bất cứ cái nào trong chúng.

Nhiều đại học Phật Giáo mọc lên – Nalanda, Odantapuri, và Vikramasila – và có nhiều Phật tử từ nhiều truyền thống khác nhau và các trường phái triết học cùng nhau nghiên cứu và thực hành. Tranh luận triết học là một tập tục Ấn Độ cổ xưa rất phổ biến; những

người thua cuộc được dự kiến chuyển qua trường phái của những người thắng cuộc. Các nhà hiền triết Phật Giáo phát triển tranh luận và lý luận hợp lý để chứng minh giá trị của giáo pháp và để đánh bật các cuộc tấn công có tính cách triết học của những người không phải Phật Giáo. Những nhà tranh luận Phật Giáo nổi tiếng cũng là những hành giả vĩ đại. Dĩ nhiên, không phải tất cả hành giả Phật Giáo đều thích thú trong phương cách này. Nhiều người thích nghiên cứu kinh điển hay để tu thiền ở những trú xứ thanh vắng.

Ngày nay, 3 tạng kinh có mặt trong 3 thứ tiếng: Pali, Trung Hoa, và Tây Tạng; tạng kinh tiếng Sanskrit không được biên tập tại Ấn Độ. Mỗi tạng kinh được chia ra làm 3 "tạng" (pitaka) – hay các thể loại của giáo pháp -- được liên kết với 3 lãnh vực chuyên biệt. Tạng Luật chứa đựng giới luật thiền môn, Tạng Kinh nhấn mạnh sự tập trung thiền định, và Tạng Luận nói đến trí tuệ.

Tạng kinh tiếng Trung Hoa được ấn hành lần đầu tiên vào năm 983, và nhiều bản dịch khác đã được ấn hành sau đó. Ấn bản tiêu chuẩn được dùng ngày nay là Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh [Taishō Shinshū Daizōkyō] được in tại Tokyo vào năm 1934. Nó chứa đựng 4 phần: kinh, luật, luận, và tạp tạng được viết bằng tiếng Trung Hoa. Tạng tiếng Hoa thì rất bao quát, chia xẻ nhiều văn bản với kinh văn tiếng Pali và Tây Tạng. Đặc biệt, các Kinh A Hàm trong tạng tiếng Hoa tương xứng với 4 bộ Nikāya đầu tiên trong tạng Pali.

Tạng tiếng Tây Tạng được biên tập và hệ thống hóa bởi Buton Rinpoche vào thế kỷ thứ 14. Bản dịch đầu tiên của tạng tiếng Tây Tạng được ấn hành vào năm 1411 tại Bắc Kinh. Các ấn bản sau đó được in tại Nartang ở Tây Tạng vào khoảng từ năm 1731 tới 1742 và sau đó được in tại Dergé và Choné. Tạng Tây Tạng được biên tập thành Kangyur -- lời Phật [kinh] trong 108 cuốn – và Tengyur – các bộ đại luận từ Ấn Độ [luận] trong 225 cuốn. Hầu hết những cuốn này đều được dịch sang tiếng Tây Tạng trực tiếp từ tiếng Ấn Độ, chính yếu là tiếng Sanskrit, dù vậy một vài cuốn được dịch từ tiếng Trung Hoa và Trung Á.

Truyền Thống Pali [Nam Truyền]

Phật Giáo truyền bá tới Tích Lan, Trung Hoa, và Đông Nam Á nhiều thế kỷ trước khi đến Tây Tạng. Tôi kính trọng chư vị là những bậc đàn anh, đàn chị của chúng tôi.

Nguyên Thủy [Theravada] hiện nay bắt nguồn từ Thượng Tọa Bộ [Sthaviravada], một trong 18 bộ phái vào thời xưa ở Ấn Độ. Danh xưng Theravada không có vẻ chỉ cho một trường phái có mặt tại Ấn Độ trước khi Phật Giáo truyền bá tới Tích Lan. Biên niên sử tiếng Sinhala là Dipavamsa dùng danh xưng Theravada vào thế kỷ thứ 4 để mô tả các Phật Tử tại đảo quốc này [Tích Lan]. Có 3 hệ phái phụ của Theravada, mỗi hệ phái mang một danh xưng

riêng: Abhayagiri [Vô Úy Sơn] (Dharmaruci – Pháp Lạc), Mahāvihāra [Đại Tự, Đại Tịnh Xá], và Jetavana [Kỳ Viên]. Các vị Theravada thuộc phái Abhayagiri có mối liên hệ gần gũi với Ấn Độ và mang nhiều yếu tố Sanskrit. Những vị Theravada thuộc phái Jetavana cũng giống như thế, nhưng mức độ ít hơn, trong khi chư vị Theravada thuộc phái Mahāvihāra thì vẫn giữ giáo lý Theravada chính thống. Vào thế kỷ thứ 12 vị vua xứ này đã bãi bỏ các truyền thống của hai phái Abhayagiri và Jetavana và trộn lẫn các vị tu sĩ đó vào phái Mahāvihāra, là phái vẫn còn nổi bật.

Phật Giáo bị tổn hại nặng nề sau khi thủ đô Tích Lan bị thất thủ bởi lực lượng Cola vào năm 1017. Tầng đoàn Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni đã bị tiêu diệt, dù vậy tầng đoàn Tỳ Kheo đã được phục hồi khi vua Tích Lan thỉnh các vị tu sĩ từ Miến Điện đến và làm lễ truyền giới. Phật Pháp đã hưng thịnh trở lại tại Tích Lan, và Tích Lan được xem như trung tâm của thế giới Phật Giáo Nguyên Thủy [Theravada]. Khi tình trạng giáo pháp của Theravada hay dòng dõi tăng già trong một quốc gia bị ảnh hưởng bất lợi, các nhà lãnh đạo thỉnh cầu chư tăng từ quốc gia Phật Giáo Theravada khác tới để truyền giới. Điều này vẫn còn tiếp tục cho tới ngày nay.

Vào cuối thế kỷ thứ 18 vua Thái Lan Rama I bắt đầu xóa bỏ các yếu tố Bà La Môn và mật giáo, dù vậy ngày nay vẫn còn những dấu vết với nhiều ngôi chùa Phật Giáo Thái Lan còn giữ tượng thần Bà La Môn 4 mặt trong sân chùa. Vua Rama IV (khoảng năm 1851-68), làm tu sĩ gần 30 năm trước khi lên ngôi kế vị, chứng kiến tình trạng buông lung của giới luật và nền giáo dục Phật Giáo và đã thực hiện sự cải tổ tăng già sâu rộng. Qua việc thỉnh tăng già truyền thống từ Miến Điện sang, nhà vua đã bắt đầu Pháp Tương Ứng Bộ (Dhammayuttikā Nikāya), thống nhất những bộ phái khác vào Đại Bộ (Mahā Nikāya), chỉ thị cho cả hai bộ giữ gìn giới luật thiền môn chặt chẽ hơn, và đặt hai bộ dưới một thẩm quyền giáo hội duy nhất. Chấn chỉnh lại nền giáo dục thiền môn, nhà vua viết hàng loạt sách giáo khoa trình bày sự tiếp cận Giáo Pháp hợp lý hơn và giảm thiểu bớt những yếu tố văn hóa nhân gian không phải Phật Giáo bám vào Phật Giáo Thái Lan. Khi Thái Lan ngày càng trở nên thống nhất hơn, chính quyền gánh lấy thẩm quyền để đề cử những người thọ giới. Luật Tăng Già (Sangha Act) năm 1902 đặt tất cả các tu viện dưới sự kiểm soát của triều đình qua một cơ chế thẩm quyền tập trung đối với toàn thể tăng già trong Hội Đồng Tăng Già Tối Cao (Mahāthera Samakhom) được lãnh đạo bởi vua sai (sangharāja). Người anh em cùng cha khác mẹ của Vua Rama V là Hoàng Tử Wachirayan, soạn các sách giáo khoa mới là nền tảng cho các cuộc thi khảo hạch của tăng già toàn quốc. Những kỳ thi khảo hạch này cải thiện kiến thức của tu sĩ cũng như làm nổi bật các vị tu sĩ là những người thăng hoa trong giáo phẩm giáo hội.

Chủ nghĩa thực dân làm tổn hại Phật Giáo tại Tích Lan, nhưng mang lại lợi ích cho một số người Tây Phương theo Phật Giáo, đặc biệt Nhà Thông Thiên Học Helena Blavatsky và Henry Olcott, đã thúc đẩy các cư sĩ Phật Giáo như Anagàrika Dhammapàla để trình bày Phật Giáo trong ngôn ngữ hợp lý hơn và để nối kết với các Phật Tử trên toàn thế giới. Phật Giáo công hiến thời điểm vực dậy cho Tích Lan trong việc đương đầu với chủ nghĩa thực dân và thiết lập một quốc gia độc lập.

Chủ nghĩa thực dân đã không làm tổn hại nhiều Phật Giáo tại Miến Điện, và nó thực sự kích thích nhà vua thỉnh cầu các tu sĩ phải dạy thiền minh sát (vipassanà meditation) trong triều đình. Chẳng bao lâu nhiều cư sĩ từ tất cả giai tầng xã hội đều học tập thiền. Tu sĩ Ledi Sayadaw (1846-1923) và Tu sĩ Mingon Sayadaw (1868-1955) mở các trung tâm thiền cho Phật tử, và Tu sĩ Mahasi Sayadaw (1904-82) truyền đạt lời dạy của ngài cho những vị giáo thọ cư sĩ. Loại thiền này hiện phổ biến tại Miến Điện.

Phương thức để chọn vua sãi thì khác nhau. Tại Thái Lan, họ thường được chỉ định bởi nhà vua. Tại nhiều nước khác sử dụng sự niên cao lập trường hay tiến trình bản dân chủ. Thẩm quyền của vua sãi thì khác nhau: một số là các nhân vật bù nhìn; những vị khác như là ngài Mahà Ghosananda của Cam Bốt có ảnh hưởng rất lớn vì đức độ tu tập, các tác phẩm lợi lạc, và sự tiến bộ của thay đổi xã hội. Vua sãi Thái Lan, ngôi vị có mặt kể từ thế kỷ thứ 18, là một phần của hệ thống quốc gia xử lý những vấn đề quan trọng của tầng già. Vị đó có thẩm quyền hợp pháp đối với các tu viện, các công tác với chính quyền thế tục, và được hỗ trợ bởi Hội Đồng Tăng Già Tối Cao. Tại Cam Bốt ngôi vị vua sãi đã biến mất trong thời kỳ Khờ Me Đỏ cai trị, nhưng vào năm 1981 thì chính quyền đã tái lập lại ngôi vị này.

Trong nhiều trường hợp, các chính quyền quốc gia tạo ra các thay đổi có tác dụng phụ của việc làm giảm bớt vai trò truyền thống của vua sãi như là những bậc đạo sư và lương y và việc thay thế họ với các hệ thống thế tục của nền giáo dục và y khoa hiện đại. Kết quả, các tăng sĩ Theravada, cũng như các đồng đạo của họ tại những quốc gia theo truyền thống Sanskrit, đã suy nghĩ lại vai trò của họ trong xã hội khi đối diện với hiện đại hóa.

(còn tiếp một kỳ)

(Trích dịch Chương Thứ Nhất của Tác Phẩm "Buddhism - One Teacher, Many Traditions [Phật Giáo - Một Vị Thầy, Nhiều Truyền Thống] - Wisdom Publications, USA, 2014)



VĂN TRẮNG TAY ĐỜI

*Đọc kinh lòng thấy ngậm ngùi,
Vài sớ rách lòng chỉ vùi vương theo.
Trắng tay đời vạn khổ theo,
Nhìn trông đỉnh núi cheo leo đá mòn.*

*Đêm nghe vượn hú đầu non.
Từ đi hương khói vẫn còn thoảng bay,
Rong rêu ngày tháng phủ đầy,
Mang vô thường giữa cõi nầy vào không,
Vào chùa tìm lại sư ông,
Lời kinh ngày cũ trong lòng còn in,
Ngẩn ngơ một thoáng đứng nhìn,
Hỏi tâm mới thấy bóng hình Như Lai.*

*Từ lang thang giữa trần ai,
Từ sinh máy độ trải dài cuộc chơi,
Lang thang góc bể chân trời,
Rồi mai cõi tạm xa rời xác thân.*

thơ

NGUYỄN THANH HUY

BẢY BƯỚC HOA SEN

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Huynh trưởng bốn phương,

Mỗi khi chúng ta đi thiền hành, vị thầy hướng dẫn luôn nhắc nhở phải bước những bước chân vững chãi, tỉnh thức, như bước đi của đức Phật, v.v...

Ở những nơi ghi lại các thánh tích, chúng ta cũng thấy hình những bước chân Phật để kỷ niệm sự việc Thái Tử Tất Đạt Đa (Bồ tát Hộ Minh) khi giáng trần, đã đi 7 bước trên hoa sen.

Hôm nay anh chị em chúng ta cùng nhau ôn lại 7 bước này để làm đề tài quán chiếu của mình trong 7 ngày của tuần lễ nha!

Kinh kể lại rằng khi mới xuất hiện trong cõi Ta Bà này, cậu bé thái tử Tất Đạt Đa bước 7 bước thật vững chãi, và trong mỗi bước chân, ngài lại nhìn vào một hướng (phương) để xác nhận sự hiện diện của mình trong thế giới này.

Bước thứ nhất, ngài nhìn về phương Đông và nói: "Vì chúng sanh mà ta làm bậc đạo sư." Phương Đông là phương mặt trời mọc, tượng trưng cho trí tuệ, cho nguồn năng lượng vĩ đại nuôi dưỡng và sưởi ấm muôn loài. Cũng vậy, Bồ tát xuất hiện để làm Phật, đem nguồn tuệ giác soi đường cho chúng sanh, khai thị cho chúng sanh thấy được Phật tánh trong mỗi người. Như vậy bước chân thứ nhất là bước chân của bậc Đạo Sư đầy đủ trí đức.

Bước chân thứ hai, ngài nhìn về phương Nam và nói: "Vì hết thảy chúng sanh mà ta làm ruộng phước." Ruộng, đất là nền tảng vững chắc, nơi chúng sanh làm nhà để ở, gieo trồng lúa gạo, cây trái, v.v... để nuôi thân. Cũng vậy, Bồ tát xuất hiện làm Phật, làm mảnh



đất, mảnh ruộng để chúng sanh có nơi nương tựa, gieo trồng và vun xới những hạt giống từ bi, trí tuệ, mai sau gặt được những hoa trái giác ngộ, giải thoát. Phương Nam là biểu tượng của Trung Đạo (ở giữa Đông và Tây) hay là chánh trực. Trung đạo như chúng ta đã biết, đó là không rơi vào hai cực đoạn, ví dụ về phương diện tu tập không rơi vào ép xác khổ hạnh, cũng không bị cuốn vào phóng dật, buông thả... Như vậy, bước chân thứ hai của ngài là bước chân phước điền đầy ân đức, nuôi lớn những hành vi tốt đẹp, thiện lành của chúng sanh.

Bước chân thứ ba, ngài nhìn về phương Tây và nói: "Vì hết thảy chúng sanh, thân này là thân sau cùng." Phương Tây là phương mặt trời lặn, đối với chúng sanh trên mặt đất này thì mặt trời mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây nên phương Tây là điểm kết thúc của một hành trình, chu kỳ của một ngày. Đó chính là nơi gặt hái

những hoa trái thơm ngon của cõi Cực Lạc (cõi Tịnh Độ) khi, suốt hành trình, công phu niệm Phật "nhất tâm bất loạn" được thành tựu viên mãn. Cũng vậy, Bồ tát bằng đại hạnh và đại nguyện của mình, trong quá trình tu tập, vượt thắng tất cả chướng ma để kết thúc vòng luân hồi sinh tử. Như vậy, bước chân thứ ba của ngài là bước chân của thân cuối cùng trong sinh tử luân hồi, còn gọi là bước chân đoạn dứt—bước chân đã đoạn tận tất cả những phiền não, ô nhiễm để đạt Niết bàn hay Cực Lạc.

Bước chân thứ tư, ngài nhìn về phương Bắc và nói: "Vì hết thảy chúng sanh mà ta thành tựu Giác ngộ vô thượng." Phương Bắc là giao tuyến của Đông và Tây, giữa sáng và tối, giữa ngày và đêm, giữa sinh tử và niết bàn. Cũng vậy Bồ tát vì đại nguyện cứu độ chúng sanh, thị hiện vào cõi Ta Bà, bóng đêm của sinh tử, tinh tấn tu tập để thành tựu Đạo Giác ngộ Vô thượng, nghĩa là từ bóng đêm sinh tử bước ra vùng ánh sáng của trí tuệ và từ bi. Như vậy, bước chân thứ tư là bước chân của đại nguyện.

Bước chân thứ năm, ngài nhìn xuống phương Dưới, ngài nói: "Vì hết thảy chúng sanh mà tận diệt 10 đạo quân của ma vương." Chúng ta đã biết "ma" là tất cả những chướng ngại ngăn chận sự tu tập, chúng ở ngay trong tâm ta, chúng là những hạt giống bất thiện trong ta (là chấp ngã, là thành kiến, v.v...) Phương Dưới là biểu tượng của những sự thấp hèn, kém cỏi, xấu ác về thân, lời, ý... Cho nên Bồ tát xuất hiện trong cuộc đời dùng gương bén của trí tuệ chặt đứt

tất cả ma phiền não để cứu độ chúng sanh. Như vậy bước thứ năm là đại phá ma quân hay là tuệ đức.

Bước chân thứ sáu, nhìn lên phương Trên, ngài nói: "Vì hết thảy chúng sanh mà làm nơi nương tựa cho thế giới Trời, Người" Phương Trên là biểu tượng của những gì cao quý, thiện lành... Hai loại chúng sanh "cao nhất" trong lục đạo là Trời và Người. Cho nên Bồ tát thị hiện ra đời để cứu những chúng sanh đó; vì tuy ở "cao" hơn, có nhiều phước báo hơn, nhưng vẫn còn tham sân si nên vẫn còn có thể bị đọa nếu không lo tu tập. Như vậy bước chân thứ sáu là bước chân nhân thiên qui kính còn gọi là bước chân đại đức.

Bước chân thứ bảy, là bước chân cuối cùng, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, ngài nói "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn." Câu nói bất hủ và cũng là đề tài bất tận của những nhà học giả nghiên cứu đạo Phật—chưa ai giải thích thỏa đáng cho tất cả mọi người. Nói xong câu này, có 2 dòng nước nóng và lạnh phun ra tắm cho ngài, sau đó ngài trở lại như những em bé bình thường (chưa biết đi, chưa biết nói).

Thưa Anh Chị Em,

Như thế đó, là 7 bước của đức Phật. Chúng ta, với danh nghĩa là con Phật, là Huynh trưởng GDPT, chúng ta cũng phải thực tập những bước chân như vậy, những bước chân của Đại Bi, Đại Trí, Đại Hùng, Đại Lực, Đại Nguyện, v.v... và TIN rằng chúng ta cũng bước được những bước vững chắc, thành thới như Đức Phật vậy. Chúng ta phải duy trì niềm tin ấy, để nó luôn có mặt mỗi khi ta cất bước... Đến một lúc nào đó, 7 bước chân sẽ được thuần hoá, và kiên định, "thường trú" trong tâm ta. Và như vậy đức Phật không chỉ có mặt trong ta (dưới hình thức Phật tánh) mà còn có mặt trong mỗi bước chân của chúng ta.

Thân kính chúc Anh Chị Em tinh tấn tu tập pháp môn "từng bước nở hoa sen" với 7 bước chân của đức Phật.

Trân trọng,

BBT

The Story of Five Hundred Boys

Dhammapada – Verse 217

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (217) of this book, with reference to five hundred boys.

On one festival day, the Buddha entered the city of Rajagaha for alms-food, accompanied by a number of Bhikkhus. On their way, they met five hundred boys going to a pleasure garden.

The boys were carrying some baskets of pan-cakes, but they did not offer any thing to the Buddha and his Bhikkhus. But the Buddha said to his Bhikkhus, "Bhikkhus, you shall eat those pan-cakes today; the owner is coming close behind us. We shall proceed only after taking some of these pan-cakes." After saying this, the Buddha and his Bhikkhus rested under the shade of a tree. Just at that moment Thera Kassapa came along, and the boys seeing him paid obeisance to him and offered all their pan-cakes to the theras.

The theras then told the boys, "My teacher the Exalted One is resting underneath a tree over there accompanied by some Bhikkhus; go and make an offering of your pan-cakes to him and the Bhikkhus." The boys did as they were told. The Buddha accepted their offering of pan-cakes. Later, when the Bhikkhus remarked that the boys were very partial to Thera Kassapa, the Buddha said to them, "Bhikkhus, all Bhikkhus, who are like my son Kassapa are liked by both devas and men. Such Bhikkhus always receive ample offerings of the four requisites of Bhikkhus."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 217: *He who is endowed with Virtue and Insight, who is established in the Dhamma, who has realized the Truth and performs his own duties, is loved by all men.*

At the end of the discourse, the five hundred boys attained Sotapatti Fruition.



Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



THÔNG SUỐT GIÁO PHÁP

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa anh chị em Lam Viên,
Nhân đọc chuyện "Người được ca ngợi" trong *Truyện Cổ Phật Giáo* của Hòa thượng Minh Chiếu biên soạn, tôi tự ngẫm lại, cười thầm một mình rồi viết lá thư này gửi đến các anh chị em đây.

Thời Phật tại thế, có một lão tăng ẩn tu trong rừng sâu, người đời thường gọi Ngài là Hòa thượng Nhất Cú vì Ngài chỉ biết duy nhất một câu kệ:

"Sa môn nào với tư tưởng thanh cao, tinh tấn tu trì trong sự tịch tịnh, vị ấy sẽ được an tịnh, thông suốt và không còn phiền não."

Trong những ngày bố-tát, Ngài cũng chỉ đọc một bài kệ đó. Thế mà chư thiên trong vùng lại tán thưởng, hoan nghênh vang rền.

Một hôm cũng vào ngày bố-tát, có hai vị tỳ kheo thông suốt Tam Tạng cùng đi với một tăng đoàn đông đảo ngang qua khu rừng mà Hòa thượng Nhất Cú đang ẩn cư. Hòa thượng vui vẻ ra nghinh đón và thỉnh cầu:

"Thật là hiếm có được dịp quý hiển giả ngang qua đây, xin quý Ngài hoan hỷ nán lại một buổi và xin quý Ngài đọc luật cho bản tăng và chư vị nơi đây nghe."

Đoàn khách tăng ngạc nhiên vì ngoài Hòa thượng này ra, không còn có một ai khác. Vị tỳ kheo dẫn đoàn hỏi:

"Nhưng thưa thầy, ngoài thầy ra thì ở đây có thấy bóng dáng nào nữa đâu?"

"Có đấy, vào những ngày tuyên giới khu rừng này vang dội tiếng hoan nghênh của Chư thiên."

Thế rồi tăng đoàn cũng phân tòa, một vị tỳ kheo tuyên đọc giới luật, vị kia triển khai giảng rộng. Nhưng chẳng có tiếng hoan nghênh nào cả. Đoàn khách tăng lấy làm lạ, Hòa thượng này có lắm cảm không?

"Có chư thiên nào đâu Hòa thượng?"

Vị lão tăng cũng sững sờ: vì sao lại khác hẳn mọi khi như thế? Rồi Hòa thượng Nhất Cú bèn đọc lên câu kệ thường nhật, thì trong khu rừng lại vang tiếng tung hô của Chư thiên. Thật là một điều kỳ lạ.

Đoàn tỳ kheo trở về bạch Phật sự thể như vậy. Nghe xong đầu đuôi, Thế tôn dạy:

"Này các tỳ kheo, ta chưa bao giờ gọi ai là người thông suốt giáo pháp khi họ đã học nhiều, họ đã hiểu nhiều giáo pháp. Những kẻ nào chỉ biết có một câu mà hiểu thật chu đáo, hành trì thật miên mật mới gọi là người thông suốt giáo điển."

Thì ra thế! Thưa các anh chị em, tôi nhớ lại, có một lần đang trao đổi với một huynh trưởng đàn em vấn đề gì đó, lời qua tiếng lại, bất đồng ý nhau, rồi huynh trưởng này bảo: "Anh phải suy nghĩ lại đi!"

Câu nói có vẻ trích thượng làm tôi bức mình rồi. Sau này, ngẫm lại thì có gì là trích thượng đâu? "Trích thượng" là do cái tâm cống cao của mình nổi lên lúc ấy. Nhưng cũng đã dừng lại đúng lúc!

Thấy anh im lặng, em lại làm hơn: "Quyết định cái gì cũng cho có lý đàn em mới nể..." Tôi nổi sung rồi đấy. Nhưng đã học rồi, đã thực tập rồi, đã dạy cho các em cách chuyển hóa cơn giận rồi!

Lời qua (mà) tiếng lại

Giải quyết chi đâu?

Sao không dừng lại

Kèo hồ (mà) thêm sâu!

Tôi im lặng theo dõi hơi thở. Cơn giận có lắng xuống thật.

Được thế, em mình lại bồi thêm: "Anh đã thấy cái sai của anh rồi chứ? Thấy sai anh mới im lặng, thẳng em này nói đúng không?"

Tôi tiếp tục nhắm câu hát:

Lời qua (mà) tiếng lại

Đưa ta tới đâu?

Sao không dừng lại

Mỉm cười nhìn nhau.

Nhưng không dừng lại được nữa, không mỉm cười nhìn đứa em ngây ngô của mình được nữa mà chỉ nhìn "bằng nửa con mắt."

Nộ khí trỗi lên, nổi trận lôi đình, tôi không còn biết chuyển hóa là gì, quát cho một trận trời bời. Em nhìn tôi sững sờ, có lẽ ngạc nhiên với thái độ của tôi lúc đó. Giá ngay bây giờ có tấm gương đang trước để nhìn cái mặt mình, chắc là hung tợn lắm, như một con quỷ chứ không giống con người chút nào! Nói thì hay lắm, dạy các em cũng "ngon lành lắm" mà tu thì "dở ẹt"!

Đúng thế thưa các anh chị em, nhiều khi mình cứ tưởng mình tu giỏi lắm rồi, làm thầy thiên hạ được rồi, nhưng tu hay không, có chư thiên rõ thôi. Thật sự, tu khó lắm chứ, đâu có dễ!

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Khó nhất là tu tại gia, thứ nhì



tu chợ, thứ ba tu chùa.”

Trong gia đình nhiều khi cha con không hiểu ý nhau, con có suy nghĩ của con, cha có quan điểm của cha rồi chẳng hợp tính nhau. Vợ chồng cũng không chịu khó nhìn nhận nhau (thiếu tu) đâm ra lủng củng. Cả hai đều là huynh trưởng thì còn biết dè dặt đôi chút không thì “đĩa bay,” “tên lửa phóng” là chuyện thường. Làm sao, mọi thành viên trong gia đình đồng tu, hỗ trợ nhau tu mới êm đẹp được. Ở chợ, lại càng phức tạp hơn nhưng vì lâu lâu mới gặp lại một lần nên xếp vào loại khó thứ hai. Còn trong gia đình, chạm trán nhau hằng giờ hằng ngày! Tu chùa (chùa đây là chùa có nề nếp tu tập) vậy mà dễ vì có nề nếp, có luật nghi, có sách tấn nhau. Còn tu ở GDPT thì sao? Điều này ai cũng biết rồi, ai cũng thấy rõ rồi. Anh chị em mình đều đang tu ở GDPT đây, nhưng nó là thế đó. Còn chờ ở sự tinh tấn tiến tu ở mỗi chúng ta.

Mà tu ở GDPT đạt thì lại hỗ trợ cho mình tu “tại gia” dễ dàng, giúp chúng ta xây dựng hạnh phúc gia đình.

Cho nên trang thư này cũng chính là lời phát lồ sám hối của bản thân tôi trước quý anh chị lớn và trước cả đàn em của mình nữa.

Trong kinh Pháp cú Thế Tôn có dạy:

*“Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh trì pháp
Nhưng ai tuy nghe ít
Nhưng thần (1) hành
đúng pháp*

*Không phóng túng, buông
lơi*

*Mới xứng danh trì Pháp”
(PC câu 259)*

Xin thân ái chào tất cả anh chị em.

**Một người anh
(trong BBT)**

(1) Theo chú thích của thầy Thích Trí Đức trong bản dịch kinh Pháp Cú – Phật Học Viện Trung Phần xuất bản 1959: “thần đây là Nama-kayena, tức danh uẩn chứ không phải Rupakayena tức sắc uẩn, vậy đây có nghĩa là “tự mình (tâm) hành đúng pháp.”



LÊNH ĐÊN

1.

*con chim
đậu giàn hoa đỏ
con bướm
lượn khóm hoa vàng
em ngồi
mân mê suối tóc
thả xuôi thuyền gió bờ hoang
em ngồi
tỏa hương dạ lan
bốn mùa ngát ngư động bóng*

2.

*mở trăm gút chỉ hồng
phơi thân mình cõi tịnh
em giặt áo bờ sông
nắng chiều giang cánh rộng
nở trăm hạt thu không
đàn cò trắng qua đồng
chiều nay
ta nháy cò
rung động áng khói xông
chiều nay
ta mơ mộng
ngờ làm đũa mục đồng
chiều nay
ta xao động
giữa bát nhã mệnh mông*

LÊNH ĐÊN 2

mưa

*mưa ba ngày xin nhật lá
un làn khói ngát bờ chân
hỡi những quạ dơi hoang lạ
vườn ba la mật nở xoà*

đừng

*đừng ca
như khóc
lời thức ngủ thiên thu
đừng cười
xao động
giác trùng sinh công phu
đừng ăn
hoa độc
dù trắng tỏ trắng lu
đừng hỏi
ngày tháng
ôi ảo mộng sa mù.*



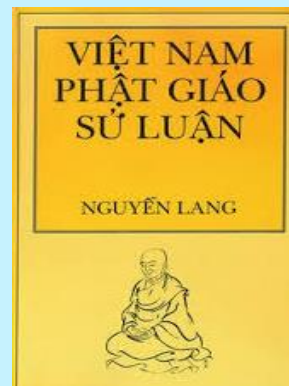
thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM

TRẦN NHÂN TÔNG VÀ THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

(Chương XII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



MỘT ÔNG VUA XUẤT GIA

Năm 1299, vua Nhân Tông xuất gia tại chùa Hoa Yên núi Yên Tử, lấy hiệu là Hương Vân Đầu Đà (sau này vua đổi hiệu là Trúc Lâm Đầu Đà). Vua được nhận là người truyền thừa chính thức của phái Yên Tử, thế hệ thứ sáu, tiếp nối vị tổ thứ năm là thiền sư Huệ Tuệ. Từ đó trở đi, phái Yên Tử trở thành nổi tiếng, thế lực lan rộng trong triều đình và giữa nhân gian. Một ông vua đã từng đánh bại cuộc xâm lăng của nhà Nguyên, một ông vua đã đem hòa bình và thịnh trị về cho dân, một ông vua như thế khi đi xuất gia chắc chắn đã gây nên một tiếng vang lớn và khiến tất cả mọi người trong nước hướng nhìn về ngọn núi Yên Tử. Đạo Phật trở thành yếu tố tâm lý liên kết toàn dân lại trong mục đích xây dựng và bảo vệ quốc gia. Nhân Tông và Anh Tông là những nhà chính trị giỏi, nhưng đồng thời cũng là những Phật tử thật sự. Nhà phê bình lịch sử có thể nói họ lợi dụng đạo Phật cho chính trị nhưng nhà phê bình văn hóa cũng có thể nói họ là những người Phật tử sùng đạo.

Phong trào Phật Giáo nhập thế gọi là Trúc Lâm Yên Tử chỉ hưng thịnh cho đến giữa khoảng thế kỷ thứ mười bốn. Sau đó, phong trào yếu dần. Từ đây thiếu sự nâng đỡ của những ông vua Phật tử, đạo Phật rút lui về căn cứ của mình ở chùa trên núi và nơi thôn quê. Các chùa ở thủ đô Thăng Long thôi đóng vai trò quan trọng về chính trị.

Một thời gian sau ngày xuất gia, vua Nhân Tông đổi pháp hiệu là Trúc Lâm. Ta biết rằng vị tổ thứ hai của thiền phái Yên Tử, thiền sư Đạo Viên (hay Viên Chứng) ngày xưa đã được ban hiệu là Trúc Lâm quốc sư. Nhân Tông đã xuất gia và đã trở nên một vị cao tăng, tổ thứ sáu của phái Yên Tử và là tổ thứ nhất của phái Trúc Lâm: ta gọi vua bằng pháp hiệu Trúc Lâm của vua, trong khi không quên rằng Trúc Lâm quốc sư Đạo Viên là vị tiền bối của vua.

Trúc Lâm Đầu Đà tên tục là Trần Khâm, con của vua Trần Thánh Tông, sinh năm 1258, lên ngôi vua năm 20 tuổi, xuất gia năm 41 tuổi và tịch năm 1308 vào lúc 51 tuổi. Tác giả *Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* viết: "Vua được tinh

anh của thánh nhân, đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên Đồng Tử [1]; ở vai bên tả có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn; ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng hà ở am Ngọa Vân núi Yên Tử. Hòa nhã, cổ kết lòng dân, sự nghiệp phục hưng làm về vang đời trước, thực là vua hiền đời Trần. Song vui lòng ở kinh Phật, tuy bảo là đến siêu thoát, nhưng không phải là đạo trung dung của thánh nhân." Sử thần Ngô Sĩ Liên còn nói: "Nhân Tông trên thờ Từ Cung tỏ rõ đạo hiếu, dưới dùng người hiền lập nên võ công, nếu không phải là bậc nhân minh anh vũ thì làm sao được như thế? Duy có việc xuất gia là không hợp với đạo trung dung." Đó là những lời phê bình về vua Nhân Tông của các sử thần theo Nho Giáo.

Hồi còn nhỏ tuổi, Trúc Lâm đã có ý không muốn làm vua. Và muốn nhường địa vị đồng cung thái tử cho em. *Sách Tam Tổ Thực Lục* nói: "Một đêm vào giờ Tý, vua vượt thành mà đi, muốn vào núi Yên Tử. Đến chùa ở núi Đông Cứu thì trời sáng, liền vào ẩn trong tháp. Vị tăng trụ trì thấy tướng mạo dị thường liền đem thức ăn khoản đãi. Hôm ấy thái hậu và vua Thánh Tông sai quần thần tìm tứ tán, bắt đấng vua phải về. Khi lên ngôi, tuy ngôi lên chín bề vinh quang nhưng sinh hoạt rất thanh tịnh. Một hôm ngủ trưa tại chùa Tư Phúc trong đại nội vua mộng thấy trên rốn mình nở ra một đức Phật vàng. Bên cạnh, có người chỉ vào vua mà hỏi: Biết đức Phật này không? Đó là đức Biến Chiếu Tôn đây! Vua tỉnh thức, đem giấc mộng nói lại cho Thánh Tông nghe, ai cũng lấy làm lạ. Từ đó thường ăn chay tránh thịt cá, long nhan gãy mòn. Thánh Tông thấy thế làm lạ, hỏi. Điều Ngự (tức Nhân Tông) cứ thực trình bày. Thánh Tông khóc nói: Ta đã già, cậy vào một mình người, nếu người như thế làm sao nổi được thịnh nghiệp của tổ tông? Điều Ngự cũng khóc. Điều Ngự thánh tính thông minh, hiểu học, nhiều tài, đọc khắp các loại sách thông suốt cả đến nội điển, thường mời các vị thiền

khách tới cùng giảng cứu Thiền học. Điều Ngự cũng tìm tới tham khảo với Tuệ Trung thượng sĩ, và do đó thâm nhập được cốt tủy của Thiền học, cho nên thường lấy tư cách đệ tử để đối đãi với Tuệ Trung.

Đã đành Trúc Lâm thờ Tuệ Trung làm thầy, nhưng khi xuất gia thọ 250 giới của một vị tỷ khưu vì Tuệ Trung vốn là cư sĩ, không thể truyền giới cho vua được. Ai là hòa thượng trao truyền giới pháp cho Trúc Lâm, và vua thọ giới ở đâu? Hẳn người làm hòa thượng đường đầu truyền giới là thiền sư Huệ Tuệ, lúc ấy đang lãnh đạo sơn môn Yên Tử, tổ sư thứ 5 của thiền phái. Và lễ thọ giới xuất gia của Trúc Lâm chắc chắn được tổ chức trên núi Yên Tử.

Trúc Lâm tuy học với Tuệ Trung nhưng khác với Tuệ Trung ở chỗ vua rất chú trọng về mặt hình tướng của sự việc. Trúc Lâm xứng đáng là vị sáng tổ của một tông phái, người lãnh đạo của một giáo hội. Vua có ý định xuất gia rất sớm, nhưng ý định này chỉ được thực hiện vào năm 1299. Trước đó vua đã ăn chay học Phật một cách kính cẩn[2]. Năm gần đi xuất gia, vua mời Văn Túc Vương Đạo Tái (con của Trần Quang Khải) đến chơi ăn cơm. Vốn rất yêu mến Văn Túc Vương Đạo Tái, vua mời Đạo Tái vào chơi ở Dưỡng Đức điện trong cung Thánh Từ và sai người làm các thức hải vị mời Đạo Tái. Vua vốn đã ăn chay rồi, nên chỉ ngồi nhìn Đạo Tái ăn. Vua có làm bài thơ như sau:

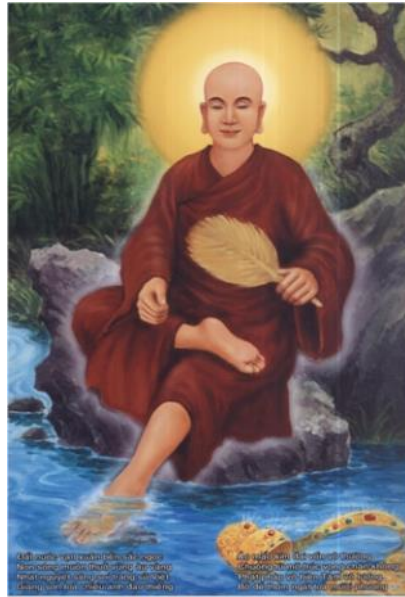
*Món quy cước đồ thăm
Món mã yên vàng thơm
Sơn tăng giữ tịnh giới
Cùng ngồi không cùng ăn* [3]

Chưa đi xuất gia nhưng tự xem mình như một vị "sơn tăng" rồi, thì biết vua đã chuẩn bị kỹ lưỡng biết bao cho việc xuất gia của mình! Tháng Bảy năm 1299, vua xây một thiền am trên núi Yên Tử gọi là Ngự Dược Am. Xây dựng chỉ sơ sài thôi, bởi vì sang tháng Tám vua đã đi xuất gia. Vốn rất cẩn thận về mặt thể thức, vua không thể không tổ chức lễ này cho long trọng. Chỉ tiếc sử sách không ghi chép lại những chi tiết của ngày xuất gia ấy. Ta cũng không biết 10 vị trong hội đồng truyền giới là những vị nào. Để đánh dấu ngày xuất gia của vua, trong toàn quốc đã phát hành cuốn *Phật Giáo Pháp Sư Đạo Tràng Công Văn Cách Thức*, một cuốn sách nói về thể thức và các bài văn số, tấu, điệp, dùng trong các nghi lễ thọ giới, chẩn tế, cầu an, cầu siêu, khánh thành, v.v... Cuốn sách này nhằm đến việc thống nhất các hình thức nghi lễ của Phật Giáo đương thời. Nó được chính quyền ấn hành khắp nước thay vì

được một chùa ấn hành trong phạm vi một khu vực.

Ý NGUYỆN XÂY DỰNG MỘT NỀN HÒA BÌNH CHIÊM - VIỆT LÂU DÀI

Tháng Ba năm 1301, Trúc Lâm đi Chiêm Thành để quan sát Phật Giáo tại đây. Vua đi với tư cách một du tăng, có một số tăng sĩ tùy tùng. Vua đã lưu lại đây cho đến tháng Mười một mới về. Trong thời gian lưu trú tại Chiêm Thành, vua đã đàm đạo với vua nước Chiêm Thành là Chế Mân. Cuộc tiếp xúc này chắc hẳn là một cuộc tiếp xúc rất thân mật; vua Chế Mân tiếp một vị du tăng Việt Nam nhưng đồng thời cũng tiếp một người có thể lực tinh thần rất lớn



trong triều đình và ngoài dân chúng. Trong mục đích xây dựng tình hòa hữu giữa hai nước làm nền tảng cho hòa bình lâu dài, Trúc Lâm đã hứa sẽ gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm. Tháng Hai năm 1305, tức là bốn năm sau đó, Chế Mân sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn 100 người đem vàng bạc, hương trầm và các bảo vật sang để cầu hôn. Lúc này Trúc Lâm đang tu ở Kỳ Lâm viện và đang bận làm lễ thọ giới tỷ khưu và Bồ Tát cho vị đệ tử là Pháp Loa. Các quan trong triều nhiều người khuyên vua Anh Tông nên từ chối. Nhưng Văn Trúc Vương Đạo Tái và thượng tướng Trần Khắc Chung bàn với vua nên làm theo lời hứa gả của Thượng Hoàng. Vua Anh Tông liền nhận lễ. Tháng sáu

năm sau 1306, công chúa Huyền Trân về nhà chồng. Vua Chiêm Thành dâng hai châu Ô và Lý làm sính lễ. Đến năm 1307 hai châu này được đổi tên là Thuận và Hóa. Ta không rõ sự dâng đất này xuất từ thâm ý của vua Chiêm Thành hay là điều kiện của do vua Anh Tông đặt ra. Chỉ biết là khi đất hai châu trở thành đất Việt Nam thì cư dân các thôn La Thủy, Tác Hồng và Đà Bông không chịu theo về quốc tịch Việt. Vua Anh Tông phải sai Đoàn Nhữ Hài, một người tâm phúc của vua, đến các thôn này tuyên dụ đức ý của triều đình, chọn người bản xứ bổ làm quan, cấp đất cho dân, miễn thuế trong ba năm để vỗ về họ.

Cuộc tình duyên giữa vua Chiêm Thành và công chúa Huyền Trân tiếc thay lại rất ngắn ngủi. Bà về với vua Chiêm Thành tháng Sáu năm 1306 đến tháng Năm năm 1307 thì vua Chiêm mất. Theo tục lệ Chiêm Thành, hễ vua băng hà thì hoàng hậu phải lên đàn thiêu chết theo. Vua Anh Tông sợ công chúa bị hại, liền sai Trần Khắc Chung sang, lấy cớ làm lễ viếng rồi tìm cách cứu công chúa về. Trần Khắc Chung qua Chiêm Thành vào tháng Mười mà mãi đến tháng Tám năm sau mới đưa được

công chúa Huyền Trân về tới kinh đô. Trúc Lâm nghe tin con về mừng rỡ xuống núi đón. Sơ triều đình Chiêm giận, Trúc Lâm liền bảo trại chủ Châu Hóa lấy thuyền đưa 300 người Chiêm lưu vong về nước, mong chuộc lỗi Trần Khắc Chung đã đánh lừa Chiêm để đem công chúa về [4]. Chủ ý của Trúc Lâm xây dựng tình huynh đệ giữa hai nước Chiêm-Việt để bảo vệ hòa bình đã không được triều đình đeo đuổi thực hiện. Tháng chạp năm 1311, nghĩa là đúng ba năm sau ngày Trúc Lâm mất, vua Anh Tông đi đánh Chiêm Thành. Sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* nói rằng sở dĩ có cuộc chinh phạt Chiêm Thành như thế là vì "vua nước ấy là Chế Chí phản trắc."

Vua nước ấy phản trắc như thế nào? Sách không hề nói. Ta chỉ biết rằng vua Chế Chí sai trại chủ Câu Chiêm sang triều cống nước ta. Đoàn Nhữ Hài liền mật ước với người này hẹn nếu đánh thắng được Chiêm Thành thì sẽ hậu đãi. Quân Việt chia làm ba đạo: Huệ Võ Vương Quốc Chấn tiến tới đường núi, Nhân Huệ Vương Khánh Dư tiến vào bằng đường biển, vua Anh Tông cầm quân đi đường bộ. Cuộc xâm lăng này có sự đồng tình của trại chủ Câu Chiêm. Khi quân đội do vua Anh Tông đến đất Câu Chiêm, Đoàn Nhữ Hài sai người đến trại chủ cho biết ý vua Việt Nam muốn dụ vua Chiêm ra đầu hàng. Trại chủ báo tin cho vua Chế Chí, vua này nghe theo liền đem gia thuộc đi bằng hải đạo ra hàng. Đó là vào tháng năm: vua Chế Chí bị bắt đem về, em vua là Chế Đà A Bà Niêm được đưa lên trấn giữ đất Chiêm Thành. Sau này mỗi thù Chiêm-Việt bùng nổ; chiến tranh giữa hai nước kéo dài và cuộc chiến đã làm suy yếu cả cơ nghiệp nhà Trần. Ý kiến và sự sắp đặt của Đoàn Nhữ Hài trong cuộc chiến tranh xâm lăng Chiêm Thành đã là một yếu tố rất quan trọng.

XÂY DỰNG MỘT GIÁO HỘI MỚI

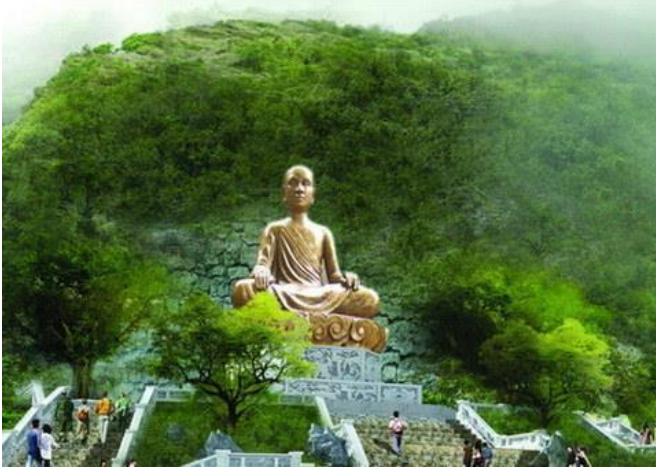
Cuộc đời xuất gia của Trúc Lâm là một cuộc đời hoạt động tích cực. Ngoài những mùa kết hạ (ba tháng tinh tu) tại các am Tử Tiêu, Ngọa Vân, Thạch Thất, Tri Kiến hay tại các chùa Vĩnh Nghiêm và Siêu Loại, Trúc Lâm thường đi vân du hoằng đạo đây đó. Sách *Tam Tổ Thực Lục* nói năm 1304, "Điều Ngự (tức Trúc Lâm) đi khắp mọi nẻo thôn quê, khuyên dân phá bỏ các dâm tử và thực hành giáo lý Thập Thiện." Hồi đó trong dân gian còn có những nơi thờ tự những tượng thần lửa thể và sinh thực khí, những đền thờ này chính là những dâm tử nói tới trong *Tam Tổ Thực Lục*. Cổ nhiên một vị thiền sư như Trúc Lâm đến đâu cũng được dân chúng ái mộ, khâm phục, và lời khuyên của vua có tác dụng rất lớn. Thập Thiện chính là giáo lý nhập thế căn bản của đạo Phật; lấy giáo lý Thập Thiện làm cơ bản cho đạo đức xã hội, Trúc Lâm đã có ý muốn xây dựng một xã hội trên nền tảng luân lý đạo Phật. Một ông vua còn ngồi trên ngôi ủng hộ Phật Giáo, một ông vua cha làm thiền sư chu du trong quần chúng: sự

kiện này thật đặc biệt chưa từng có. Dù có ý thức hay không, Trúc Lâm cũng đã góp phần vào việc củng cố triều đại chế độ bằng những công tác hành đạo tích cực trong dân gian.

Cuối năm 1304, vua Anh Tông thỉnh Trúc Lâm vào Đại Nội và xin thọ Tại Gia Bồ Tát Tâm Giới. Những bậc quốc vương thọ giới Bồ Tát Tại Gia là những người phát nguyện dùng khả năng và quyền hạn của ngôi vị mình để phục vụ cho nhân sinh của Bồ tát. Ngày Trúc Lâm vào thành, vương công bách quan đều theo vua đi đón. Thấy vua phát nguyện thọ giới Bồ tát, mọi người cũng xin phát nguyện thọ tam quy ngũ giới. Trên phương diện hình thức, ta thấy cả một triều đình trở thành Phật tử, nhưng đứng về phía nội dung mà xét, ta phải biết chắc có nhiều người thọ giới chỉ vì thấy vua thọ giới và không muốn làm mất ân sủng triều đình. Những người theo chủ nghĩa cơ hội thời nào cũng có.

Thiền phái Trúc Lâm là một nền Phật Giáo nhập thế, liên hệ mật thiết tới chính trị, phong hóa của xã hội. Con người của Trúc Lâm rất thích hợp với một phong trào như thế và đó là lý do chính khiến thiền phái này được thành lập. Truyền thống Phật Giáo Yên Tử đến đời của Trúc Lâm đã mang nặng tích cách xã hội nhập thế cho nên việc dùng một danh từ mới cho tông phái cũng là một việc đương nhiên hợp lý.

Trúc Lâm có phong độ của một người lãnh đạo giáo hội, một vị tăng thống, và điều này cổ nhiên là vang bóng của sự nghiệp làm vua trước kia. Vua rất thao thức muốn tìm một pháp tử, tức là một người nối tiếp được sự nghiệp hoằng đạo nhập thế của mình. Trong thời gian du hành trong nhân gian, Trúc Lâm cũng có ý định tìm một người như thế. Đến năm 1304 đến thôn Nam Sách, Trúc Lâm gặp một người trai trẻ, tuổi hai mươi một, muốn xuất gia, tên là Đồng Kiên Cương. Thấy dung mạo khác thường, Trúc Lâm tự bảo: "Người trai trẻ này có đạo nhân, sau này chắc sẽ trở thành pháp khí." Vui vì sự gặp gỡ này, Trúc Lâm đặt tên cho chàng là Thiên Lai, cho thọ giới Sa Di, và gửi đi tham học với Tính Giác Hòa thượng. Thiên Lai sau này là Pháp Loa, vị tổ thứ hai của thiền phái Trúc Lâm. Pháp Loa chỉ làm sa di được trên một năm; sang năm 1305, thì Trúc Lâm đã cho ông thọ giới Tỳ Khưu và Bồ tát. Sang năm 1306 thì ông đã được lập làm giảng sư ở chùa Siêu Loại. Cổ nhiên, một người có căn trí linh lợi như Pháp Loa có thể đi những bước nhanh như thế, nhưng trong truyền thống thiền viện, ít ai vội vã đưa một người mới xuất gia lên địa vị giảng chủ của một thiền viện khi ông này chưa đầy ba tuổi tu. Ta cũng hiểu rằng Trúc Lâm tự biết không còn sống được nhiều năm nữa nên đã chuẩn bị kỹ lưỡng như vậy, như đã chuẩn bị kỹ lưỡng cho việc xuất gia của mình. Vua tự mình dạy Phật Pháp cho Pháp Loa: các bộ *Truyền Đăng Lục*, *Đại Tuệ Ngữ Lục* đều chính do vua dạy riêng cho Pháp Loa học. Năm 1307, hồi Pháp Loa mới lên 24 tuổi; Trúc



Lâm đã viết tâm kệ và lấy y bát truyền cho Pháp Loa ngày mồng một tết năm Mậu Thân (1308) - Trúc Lâm sẽ tịch vào tháng mười một năm này - Trúc Lâm chính thức ủy Pháp Loa kế thế trụ trì chùa Siêu Loại, làm tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Việc này xảy ra trong sự chứng giám của vua Anh Tông. Ta đã đọc đoạn nói về việc này trong sách *Tam Tổ Thực Lục*.

“Năm Mậu thân, niên hiệu Hưng Long thứ 16, vào ngày mồng một tháng giêng, Pháp Loa phụng mệnh làm người nối pháp trụ trì chùa Siêu Loại ở giảng đường Cam Lộ. Bắt đầu buổi lễ, mọi người làm lễ ở tổ đường; đại nhạc được tấu lên, các loại danh hương được xông đốt... Điều Ngự đưa Pháp Loa vào lay ở tổ đường xong, cùng xuống thực đường để ăn cháo sáng. Sau buổi triều thực. Nhạc tấu lên, trống lớn nổi dậy, đại chúng chũm tăng được triệu tập cùng lên pháp đường; lúc đó vua Anh Tông đã ngự giá tới chùa; ngài chủ khách đã phần xong, mọi người cùng ngồi. Anh Tông lúc đó đóng vai một vị đàn việt lớn của Phật Pháp, ngài vào ghế khách của pháp đường, quốc phụ thượng tể [5] cùng với các quan cùng đứng dưới sân. Điều ngự thăng đường thuyết pháp. Thuyết pháp xong điều ngự rời pháp tòa, dắt Pháp Loa cho ngồi trên pháp tòa ấy, rồi đứng đối diện Pháp Loa làm lễ thăm hỏi. Sau đó Pháp Loa đáp bái lại. Điều ngự trao pháp y cho Pháp Loa khoác vào. Bấy giờ Điều Ngự ngồi xuống ghế khúc lục một bên để nghe Pháp Loa thuyết pháp. Xong rồi, Điều ngự đem Sơn Môn (Giáo Hội) Yên Tử và chùa Siêu Loại ủy cho Pháp Loa kế thế trụ trì, làm tổ thứ hai phái Trúc Lâm.”

Trúc Lâm đã sắp đặt mọi việc rất vén khéo và đúng lúc. Cả triều đình có mặt tại buổi lễ hôm đó cùng với vua Anh Tông đều chứng kiến sự kiện truyền y pháp giữa thầy trò Trúc Lâm và Pháp Loa, sau này không ai có thể phủ nhận giá trị lãnh đạo của Pháp Loa nữa. Tất cả những điều này cho ta thấy chủ ý của Trúc Lâm muốn đặt cơ sở vững chãi cho một nền Phật Giáo thống nhất và nhập thế tại Việt Nam. Pháp Loa sau này đã thi hành được dễ dàng nhiệm vụ lãnh đạo giáo hội của mình, và Anh Tông cung kính vâng theo di chúc của Trúc

Lâm, đối với Pháp Loa luôn xưng là đệ tử, hết lòng ủng hộ việc hành đạo của Pháp Loa.

Phong trào phát triển nhập thế do Trúc Lâm xây dựng đã được đông đảo quần chúng tham dự. Ngày mười sáu tháng chín năm Canh tuất (1310) triều đình làm lễ rước linh cữu đựng tro xương Trúc Lâm về chôn ở lăng Quy Đức phủ Long Hưng. Một ít tro xương này thì được an trí tại bảo tháp ở am Ngoạ Vân trên núi Yên Tử. Linh cữu, trước khi rước về lăng Quy Đức, được tạm quàn ở điện Diên Hiên trong thành. Sắp đến giờ phát dẫn linh cữu rồi mà quan liêu và dân chúng đứng đầy khắp cung điện, trong ngoài như nêm, không có cách gì mà rước linh cữu ra cho được. Binh lính cầm roi xua đuổi dân chúng cũng không giải tán được. Rốt cuộc vua Anh Tông phải cho gọi chi hậu chánh chưởng là Trịnh Trọng Tử tới vấn kế. Trọng Tử liền tổ chức quân đội dưới quyền mình, bày ra đây đó những nhóm hát điệu long ngâm, trên thềm, ngoài sân. Quần chúng thấy lạ, bèn kéo nhau ra vây quanh những nhóm trình diễn này, nhờ đó mà cung điện mới giảm người, đám rước mới thực hiện được. Chi tiết này trong sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* cho ta thấy lòng ái mộ của dân chúng đối với Trúc Lâm, và cũng cho ta thấy không khí thân mật, đơn giản, đượm sắc thái hòa bình của thời đại.

(Còn tiếp)

Chú thích:

[1] (65) Sách Tam Tổ Thực Lục gọi là “Kim Phật”

[2] (66) Sau khi những trận đánh ở biên giới Lào Việt kết thúc vào mùa hè năm 1295, Trúc Lâm đã từng đi thực tập xuất gia ở chùa Vũ Lâm (ở làng Vũ Lâm đã từng đi thực tập, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình). Mãi đến năm 1299 vua mới chính thức xuất gia tại núi Yên Tử. tại Vũ Lâm có sẵn một hành cung của Nhân Tông vì Nhân Tông tập sự xuất gia tại đó nên hành cung được biến thành chùa Vũ Lâm.

[3] (67)

Hồng thắp bấc quy cước
Hàng hương chích mã yên
Sơn tăng trì tịnh giới
Đồng tọa bất đồng xan

[4] (68) Khắc Chung nói với người Chiêm Thành rằng trước khi công chúa lên hỏa đàn chết theo vua Chiêm thì nên để công chúa ra ngoài bờ biển để làm lễ chiêu hồn ở ven trời, dẫn linh hồn vua Chiêm cùng về hỏa đàn. Người Chiêm nghe theo; Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về. Lệnh dênh loanh quanh mãi ở đường biển, mười tháng sau mới về đến kinh sư. Theo sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, công chúa Huyền Trân sau khi về nước đã xuất gia tu học tại chùa Nộn Sơn, xã Hồ Sơn, huyện Thiên Bản tỉnh Nam Định.

[5] (69) Huệ Võ Đại Vương Quốc Chẩn.

CÓ MỘT LOÀI HOA

Phóng tác theo bài “Hoa sen trên tuyết”
Bản dịch của Nguyễn Phong.



*Mênh mông trời xứ tuyết
Phong kín bụi sương mờ
Lung linh màu diễm tuyệt
Thấp sáng bên trời thơ.*

*Bóng ai nhòa sương cát
Hồn ai chìm biển sâu
Thời gian màu đỏ nát
Đời muôn hướng về đâu?*

*Lối xưa màu cỏ biếc
Đá phơi nẻo tà dương
Ai hay đời sinh diệt
Dấu rêu nhạt chiều buông!
Tìm đâu trong cuộc vô thường
Ta qua mấy nẻo trời sương luân hồi.*

*Bên trời đầy gió bụi
Bên đường đầy lệ sương
Một cánh hoa nở vội
Màu trắng của tình thương.*

*Nhưng lòng hoa không héo
Vì là hoa vô danh
Mùi hương về khắp nẻo
Miền thanh khiết tinh anh.
Hoa nghe gió gào thét
Cuồng nộ giữa mênh mông
Lặng thâm trong sương cát
Mây trời trong mắt trong.
Vô thường giọt lệ hư không
Tâm kinh vẫn rót theo dòng thời gian.*

*Tình của hoa muôn thuở
Lòng của hoa khơi vơi
Lời kinh hoa vẫn nở
Thấp sáng mọi phương trời.*

*Kinh truyền từ cát bụi
Tâm truyền về phương tâm
Hạt mù sương chim gọi
Mắt xanh miền xa xăm.*

*Bây giờ màu sương cát
Là hương hoa cuộc đời
Bây giờ miền ảo ảnh
Là tình thơ muôn nơi.
Từ trong hạt bụi luân hồi
Đã nghe sinh diệt nảy chồi vô ưu.*

*Ai hay trong kẽ núi
Đường mây phủ mờ xa
Tháng ngày quên đếm tuổi
Có người ngồi làm Hoa.*

*Chung quanh mây dệt lụa
Lòng người giữa hư không
Tiếng mõ hòa kinh tụng
Về phương trời mênh mông.*

*Có một loài chim nhỏ
Bên cửa động nghe kinh
Hồn xanh màu cỏ biếc
Nở nụ cười tâm linh.
Ngàn xưa ai đã vô tình
Làm sao ánh nguyệt gập ghềnh lối qua.
Tay góp ngàn sương lại
Long lanh mùi hương trời
Tay góp ngàn hương lại
Cho lòng về muôn nơi.*

*Mắt ai rơi hạt bụi
Lệ ai sâu mênh mang
Cùng người xem mây nổi
Trên đường về bình an.*

*Ngàn phương trời kinh mở
Trong lòng người, lòng hoa
Chim về nghe hương cỏ
Trong lòng đời bao la.
Từ ngàn xưa, tuyết là hoa
Đến ngàn sau vẫn một tòa sen thiêng.*

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ



TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

LỜI ĐỨC PHẬT DẠY VỀ THỜI GIAN VÀ NGHIỆP BÁO

*Khi chim còn sống trên đời
Chim ăn kiến nhỏ thấy thời khó chi,
Nhưng khi chim bị chết đi
Kiến thời ăn nó có gì khó đâu.*

*Thời gian, Hoàn cảnh trước sau
Luôn luôn thay đổi rất mau hàng ngày.
Đừng khinh bỉ, nhục mạ ai
Và đừng làm tổn thương người quanh đây.*

*Bạn đây quyền thế hôm nay
Nhưng mà nên nhớ điều này bạn ơi
Thời gian mãnh lực tuyệt vời
Vượt hơn quyền bạn, bạn thời khó ngăn.*

*Một thân cây ở non ngàn
Xẻ ra hàng triệu que làm diêm kia
Nhưng diêm chỉ đốt một que
Làm triệu cây cháy tức thì, dễ sao!*

*Cho nên Phật dạy từ lâu
Hãy làm người tốt, tu mau trong đời.*

*

*Chúng sinh thử nghĩ mà coi
Con người “cơ thể” do Trời tạo nên
Hợp tình, hợp lý vô biên
Khi ta xử dụng chớ quên ý Trời:*

*Hai con MẮT trên mặt người
Đặt nơi phía trước. Ý Trời khuyên ta
Tương lai trước mặt nhìn ra
Phía sau quá khứ đã qua chớ nhìn.*

*Hai TAI đặt ở hai bên
Để nghe hai phía: “chê”, “khen” đồng thời
Không nghe một phía mà thôi
Đừng nghe tâng bốc, ham lời êm tai.*

*MIỆNG ta chỉ một không hai
LƯỖI ta mềm mại cũng thời một thôi
Ý Trời ta phải ít lời
Nghe nhiều hơn nói với người lân bang,
Nói thì hiền dịu, khôn ngoan
Tránh lời hiểm độc làm buồn lòng nhau.*

*Còn BỘ NÃO ở trong đầu
Đặt trong hộp sọ trước sau vững bền
Trong đây tích lũy ngày đêm
Bao phần tri thức khắp trên dương trần
Ta lưu giữ, quý vô ngần
Chẳng ai lấy được! Khỏi cần lo âu!
Đừng gom của cải sang giàu
Phù du vật chất có đâu giữ hoài
Dễ dàng mất mát, tàn phai
Có công gom góp để rồi trắng tay.*

*Cuối cùng là TRÁI TIM này
Nằm trong lồng ngực chứa đầy yêu thương
Thắm sâu trong tận cõi lòng
Trào dâng tình cảm mặn nồng khó phai
Trao nhau tô thắm cuộc đời
Gieo nguồn an lạc cho người muôn nơi.
Trái tim không ở phía ngoài
Là nơi hời hợt buông lời dễ dàng.*

*

*Quý thay là những lời vàng
Phật từng chỉ dạy cho hàng chúng sinh!*



THIỆN, TỊNH VÀ MẬT

Ba pháp tu truyền thống của Phật Giáo Việt Nam

Thích Đức Trí



Thiền, Tịnh, Mật được xem là ba pháp môn tu truyền thống của Phật giáo Việt Nam xưa nay. Thiền giáo xuất hiện từ thời Khương Tăng Hội, Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Vô Ngôn Thông. Các thế kỷ sau, kinh điển Đại thừa được truyền bá, theo đó tư tưởng Thiền, Tịnh và Mật được phổ biến tại nước ta. Từ lịch sử phát triển Phật giáo Việt Nam cho thấy, ba pháp môn tu đó có sự đóng góp tích cực cho con người và xã hội qua nhiều thời đại.

I. Thiền giáo và Thiền Tông

1) Thiền giáo

Theo "Việt Nam Phật Giáo Sử Luận" của Nguyễn Lang xác định rằng đạo Phật xuất hiện ở Việt Nam vào khoảng thế kỷ thứ nhất Tây Lịch, quá trình du nhập diễn ra bằng hai con đường, thứ nhất do các nhà sư Ấn Độ từ phương Nam theo các thuyền buôn đến, con đường thứ hai do các nhà sư từ phương Bắc theo đường bộ đến. Việt Nam tiếp nhận Đạo Phật đầu tiên là do từ hướng Ấn độ chứ không phải từ hướng Trung Hoa. "Thiền học Việt Nam khởi đầu bằng Khương Tăng Hội vào đầu thế kỷ thứ ba. Không những Khương Tăng Hội sáng tổ của Thiền Học Việt Nam, ông cũng phải được xem là người đầu tiên đem Thiền cho phát huy ở Trung Hoa nữa" [1]. Theo *Thiền Uyển Tập Anh*, quốc sư Thông Biện (?-1134) trả lời cho Phù Thánh Linh Nhân Hoàng Thái Hậu, tức mẹ của vua Lý Nhân Tôn như



sau: "Giáo thì lấy Mâu Bác, Khương Tăng Hội làm đầu, Thiền thì lấy Tỳ Ni Đa Lưu Chi làm phái trước, Vô Ngôn Thông làm phái sau. Đó là những vị tổ sư hai phái" [2]. Tiếp theo nữa có Chi Khương Lương Tiếp (Kalasivi) đến Giao Châu năm 255 và dịch *Kinh Pháp Hoa Tam Muội* tại đây. Kinh này được xem là kinh thiền thuộc pháp môn thiền Đại thừa đốn giáo. Về sau có thiền sư Huệ Thắng thế kỷ thứ V-TL theo học đạo Thiền với thiền sư Đạt Ma Đề Bà (Dharmadeva) là người Ấn Độ. *Tục Cao Tăng Truyện* viết: "Thích Huệ Thắng là người Giao Chi, ở chùa núi Tiên Châu, đã từng vân du khắp các miền sông núi, thông dong tự tại, đọc kinh Pháp Hoa mỗi ngày mỗi lần... đã từng theo vị thiền sư ngoại quốc là Đạt Ma Đề Bà để học phương pháp quán hạnh về thiền, mỗi khi nhập định đến ngày mai mới xuất định..." [3] Từ khi thiền tông xuất hiện với hệ thống kinh điển đương thời, nó dần dần phát triển và thành một gương mặt mới của thiền trong nền Phật giáo nước nhà.

2) Thiền tông Việt Nam

Tư tưởng Thiền tông bắt đầu từ Bồ Đề Đạt Ma, đó là: "Bất lập văn tự, ngoại giáo Biệt truyền; trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật.[4]" (Không lập chữ nghĩa, truyền riêng ngoài giáo pháp, Chỉ thẳng tâm thật, Thấy tánh thành Phật). Thiền ở đây là thiền ngộ, chỉ thẳng tâm người, siêu việt ngôn ngữ. Tâm đây là tánh giác ngộ xưa nay vốn viên mãn, không sanh diệt, ngộ được tánh ấy tức là nhận được tâm ấn của Phật tổ. Thể ngộ pháp tánh, tính lặng vô sanh, vô niệm, vô trụ, vô tướng. Thiền tông nhận thức sự vật từ quy luật của tánh, để thể nhập tánh không, trung đạo. Các pháp môn khác từ phương tiên tu tập thứ lớp, đoạn trừ vô minh và giải thoát. Tổ Đạt Ma dùng kinh *Lăng Già* truyền cho Huệ Khả. *Kinh Lăng Già* đề cập hai phương diện của tâm thức, Phật và chúng sanh có cùng tánh giác thanh tịnh, mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Tỳ Ni Đa Lưu Chi, người đặc pháp với tổ Tăng Xán, đến Việt Nam 580 (TL) dùng *Kinh Tượng Đầu Tinh Xá* dạy thiền. Phái thiền tông nối tiếp được 19 đời. Thời gian



hoảng pháp tại Việt Nam 14 năm, ông viên tịch vào tháng 3 năm Giáp Dần (594) [5] tại chùa Pháp Vân. Ông đã dịch một số kinh đại thừa thiền, như *Kinh Tượng Đầu Tinh Xá*, *Kinh Báo Nghiệp Sai Biệt* và *Kinh Tổng Trì* [6]. *Kinh Tượng Đầu Tinh Xá* thuộc văn hệ Bát Nhã. Kinh này chỉ bày tâm giác ngộ tử Bồ đề vốn vô tướng, không giới hạn thời gian và không gian, thực chất đó là nghĩa chân tâm thường trụ; "Bồ-đề không có nơi chốn; chẳng thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; không có tất cả pháp; tuy vẫn nói năng nhưng có danh mà không thật. Đó là pháp vô vi, là không, vô tướng, vô tác, chẳng có, chẳng không, chẳng thể chỉ bày, không thể nói, không thể nghe. Bồ-đề chẳng phải từ quá khứ để được, chẳng phải từ vị lai để được, chẳng phải nơi hiện tại mà được, cũng không thể lia ba đời mà có được." [7] Sau đây là lời dạy của Tỳ Ni Đa Lưu Chi với đệ tử Pháp Hiền trước khi viên tịch: "Tâm ấn của chư Phật không lừa dối ta đâu; tâm ấy tròn như núi thái hử, không thiếu không dư, không đi không tới, không được không mất, không nhất nguyên, không đa nguyên, không thường không đoạn, vốn không sinh ra cũng không diệt mất... (lược). Khi Tăng Xán ấn cho ta tâm này thì có bảo ta nên gấp về phương Nam mà giao tiếp.. " (Nguyễn Lang, *Phật Giáo Sử Luận*). Đặc tính Pháp Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi ảnh hưởng từ Tướng Bất Nhã, Hoa Nghiêm, Tam Luận.

Phái thiền Vô Ngôn Thông (759-826) [8]: Vô Ngôn Thông là đệ tử của thiền sư Bách Trương ở Trung Hoa, đến Việt Nam vào năm

820 (TL) sống tại chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Phái thiền này mang tư tưởng đốn ngộ, Phật tại tâm, truyền thừa được 15 đời và có ảnh hưởng rất lớn trong vai trò phát huy Phật giáo thiền tại Việt Nam. Vô Ngôn Thông tiếp nối tư tưởng Bách Trương: "Tức Tâm, Tức Phật." Khi nghe một thiền tăng hỏi Bách Trương: "Pháp môn đại thừa nào có thể giúp ta đạt được giác ngộ tức khắc". Bách Trương trả lời: Tâm địa như nước thông, huệ nhật tự chiếu [9] (nếu tâm địa được thông thì mặt trời huệ tự nhiên chiếu sáng); nhân đó mà ông lĩnh hội đạo thiền.

Thứ ba là phái Thảo Đường: Thiền sư Thảo Đường là đệ tử của thiền sư Tuyết Đậu, phái này còn gọi là Tuyết Đậu Minh Giác Phái. Ông được vua Lý Thánh Tông (1054-1072) trọng dụng và tôn làm quốc sư. Trong *Thiền Uyển Tập Anh* quyển hạ, Lê Mạnh Thát chú thích như sau: "Thảo Đường theo Sư phụ đến sống khách ở Chiêm thành. Xưa Lý Thánh Vương đi đánh Chiêm thành, bắt được, đem cho vị Tăng Lục làm đũa ở. Vị Tăng Lục viết Ngữ Lục, để trên bàn mà đi, Sư lén sửa lại. Vị Tăng Lục lấy làm lạ về đũa ở, đem tâu vua. Vua bèn phong làm Quốc sư".[10] Phái này truyền thừa được mười bảy thế hệ.[11] Trong đó có ba vị hoàng đế Việt Nam là thiền sư thuộc phái này, như: Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông và Lý Cao Tông. Phái thiền này chú trọng phổ biến về kệ thiền. Thơ kệ được xem như là giáo lý thiền để làm phương châm tu học. Thứ tư là Thiền phái Trúc Lâm: Phái này do vua Trần Nhân Tông thành lập. Có ba vị thiền sư lớn là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang, còn gọi là Trúc Lâm Tam Tổ.

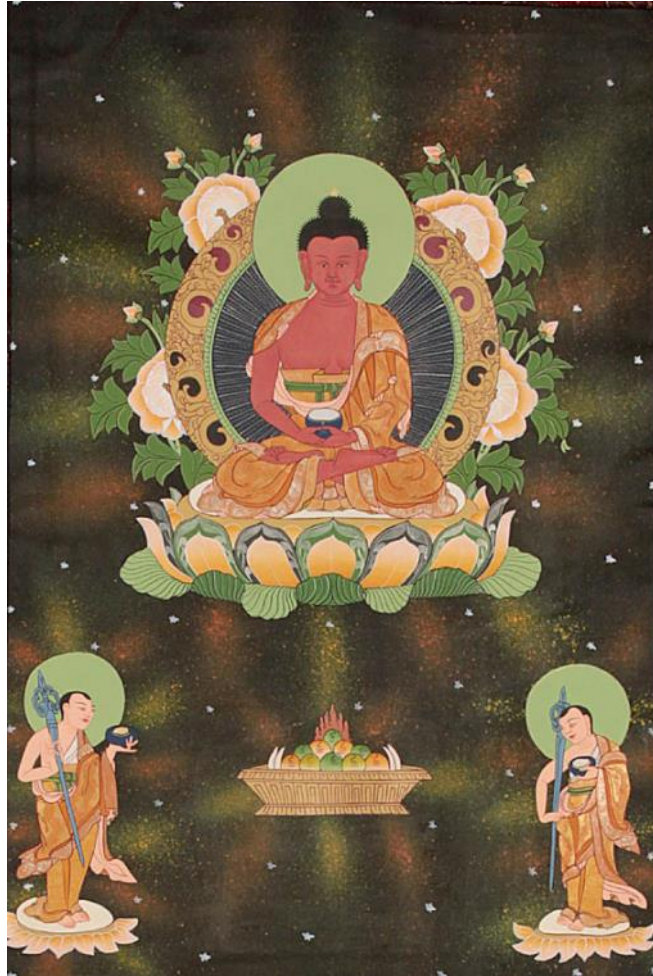
Từ Phái Thảo Đường trở về sau mang tinh thần nhập thế và xem trọng phổ biến thơ kệ. Đến cuối thế kỷ 17 thì có xuất hiện thêm dòng thiền Nguyên Thiệu. Thiền sư Nguyên Thiệu (1648-1728) là một cao tăng đến từ Trung Hoa, thuộc đời thứ 33, tông Lâm Tế. Phái thiền này cũng rất hài hòa, dễ dàng hòa nhập trong văn hóa Việt Nam với chủ trương thiền giáo hợp nhất. Tiếp theo là phái thiền Liễu Quán (1667-1742), ông là một cao tăng Việt Nam, đời thứ 35 tông Lâm Tế. Tư tưởng thiền mang đậm bản sắc Phật Giáo Việt Nam, đó là thiền giáo hợp nhất. Thiền vốn bản chất phóng khoáng, cao siêu, giải thoát đi vào đời sống dân tộc ta với bao thăng trầm của vận nước, nổ như viên ngọc long lanh tuyệt đẹp giữa đời. Các bậc xuất gia và các hàng cư sĩ là những vị thiền sư lỗi lạc. Những vị vua anh minh là những thiền sư yêu nước, quan gia và dân hiền đều yêu chuộng đạo lý. Thiền sư thời ấy, lấy quốc sự mà làm Phật sự, vun đắp non sông xã tắc ngày một tươi đẹp. Khi vua Lê Đại Hành đến hỏi vận nước với thiền sư Đỗ Thuận (925-990), ông trả lời như sau: "Vận nước như mây quẩn, trời Nam mở thái bình. Vô vi trên điện các, xứ xứ hết đao binh" [12] (*Quốc tộ như đằng lạc, Nam thiên lý thái bình. Vô vi cư điện*

các, Xứ xứ tức đao binh). Đây là hình ảnh Phật giáo Việt Nam luôn gắn bó với dân tộc. Điều quan trọng, thiền tông đúng nghĩa, dù hoạt dụng của thiền sư trong mọi hoàn cảnh văn hóa, xã hội có thay đổi, nhưng chứng ngộ tông yếu của Phật tử chỉ là một. Thời hiện đại, Việt Nam có hai thiền sư lỗi lạc truyền bá thiền tông có ảnh hưởng sâu rộng quần chúng đó là Thiền sư Thích Thanh Từ và Thiền Sư Duy Lực (gốc Trung Hoa, đã viên tịch). Đây là pháp môn siêu việt, đòi hỏi người học đạo có bản lãnh vững vàng, chánh kiến về pháp môn tu thì đạt thành quả giác ngộ mau chóng.

3) Thiền Nguyên Thủy

Thiền Nguyên Thủy là pháp môn tu căn bản của Phật Giáo, do Phật truyền bá tại thế gian hơn 25 thế kỷ qua. Một pháp môn chính thống không mang màu sắc tông phái, có kinh luận ghi nhận rõ ràng. Nội dung thiền Nguyên Thủy là thực hành Thiền Tứ Niệm Xứ. Đức Phật dạy: "Này các Tỳ kheo, có con đường khiến các loài hữu tình được thanh tịnh, chế ngự sầu bi, tiêu trừ khổ ưu, thông ngộ chân lý, chứng đạt Niết bàn. Ấy là Bốn niệm xứ (Satipatthana). [13] Nội dung kinh này Đức Phật dạy về bốn lĩnh vực quán niệm: 1) Quán niệm về thân thể, 2) Quán niệm về cảm thọ, 3) Quán niệm về tâm ý. 4) Quán niệm về các pháp. Nhấn mạnh tầm quan trọng pháp môn này, Đức Phật dạy: "Này các Tỳ Kheo, vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn. Này các Tỳ Kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này, như vậy trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn. Này các Tỳ Kheo, không cần gì đến một năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này trong bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn. Này các Tỳ Kheo, không cần gì đến một tháng, một vị nào tu tập Bốn Niệm Xứ này trong bảy ngày, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn... Này các Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ." [14]

Vào thế kỷ thứ III TL, Kinh An Ban Thủ Ý do Khương Tăng Hội dịch và truyền bá ở Việt Nam, tư tưởng kinh này rất gần gũi với Kinh Tứ Niệm Xứ, nếu thực hành trọn vẹn cũng trải qua lộ trình quán sát theo kinh đó và đạt tuệ giải thoát. Nhưng phương thức Kinh An Ban Thủ Ý diễn đạt pháp quán niệm hơi thở mang tính



điển dịch. "An Ban tức là Anapana (An Na Ba Na), nghĩa là hơi thở, Thủ Ý là sự nhiếp tâm, định tâm. An Ban Thủ Ý tức là dùng phương pháp điều khiển hơi thở để điều phục tâm ý. Có sáu pháp gọi là lục điều môn: 1) Sổ Tức Môn: điều phục thân thể, đếm hơi thở từ một đến mười, tập trung tâm tư vào sự đếm để trừ diệt loạn tâm, đi vào định. 2) Tùy Môn: theo dõi hơi thở, ý thức được trong từng giây sự ra vào của hơi thở. Bỏ con số mà theo hẳn hơi thở. 3) Chỉ môn: bỏ sự theo dõi hơi thở để thực hiện sự ngưng lặng (chỉ). 4) Quán Môn: tuy là ở trong định nhưng tuệ giác chưa phát hiện. Phải quán về tâm, về ngũ ấm và những điểm sai lạc như ngã, ngã sở... để khơi mở tuệ giác. 5) Hoàn Môn: Xoay về quán sát tự tâm để phá trừ quan điểm nhị nguyên về chủ thể, quán sát đối tượng, phá trừ ngã chấp. 6) Tịnh Môn: Trạng thái vô phân biệt chủ thể và đối tượng kia vẫn chưa phải là chứng ngộ, hành giả không nên vướng mắc vào đó. Phải vượt thoát trạng thái này để trí tuệ chân minh hoàn toàn hiển lộ." [15]

Liên quan đến Thiền Nguyên thủy, HT. Thích Minh Châu, một bậc thầy gương mẫu, một cuộc đời cho sự nghiệp giáo dục và nghiên cứu Phật học đã có lời dạy như sau: "Chúng ta hãy cố gắng làm sống dậy ý nghĩa lành mạnh của hành Thiền nguyên thủy, áp dụng pháp môn niệm hơi thở vô hơi thở ra trong đời sống hằng ngày của chúng ta và như vậy chúng ta vừa báo đáp ân đức thuyết pháp độ sanh của

đức Phật và tự mình được san sẻ những kinh nghiệm về Thiền của đức Phật. Có vậy chúng ta mới đánh giá đúng đắn phương pháp hành Thiền của đức Phật và được hưởng thọ những ảnh hưởng tốt đẹp của Pháp môn hành Thiền.”[16] Thực tế lịch sử, sự kiện xuất hiện của thiền Tông Trung Hoa do Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ mang vào, phát triển mạnh mẽ tại chốn thiền môn Trung Hoa, Việt Nam, có uy thế nhiều thời đại. Chính vì lẽ đó, thiền Nguyên Thủy chưa có điều kiện để đi sâu vào quần chúng ở các nước Phật Giáo Nam Tông, như Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan. Người Việt xem pháp tu Thiền tông, Tịnh và Mật là gần gũi, họ còn cảm thấy mới lạ với giáo lý thiền Nguyên thủy. Đạo Phật là con đường giáo dục thông qua sự tu tập và chuyển hóa khổ đau, an trú trong hiện tại bằng sự tỉnh giác, chánh niệm, liả bỏ mọi chấp trước tham ái để có an lạc. Nó không huyền bí, không mang yếu tố tông phái. Nhưng Thiền Nguyên Thủy có thể thay thế trọn vẹn pháp tu truyền thống Đại thừa của người Việt gần hai mươi thế kỷ hay không? Và sự tồn tại song song các hệ phái và có cơ chế bổ sung, phát triển để thích ứng cho số đông có phải là giải pháp hữu hiệu hay không? Đó là hai vấn đề chúng ta cần tư duy sâu sắc về vai trò thích ứng các pháp môn tu đối với con người và văn hóa xã hội.

Phương pháp thiền Nguyên Thủy được xem là giáo lý thiền truyền thống, nội dung tu tập mang tính sư phạm, phương pháp quán niệm cụ thể. Đó là lý do, thiền Nguyên Thủy hiện tại chiếm ưu thế ở các nước Phật Giáo Nam tông, và người Phương Tây yêu chuộng. Sở dĩ chưa phát triển sâu rộng tại Việt Nam từ xưa và nay là do xuất hiện sau Thiền tông và các pháp môn tu khác. Nhưng với sự phát triển của Phật giáo hiện tại, giáo lý Nguyên Thủy được phổ biến trong học đường và xuất hiện nhiều Thiền Tăng hành trì và hướng dẫn, dần dần pháp thiền này sẽ gần bó rộng rãi với quần chúng Phật tử Việt Nam. Để kiện toàn tri thức tu tập một cách phong phú, cần bổ sung giáo lý



ấy vào thời khóa tụng niệm và tu tập là điều quan trọng. Nếu chúng ta chỉ sử dụng nghi thức trong thiền môn nhật tụng (bản cũ) thì sẽ hạn chế cho việc tu học và truyền bá chánh pháp Phật dạy. Chúng ta có thể thêm vào đó những bài kinh với giáo lý căn bản của Phật giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa. Nếu biết vận dụng hai hệ thống giáo lý ấy thì tri thức Phật Pháp phong phú, sự tu tập có kết quả lớn lao. Trong đó có bài kinh quán niệm chuyển hóa tâm thức, thiết lập giá trị hạnh phúc, gia đình, xã hội. Nó hoàn toàn phù hợp với nhu cầu số đông Phật tử, phù hợp với xu hướng phát triển Phật giáo hiện đại trong toàn cầu.

(còn tiếp một kỳ)

Thích Đức Trí

Chú thích:

- 1) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* tập 1, Nxb Văn Hóa Hà Nội 1979, chương 3
- 2) Kim Sơn-Thiền phái Trúc Lâm, *Thiền Uyển Tập Anh*, Lê Mạnh Thát dịch, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.54
- 3) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* tập 1, Nxb Văn Hóa Hà Nội 1979, chương 3.
- 4) Dịch từ: *Hưng Thiền Hộ Quốc Luận*, q Trung (bản Hán)
- 5) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* tập 1, Nxb Văn Hóa Hà Nội 1979, chương 3
- 6) Lê Mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển hạ, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.95
- 7) *Kinh Tượng Đầu Tinh xá*, Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Tì-ni-đa-lưu-chi người nước Thiên Trúc. Việt dịch: Thích Nữ Huệ Thành.
- 8) Lê Mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển hạ, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.12
- 9) Thích Thiện Hoa, *Phật Học Phổ Thông*, Chương IV Đại thừa thiền.
- 10) Lê Mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển hạ, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.153
- 11) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* tập 1, Nxb Văn Hóa Hà Nội 1979, chương 6.
- 12) Lê Mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển hạ, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.106
- 13) "Bốn Niệm Xứ" này rút ra từ *Tương Ứng Bộ* (Samyuttanikaya), tập V, trang 141. HT. Thích Thiện Châu dịch, Tu thư Phật học Vạn Hạnh, năm 1982
- 14) *Kinh Trung Bộ I*, Kinh Tứ Niệm Xứ, HT. Thích Minh Châu dịch
- 15) Nguyễn Lang- *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Chương III, phần: Tư tưởng thiền Khương Tăng Hội.
- 16) Thích Minh Châu - *Hành Thiền*, bài giới thiệu tại Tỉnh Hội Thừa Thiên Huế, 1993.



Hãy yêu như chưa yêu lần nào

TOẠI KHANH

Nói thiệt, tôi chẳng biết ông Lê Hựu Hà nghĩ gì khi viết bảy chữ này. Nhưng tôi đã xem đó như một đề nghị rất Phật giáo. Tôi chưa hề là một thiền sinh nghiêm túc, nói gì là thiền sư. Tôi chỉ là kẻ lãnh du trong cõi Phật pháp và thỉnh thoảng ghé chơi dăm khu vườn văn nghệ như một cách nghỉ chân. Và chính bảy chữ đó của người nhạc sĩ họ Lê từ lâu đã là một khẩu quyết cho tôi những khi nghe, đọc, ngắm nhìn cái gì đó tình cờ bắt gặp.

Chẳng hạn tôi đã yêu ca dao Việt Nam từ những lời rất lạ. Tôi đã tự ru tuổi thơ của mình bằng những lời quê hiểu sao cũng xong. *Tường giếng sâu anh nổi sợi dây dài, ai ngờ giếng cạn anh tiếc hoài sợi dây.* Thân người khó được, chọn sai lý tưởng thì mất toi một đời. Tôi thích hiểu câu ca dao kia bằng cách nghĩ như vậy. Tôi muốn mình suốt đời là một thằng bé chần chừ trên cánh đồng văn nghệ để giữ lại cái quyền mộng mị theo cách riêng. Cái quyền cảm nhận cuộc đời mà không bị ám ảnh bởi những nguyên tắc, công thức. Nhiều người đã bán mạng vượt biển cũng chỉ để giữ lại cái quyền đó.

Tôi vẫn hiểu có những trường hợp dù muốn hay không, người ta phải chấp nhận một sự thật duy nhất, không thể suy diễn tùy thích. Như trong lĩnh vực khoa học, mọi người phải hiểu trái bom là trái bom. Hiểu khác đi, sẽ không còn dịp hiểu. Hay trên đường đạo, người ta không thể hiểu phá chấp, giải thoát là muốn làm gì cũng được. Bởi khi cho rằng mình tự do vì không bị ai ràng buộc, thì rất có thể người ta đang bị ràng buộc bởi phiền não của chính mình. Tôi phải lạc đề mấy hàng để yên tâm không bị sự phụ mang cho là đùa hăm chơi quen tu. Rào đón xong rồi thì xin trở lại sân chơi.

Hơn hai mươi năm trước, tôi từng học qua bài kinh Chuyển Pháp Luân để tụng ở chùa. Ngày đó cứ thấy lạ với câu xác quyết của đức Phật rằng đây là nhận thức về bốn Thánh Đế mà Ngài chưa từng nghe (ananussuta) nay khởi lên nơi Ngài với một sự quán triệt toàn diện, sâu sắc nhất. Sao lại thế được? Thuở còn là Bồ-tát ngài đã chẳng từng ngồi dưới chân bao vị Phật quá khứ để học thuộc như cháo những giáo lý Thánh Đế, Duyên Khởi,... đó sao? Sao lại bảo là chưa từng nghe? Hơn hai mươi năm sau, lang thang qua những nẻo đường trần, tôi chợt mơ hồ nhận ra một chuyện. Những gì Bồ-tát học thuộc lòng kiếp xưa chỉ là những tấm ảnh không hồn do người khác chụp xong đem trao cho ngài làm kỷ niệm. Những gì Bồ-tát Tất-đạt chứng nghiệm dưới gốc Bồ-đề sau này mới đúng là của riêng ngài. Như sau này Ngài cũng từng xác định với tôn giả Kaccāna: *Thánh trí ở đây không phải vay mượn từ người khác!*

Bỗng nhiên tôi muốn chạy ngay về Bình Ý để đến ngồi bên mộ ông Lê Hựu Hà và nói một lời cảm ơn, cùng một câu hỏi ngu ngơ ngơ nhất: *Ông đã học A-tỳ-đàm bao giờ để có đề nghị đó. Hãy yêu như chưa yêu lần nào.* Và chưa hết, tôi từng hết hồn khi tình cờ nghe một ca từ của Trịnh Công Sơn. *Tìm em, tôi tìm... tìm đêm chưa từng, tìm ngày tinh khôi.* Vạn hữu là một dòng chảy bất tuyệt của vô số sát-na sinh diệt. Cái sau thừa tiếp cái trước bằng một lực đẩy có tên gọi chuyên môn là Thường Cận Y Duyên. B không phải là A, nó hoàn toàn tinh khôi và chưa từng xuất hiện, nhưng nó không thể có mặt mà không có A.

Tôi biết có hơn một nửa trong số những người đọc bài viết này đang trách tôi sao làm chuyện tu sĩ ca ngợi nhạc sĩ. Xin thưa, hơn cả Lê Hựu Hà, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ



Việt Nam có nhiều nhất những nhạc khúc mà dù nghe bằng tai hay đọc bằng mắt đều được cả. Vì không muốn các vị buồn lòng rằng tôi đã phá giới khi nghe nhạc Trịnh, tôi đành nói dối rằng tôi đã đọc bằng mắt những ca khúc của Trịnh Công Sơn in kèm trong một số cuốn sách viết về ông sau ngày ông mất, của khoảng hai mươi tác giả trong và ngoài nước (như Bùi Vĩnh Phúc, Bửu Ý, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Thanh Ty, Nguyễn Đắc Xuân,...).

Không riêng với trường hợp hai nhạc sĩ trên, mà với nhiều nhà khác cũng vậy, tôi yêu tác phẩm của họ theo cách hiểu của riêng tôi. Như đã thưa ở trên, trừ ra vài chuyện sinh tử cấm kỵ, tôi vẫn thích phiêu bồng bằng đôi chân của mình và chẳng vui vẻ gì khi ngắm nhìn thế giới bằng nhãn quan của người khác. Chán chết. Và chẳng, tôi là đứa dốt, rất e ngại những gì mang tính kinh viện bác học. Đó cũng là lý do khiến đến tận tuổi này tôi vẫn cứ là cái thẳng người có một nhân thân như các vị có thể đã biết.

Viết dở lại viết dài đúng là chẳng nên, nhưng buộc tôi phải dừng lại ở đây thì dang dở quá. Chẳng lẽ đến tuổi này gì cũng dở dang sao chứ? Tôi đang muốn nhắc lại tâm tình của tôi đối với vài nhân vật khác ngoài hai nhạc sĩ vừa nhắc. Thôi thì ngắn gọn vậy. Xem như từ chỗ này về sau là tôi viết cho tôi, không viết ra mai một lại quên mất. Già rồi.

Thầy Tuệ Sỹ có rất nhiều thơ hay, nhưng tôi nhớ dở, chỉ nhớ lổm đổm, quên mất xuất xứ, và hôm mai vẫn thỉnh thoảng đọc thăm một mình như thẳng khùng đọc thần chú. Đọc với tất cả cảm xúc nồng nàn mà không hiểu thầy muốn nói gì. Thôi thì, ta về ta tắm ao ta – dù trong dù đục cũng là cái ao:

*"Phút vội vã, bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya, ngồi kể chuyện trăng tàn"*

Nghe ra chút gì đó hiu quạnh nhưng rất đời Nhà Thiền. Thầy tu cần chừng đó thôi cũng đủ. Một chút nao nao, ngậm ngùi, nhưng không hề tục lụy. Có đọc mấy câu thơ kiểu đó thì mới chịu nổi kiếp đời chẳng giống ai của một thầy

tu. Có yêu được xương rồng và cồn cát thì mới mong về chơi sa mạc. Không yêu được cũng nên rán tìm cách để yêu. Vì thế giới này rộng hay hẹp là nằm ở khả năng thích nghi của mỗi người. Và chỉ có yêu thì mới dễ dàng thích nghi. Tôi còn nhớ thêm hai câu khác của thầy (tạm không dùng chữ Thượng Tọa nghe chẳng thơ tí nào):

*"Đôi mắt biếc mang nỗi hờn thiên cổ
Vấn chân tình như mưa lũ biên cương"*

Ý nghĩa đích thực của hai câu này, tôi chịu. Nhưng tôi yêu chúng theo cách của tôi. Tôi hiểu mắt biếc ở đây là một tấm lòng không hề lụy nhân gian. Không hề lụy nhưng không phải vô trách nhiệm. Anh không cần đến những thứ đó, nhưng thiên hạ có người cần đến. Hãy thương lấy người ta. Bỏ-tát đứng trên cuộc đời nhưng mắt không rời cuộc đời. Thương người sinh tử, xót kẻ lầm than. Với riêng mình sao cũng được, nhưng thấy thiên hạ đổ lệ thì chẳng đành lòng. Nỗi đau sinh tử, lầm than của nhân sinh đúng là mối hờn thiên cổ. Mắt còn thấy thì lòng còn xót. Có điều xót thì xót, nhưng trước sau lòng tu vẫn phải hồn nhiên đến đại khờ để làm ngơ được trước những trò đời nhắm vào mình, để tiếp tục yêu thương chân tình, không toan tính mặc cả. Biên cương là mán mọi, khổ khạo. Mưa lũ thì vô tâm vô tri, cứ chỗ thấp thì tìm về. Vô thủy về trước và vô chung về sau, mưa lũ luôn thế. Mạnh liệt, hết mình và thơ ngây, mông muội. Chỉ nhắm đến những khía cạnh tích cực của mưa lũ thì người ta có thể ôm nó vào lòng như một đứa bé hư. Mấy phải có chút hư đốn mới là con của mẹ. Hoàn thiện, ngoan ngoãn quá, có thể mầy làm mẹ thấy xa cách vì không có dịp mắng yêu mầy, hiểu chưa thẳng nhóc?

Tôi hiểu hai câu thơ đó của thầy Tuệ Sỹ theo cách nghĩ của tôi và hình như nhờ vậy tôi đã yêu chúng không chán. Ai đó bắt tôi hiểu chúng theo cách khác, kể cả cách của thầy, có thể tôi sẽ tìm cách quên chúng đi. Vì chúng không còn như tôi nghĩ nữa. Yêu lẫn hai thì làm sao có thể yêu chúng như chưa yêu lẫn nào.

Rồi thì ông Phạm Công Thiện. Ông uyên bác từ lúc nhỏ tuổi, nhưng có lẽ vì thế mà xa cách dân gian. Bởi giống hệt thiên hạ thì có gì để nói. Một cách gián tiếp, tôi mang ơn ông nhiều chuyện. Chỉ bực mình một chuyện nhỏ là ông ấy có vẻ chẳng mặn mà với Nam Tông. Thế thôi. Nhưng được cái ông chẳng cực đoan. Bởi giới đến mấy mà cực đoan thì cũng sâu như cái giếng dầu thôi. Mà thế giới này đâu phải chỉ có một chiều không gian. Tôi có tất cả sách của ông Phạm Công Thiện. Để đọc và giàu tính trách nhiệm nhất trong số đó có lẽ là cuốn *Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học*, nghe đâu ông viết năm 25 tuổi. Với mấy cuốn còn lại, tôi phải thề độc rằng hiểu nổi thì chết liền. Kể cả cuốn thơ *Ngày Sinh Của Rắn*, nói là thơ mà hầu hết vẫn cao xa trừu tượng quá chừng.



PHẠM CÔNG THIÊN
(1941—2011)

Tôi nói là hầu hết vì trong tập thơ đó có vài chỗ theo tôi là đủ để làm nên tên tuổi một nhà thơ, với điều kiện nhà thơ đó đừng có chỉ những bài thơ khác chẳng ngang tầm với chúng. Làm Thôi Hiệu của Việt Nam là OK rồi. Đó là những đoạn thơ đã được nhà văn Vĩnh Hào và ông Nguyễn Hưng Quốc trích dẫn, nhắc nhở.

Ở đây dĩ nhiên không thể trích dẫn ra hết những chỗ tuyệt vời đó. Tôi chỉ còn đủ thời gian để nhắc lại hai câu của tập thơ trên, như nhiều người vẫn yêu thương chúng:

*"Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn
Cây khế đời cao trở hết bông"*

Tôi cứ trộm nghĩ, người Việt Nam muốn làm thơ, viết văn và yêu nước thương quê chỉ cần để ý cái hồn của hai câu thơ đó. Giản dị, thiết tha và gợi cảm quá chừng. Người học Phật nếu chịu để ý sẽ thấy các luận thư đời sau dù có bắt đầu bằng mấy chữ Như Thị Ngã Văn cũng không sao có được cái hồn hậu, giản phác, thâm thúy theo cách CĂN và ĐU mà ta luôn bắt gặp trong kinh điển Pāli và các tập A-hàm. Yêu tha thiết chân thành cái gì đó, người ta có thể chỉ nói rất ít nhưng chan chứa khôn cùng. Đó cũng là trường hợp của ca dao:

*"Với tay mà ngắt ngọn ngô
Thương em đứt ruột giả đồ ngó lơ"
"Ngó lên Sở Thương thêm buồn
Muốn chăm cội rễ, ngại đường xa xôi"
"Đường dài ngựa chạy biệt tăm
Người thương có nghĩa, trăm năm cũng về"*

Nhắc tới một người lại nhớ về bao người khác. Tôi lại muốn nhắc chơi những câu thơ của ông Bùi Giáng, thầy Lê Mạnh Thát, ông Quách Tấn, TT. Viên Minh, TT. Triều Tâm Ảnh, ... Nhưng ở trên đã trót nói rồi, yêu thì nói ít cũng xong. Yêu thì để trong lòng mà nhớ. Chỉ mong mai này có kẻ tri âm kéo áo bảo viết thêm bài nữa thì có thể xem đó như một nhân duyên mới. Đường dài ngựa chạy biệt tăm ...

TOẠI KHANH

THEO ÁNG MÂY BAY

*Tháng năm dòng nước trôi xa
Người qua, người sẽ đi qua những người
Tôi qua... không một hẹn hò
Hẹn hò chi bấy, bước đời về đâu ?*

*Tặng đời đóa đóa hoa sầu
Nhớ nhau từ đóa mộng đâu rã đôi
Giọt nước như giọt mưa rơi
Mỗi mùa mưa đến tôi ngời chấp tay*

*Mưa về đọng ở hàng mi
Mắt tôi hồng lệ dựng xây hồng vàng
Đèo bông đeo đuôi đa mang
Đầy xưa u oán, đá vàng hiêu cho*

*Đi đi lỡ bước sang đò
Cuồng cạ túy vũ không dò lênh đênh
Đi đi suốt kiếp mỗi mê
Nhọc nhàn đã lắm còn lênh đênh hoài*

*Giọt mưa gõ nhịp dẻo dai
Hoàng hôn gõ nhánh cửa cài kín bùng
Đi đi tình mộng vô chừng
Đăm chiêu vô tận ngại ngừng vỡ toang*

*Như tia nắng biếc chiều tàn
Lửa đời thoi thóp khôn hàn trái tim
Niềm vui níu nhánh mộng chìm
Tâm hồn cô độc tâm tình tìm nhau*

*Gom từng cơn nắng nhỏ chơi
Nụ cười hiu hắt phan phơi nổi đời
Nhánh đời gió lộng trùng khơi
Nhặt lên thả xuống chiều vơi vơi bay.*

thơ **BÙI GIÁNG**





IM LẶNG HÙNG TRÁNG

Huệ Trân

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Một lần, tại ngoại ô thành Tỳ-Xa-Ly, nơi có một vườn xoài rộng lớn mà kỹ-nữ Ambapali đã cúng dường để tăng-đoàn của Đức Thế Tôn làm chỗ an cư tu học, y-sỹ Kỳ-Bà, con trai của bà và vua Tần-Bà-Xa-La đã hướng dẫn vua A-Xà-Thế đến gặp Đức Thế Tôn.

A-Xà-Thế từng là vị vua tàn bạo, vô luân, đã giết phụ hoàng để soán ngôi vua. Nhưng làm vua không bao lâu thì sự ăn năn, hối hận về những hành vi bất hiếu, ác độc của mình đã dẫn dắt nhà vua tới mức rối loạn tinh thần trong những cơn bệnh tâm thần trầm trọng mà những y-sỹ tài danh khắp nước đều bó tay. Cuối cùng, nhà vua nghe đến danh tiếng vị y-sỹ trẻ Kỳ-Bà. Khi diện kiến nhà vua và nghe vua kể về bệnh trạng, y-sỹ Kỳ-Bà đã nói ngay:

- Chỉ có một người duy nhất có thể chữa lành bệnh cho bệ hạ chứ không một thầy thuốc nào trên thế gian làm được. Người đó là sa-môn Gotama, bậc giác ngộ toàn bích. Ngài đang cùng tăng đoàn an cư tại vườn xoài, cách đây không xa.

Nghe vậy, vua A-Xà-Thế nghẹn ngào:

- Sa-môn Gotama ư? Làm sao trẫm dám đến gặp sa-môn khi bao tội lỗi của trẫm, sa-môn đều biết rõ!

Y-sỹ Kỳ-Bà trấn an:

- Đức Thế Tôn từng dạy rằng, trên đời có

hai hạng người đáng quý: thứ nhất, là những người chưa từng phạm tội và thứ hai là những người đã phạm tội mà biết ăn năn hối cải. Bệ hạ đã thực tâm sám hối chưa?

Trên đường tới vườn xoài, vua A-Xà-Thế vững tin nơi Chánh-pháp, dù chưa từng được trực tiếp nghe; nhưng càng đến gần địa điểm, nhà vua càng hồi hộp, và khi vượt qua cổng vườn xoài, nhìn thấy dưới khắp các gốc cây, các bụi trúc, bên các giòng suối, các bờ cỏ lau... đâu cũng có bóng dáng các vị khất-sỹ im lặng tọa thiền. Trên một ngàn người mà không một tiếng động!

Râu tóc nhà vua chợt dựng đứng lên vì sợ hãi!

Bao sức mạnh của quyền uy đều sụp đổ trước sức mạnh của sự Im-Lặng-Hùng-Tráng.

Đây là sự Im-Lặng-Hùng-Tráng của Thiên-Định

Lại một lần, trên đường trở về tu viện Trúc Lâm, Đức Thế Tôn đi qua một thành phố mà các cửa nhà đều đóng kín. Hỏi thăm thì biết là tên sát nhân nổi tiếng Angulima đang có mặt nơi thành phố này. Theo tin đồn thì hẳn ta có lời nguyện là sẽ hoàn thành một xâu chuỗi đủ 100 vành tai người, nên gặp ai là hấn xẻo tai nạn nhân ngay!

Đức Thế Tôn điềm nhiên đi vào thành trước lời can gián của dân chúng.

Quả nhiên, đi một đôi thì nghe tiếng chân chạy rầm rập và tiếng quát hung dữ:

- Đứng lại!

Như không nghe thấy, Đức Thế Tôn vẫn điềm nhiên chậm bước.

Tiếng bước chân đuổi theo dồn dập hơn. Và tiếng quát hung bạo hơn:

- Người kia! Ta bảo người đứng lại!

Đức Thế Tôn vẫn thong thả như đi thiên hành ở nơi bình an vô sự. Bấy giờ, tên sát nhân có lẽ không còn kiên nhẫn nổi, chạy ào qua Đức Thế Tôn rồi vung dao, chống nạnh chặn ngang mặt. Hẳn hét lên:

- Người có điếc không? Ta bảo người đứng lại mà sao người vẫn đi?

Lúc đó Đức Thế Tôn mới mỉm cười, nhìn thẳng vào đôi mắt tóe lửa của Angulina mà dịu dàng nói rằng:

- Này Angulina, ta dừng lại rồi đó chứ. Từ lâu lắm, ta đã dừng tâm sân hận, chuyển hóa tham sân si thành Từ Bi Hỷ Xả. Ta đã dừng rồi, chỉ có anh là còn đang bước mà thôi.

Angulina há hốc miệng nhìn vị sa-môn nhu hòa trước mặt. Vị này vừa gọi đúng tên hẳn, có nghĩa là đã biết rõ hẳn là tên sát nhân đang làm cả thành phố run sợ. Vậy mà sao vị này không sợ? Không những thế, vị này đang nhìn hẳn bằng cái nhìn yêu thương, tha thứ, cái nhìn hẳn chưa từng thấy trong đời, cái nhìn chan chứa vị tha như tia nắng ấm mặt trời đang làm trái tim lạnh ngắt giá băng của hẳn từ từ tan chảy!

Người này là ai mà tỏa sáng sức mạnh kỳ diệu khiến bàn tay cầm dao run rẩy? Thôi rồi, chắc đây là sa-môn Gotama, vị đạo sỹ hẳn từng nghe danh tiếng nhưng lòng vẫn thẳm khinh nhờn!

Con dao nơi tay rơi xuống mặt đường, vang lên một âm thanh khô lạnh. Tên sát nhân hung bạo đã quỳ sụp trước vị sa-môn khắc khổ lúc nào không hay. Và, vẫn là sự im lặng nhiệm mầu, vị sa-môn đưa tay đỡ tên sát nhân đứng dậy.



Úy **Đây là sự Im-Lặng-Hùng-Tráng của Vô**

Tại Kỳ-viên-thọ, trong một buổi pháp thoại dành cho cả hai giới xuất gia và tại gia nên thỉnh chúng thạm dự rất đông. Giữa buổi pháp, Đức Thế Tôn bỗng im lặng, rồi nhẹ nhàng đưa một bông sen lên. Đại chúng xôn xao không hiểu ý Đức Thế Tôn muốn dạy gì! Duy chỉ có một người, nhìn bông sen và mỉm cười an lạc. Người đó là một trong mười Đại-đệ-tử của Đức Thế Tôn. Người đó là Đại-đức Ma Ha Ca Diếp, đã chứng nghiệm được bài pháp vô ngôn về sự tiếp xúc với hiện tại nhiệm mầu.

Đây là sự Im-Lặng-Hùng-Tráng của Chánh-pháp-nhãn-tạng

Gần 2600 năm trước, Đức Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện đàn sanh, đã tận dụng thời gian hiện hữu nơi cõi ta-bà để thuyết giảng Đạo Giác-Ngộ, giúp chúng sanh phá vỡ màn vô minh che phủ mà nhìn ra Bản Lai đích thực của mình. Chỉ khi thấy được Phật-tánh nơi mình mới thoát khỏi sinh tử luân hồi vì Phật-tánh đó vốn hằng hữu, vô sinh bất diệt.

Tùy căn cơ chúng sanh, Đức Phật đã bằng muôn vàn phương tiện mà thuyết giảng, nhưng những bài giảng vô ngôn mang sức mạnh bất khả tư nghị, khi thấm sâu vào lòng người, mới mang đến những lợi ích to lớn. Nhất là những người nắm vận mệnh muôn dân, biết áp dụng, sẽ đem lại sự thanh bình thịnh trị trên mặt đất hỗn tạp đầy tai ương này.

Vị Thủ-tướng Ấn Độ Mahatha Gandhi chẳng phải tự nhiên được nhân loại tôn là Thánh, nếu ngài không thấm nhuần giáo pháp từ bi, không hiểu được sức mạnh vô song của sự Im-Lặng-Hùng-Tráng qua hành trình hoằng pháp của Đức Phật, mà hướng dẫn toàn dân trong cuộc tranh đấu bất bạo động. Giá trị của chân lý vô ngôn được thiên-sư Tăng Triệu diễn tả:

"Thánh trí vốn vô trí, mà muôn vàn phẩm loại đều được soi tỏ. Pháp thân vốn không hình tượng, nhưng lại ứng hiện theo từng hình tượng đặc thù. Văn diệu chí cao thì vẫn không lời, mà thư tịch huyền vi khắp nơi quảng bá" ()*

Khi xưa, bằng liễu ngộ sức mạnh của sự Im-Lặng-Hùng-Tráng, Mahatha Gandhi đã đưa toàn dân Ấn ra khỏi sự đọa đầy của bạo lực.

Còn ngày nay?

Để nhớ ơn Đức Phật đã vì những đau khổ của muôn loài mà thị hiện đàn sanh, có trẻ quá không, để nhân loại ngày nay áp dụng những bài pháp vô ngôn vào đời sống hiện tại mới mong chấm dứt máu xương vô tội và thăng hoa kiếp nhân sinh?

Huệ Trân

(Như-Thị-Am, một chiều cuối hạ)

(*) Huyền Thoại Duy Ma Cật - Thích Tuệ-Sỹ

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH BÍ ĐỎ CHAY

Nguyên liệu:

- 2/3 trái bí đỏ vỏ xanh (hay ít hơn thì giảm nước lại hen), để vỏ hay gọt vỏ tùy thích, cắt cục vừa ăn
- 1 vĩ 10 oz nấm trắng hay nấm gì mà mình thích
- 2 lít nước
- 1 muống canh gừng tươi cắt sợi nhuyễn
- ít ngò cắt nhỏ

Gia vị: muối, ít đường, bột nêm, tiêu

Ngoài ra có thể nấu bằng bí đỏ vàng hay butter squash đều được hết, cho thêm đậu hũ trắng non hay mềm tùy thích...

Cách làm:

Cho nước vô nồi 4 quarts (lít) nấu sôi. Khi nước sắp sôi, bắt chảo lên bếp, khử gừng cho thơm với ít dầu, đổ nấm vào xào với ít muối, khi nấm ra nước thì trút nấm vào nồi nước sôi trên (cũng có thể không xào nếu cứ dầu, cho nấm vào nồi nước sôi luôn). Xào sơ bí đỏ với ít muối rồi trút vô nồi trên, nêm nếm lại gia vị cho vừa khẩu vị mình, nấu tiếp khoảng 10 phút là bí chín, nêm chút tiêu, ngò vào rồi tắt bếp, có thể cho thêm vài giọt dầu mè vào, canh ăn rất ngon...

Lưu ý: Khi nấu không đậy nắp và nhớ vớt bỏ bọt, nước canh sẽ trong.

Bí đỏ mà không xào qua với ít muối cho vào canh ăn không ngọt, hoặc hấp chín xong rồi cắt cục vừa ăn thả vô nồi canh nếu cứ ăn dầu, cách này ăn bí cũng ngọt lắm, chỉ có thả bí còn sống mà chưa xào sơ vô canh là ăn rất ngon.

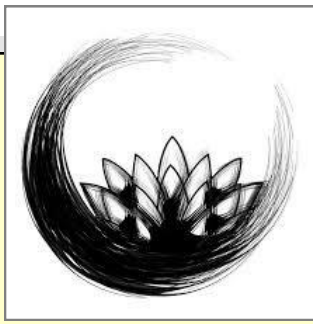
G. Phượng (Món Chay Thanh Tịnh)



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muống canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muống cà-phê), khoảng 5ml.

Chối bỏ

NGUYỄN HIỆP



Tôi không rõ lối sống làm lì có phần u uất của tôi sẽ dự báo điều gì về sau trong suy nghĩ của bà khiến bà phải quan tâm đến vậy. Bà thường gần gũi, chăm sóc và khuyên bảo tôi từng li từng tí. Phải nói rằng trong tất cả các anh em trong nhà, tôi là người được bà thương yêu hơn cả. Chắc tại do tôi con út.

Tôi có thói quen thường hay tha thân một mình dọc theo con phố nhỏ trước nhà dẫn xuống bãi sông để xem cảnh sinh hoạt của người dân ở đó khi chiều xuống. Không hiểu sao lối sinh hoạt của họ luôn khiến tôi tò mò. Ngay cái cách các anh các chị lần đầu tiên làm bố làm mẹ hôn hít lên khuôn mặt những đứa con nhỏ đầy mùi dãi cũng khiến tôi lấy làm lạ. Tôi vẫn hay thắc mắc, không biết có bao nhiêu đứa trẻ có mặt trên cõi đời này có sự dự tính trước của bố mẹ chúng. Tôi chưa hề được đọc một tài liệu điều tra nào nói về điều đó. Nhưng tôi nghĩ, dù những đứa trẻ ra đời có sự dự tính trước của bố mẹ chúng hay không thì hầu hết vẫn được bố mẹ gìn giữ thương yêu. Nhưng cũng như tất cả những vấn đề khác trên cõi đời này, điều này đôi khi cũng có sự ngoại lệ, và khi sự ngoại lệ đó rơi xuống một thân phận nào đấy thì đó là một sự bất hạnh lớn lao.

Bà thường dõi mắt theo những bước chân của tôi. Những khi thấy tôi bất ngờ tách khỏi lũ bạn rồi lang thang một mình tự dưng bà buồn hẳn đi. Bà không thích cái kiểu tôi thần thờ ngoài bãi sông, chừng mười mấy tuổi đầu mà trông già cõi như một ông cụ. Nhưng bà không bao giờ cấm đoán và cũng không hề nói gì

về điều đó. Bà sống trầm lặng nhưng thanh thản. Tôi ít khi thấy bà buồn hay trách cứ gì ai. Có lẽ lối sống của tôi là điều làm bà buồn và lo lắng hơn cả. Nhưng điều đó bà cũng không bao giờ muốn để tôi biết.

Quê bà ở tận ngoài Bắc. Bà vào trong này sống đã gần năm mươi năm và chưa một lần trở về quê cũ. Bà ít khi nói về quê quán của mình, nhất là khi có mặt bố tôi. Tôi loáng thoáng biết được rằng bà rời bỏ quê quán ra đi bởi một chuyện buồn, vì không nhận được sự cảm thông của những người xung quanh, và cũng vì không muốn bố tôi phải khổ sở bởi những lời bóng gió mỉa mai.

Bà mồ côi từ lúc nhỏ và ở với người chú của mình. Gia đình chú thím đông con và bà không nhận được nhiều tình thương. Đến tuổi đôi mươi, bà rời làng quê lên phố làm thuê cho một lò bánh mì do một người Pháp làm chủ. Ông chủ người Pháp có cảm tình với bà và bà cũng có chút tình cảm với ông ấy, và kết quả bà đã mang thai bố tôi. Nhưng khi bố tôi chưa kịp chào đời thì biến cố lịch sử xảy ra và ông chủ người Pháp phải về nước. Trước khi về ông có để lại địa chỉ và hứa sẽ quay trở lại để đưa bà sang Pháp. Đến ngày sắp sinh bố tôi, chờ đợi vẫn không thấy ông sang, bà đã về quê và khổ lụy bắt đầu trút xuống đời bà. Mấy năm sau khi sinh bố, chờ hoài vẫn không nhận được tin ông ấy, bà đã đưa bố tôi rời khỏi quê quán và bắt đầu cho một cuộc hành trình tha phương lạc xứ. Những năm tháng ấy đã cho bà cảm nhận được nỗi

cô đơn và khổ lụy của phận người, nhưng cũng đã nuôi lớn trong bà lòng vị tha và sự cảm thông với đời.

Bà không hề oán trách người đàn ông ở bên trời Tây kia, ban đầu vì bà yêu ông ấy, và sau này khi làm quen với chùa chiền, bà hiểu ra rằng mọi vấn đề đều do duyên nghiệp, và cũng hiểu rằng kết quả của vấn đề không phải chỉ một mình ông ấy gây ra. Về sau khi bố tôi trưởng thành, bà có đưa địa chỉ của ông cho bố, bảo rằng nếu muốn thì bố có thể liên lạc để tìm cha mình, nhưng bố tôi chỉ im lặng. Với bố, tình thương của bà dành cho mình quá lớn, và bố thấy không cần thiết phải đi tìm cội nguồn của mình để nhận lấy thêm một tình thương nào nữa.

Cái dòng máu nửa Tây nửa Việt đã cho bố một vẻ đẹp khác lạ. Các anh chị tôi phần nào thừa hưởng được cái dòng máu ấy nên người nào xem ra cũng khá dễ coi. Khác hẳn các anh chị trong gia đình, tôi như một sự đột biến gen (gene), đã mang lấy một thân thể gầy còm còi cọc với một nước da xám ngắt và mái tóc không chút hoe vàng mà đen cứng xoắn quăn. Tôi như cái nốt ruồi dị dạng mọc trên một khuôn mặt xinh đẹp và lạnh lặn. Những người lần đầu đến nhà tôi, họ cứ ngỡ rằng tôi là một người giúp việc đứng hơn là một cậu con trai út được gia đình thương yêu chiều chuộng. Đôi khi tôi nghĩ, chính do sự bất công của tạo hoá không cho tôi có được một hình hài như các anh chị trong nhà mà tôi được bà và bố mẹ thương yêu hơn hết.

Bố mẹ tôi có vẻ hài lòng về những đứa con của mình, và gia đình tôi trở thành niềm mơ ước của nhiều người trong khu phố. Ngồi nhà hai gác dù không lớn, có giàn hoa pháo bông rủ trước ban công đã tạo nên sự ấm cúng và sung túc. Những khi rảnh rỗi bố thường hay chăm chút mấy chậu cây kiểng và tỉ mỉ cắt tỉa những dây hoa pháo bông rủ không đúng cách. Bố là

mẫu người ít nói. Ông dành thời gian hầu hết vào công việc và chăm sóc gia đình. Người phụ nữ đối diện nhà cô lần nói với tôi, "Cô ước gia đình cô được như gia đình cháu!" Bà ấy là một người bất hạnh. Anh con trai của bà đã chết vì nghiện ngập. Cô con gái xuất khẩu lao động sang Hàn quốc rồi lấy một người chồng mắt lươn mũi tẹt gần bằng tuổi bố. Chồng bà tức giận buồn phiền đã tìm vào rượu để giải sầu và riết trở thành con sâu rượu, suốt ngày say xỉn quát tháo chửi bới vợ mình. Bà hình như không còn nơi nương tựa. Lúc anh con trai còn ở trại cai nghiện, chủ nhật nào bà cũng đi thăm, thỉnh thoảng gặp tôi bà rướm rướm nước mắt bảo, "Lỗi tại cô cháu ạ, đã không dạy con cho tốt." Tôi thấy nghẹn nghẹn và chẳng biết nói gì. Tôi thấy thương bà. Một phụ nữ hiền lành như bà vẫn không có được những đứa con tốt. Và người chồng của bà, lẽ ra trong những hoàn cảnh như vậy nên làm nơi nương tựa cho vợ, đã chối bỏ trách nhiệm tìm cách chạy trốn trong rượu chè.

Tôi không biết sự việc của gia đình bà lỗi do ai gây ra. Có lẽ mọi người đều có một phần trách nhiệm trong đó. Nhưng tôi biết bà là người chịu khổ đau lớn nhất, bởi bà là một phụ nữ và cũng là một người mẹ. Một người mẹ mất con! Đúng vậy, một người mẹ xa con đã thấy khổ hưởng gì lại mất con. Tôi nhớ hôm chị Ba tôi chuẩn bị về nhà chồng, nhìn chị ngồi dạo lại mấy bản nhạc quen thuộc mẹ tôi đã khóc. Chị Ba cũng khóc. Tôi nói, "chị Ba lấy chồng phó giám đốc, có nhà riêng hẳn hoi chứ đâu có đi làm dâu hầu hạ ai đâu mà mẹ khóc?" Mẹ tôi bảo, "biết vậy, nhưng mẹ vẫn thương." Chị Ba thì nói, "lấy chồng là cuộc đời đẹp nhất của người con gái không còn nữa em ạ." Thì ra chị Ba khóc không phải sắp xa mẹ mà vì tiếc thương cái thời con gái êm đềm và hạnh phúc của mình sẽ không còn nữa. Chị

thương tiếc quá khứ như người thiếu nữ trong câu chuyện xưa tiếc thương chiếc trâm làm bằng cỏ thi khi bị mất đi. Người ta thường hay thương tiếc một vật cũ dùng lâu ngày mà bây giờ không còn nữa. Quá khứ êm đềm khiến người ta nuôi tiếc, nhưng quá khứ dầy sóng lại gợi lên nhiều buồn đau mỗi khi người ta chưa kịp quên đi.

Được nuôi lớn trong một gia đình êm ấm và hạnh phúc như vậy nhưng tôi luôn cảm thấy có điều gì đó bất ổn. Đôi khi tôi có một chút nghi ngại về thân phận của mình, nhất là những khi tôi bắt gặp cái nhìn đầy thương cảm của bà và cả của bố mẹ dành cho tôi. Anh Tư có lần nói với tôi, "Nguyên hình như không bằng lòng với cuộc sống đang có?" Và tôi thật sự không biết phải trả lời thế nào với anh. Mà con người ta hình như ít có ai bằng lòng với những gì mình đang có. Sự thực không phải tôi không bằng lòng, nhưng không hiểu sao tôi vẫn không cảm thấy vui khi được sống trong một gia đình êm ấm như vậy. Điều đó đã tạo cho tôi có một tính khí thất thường. Chồng chị Ba lần đầu tiên đến nhà tôi, khi nghe nói tôi là con út trong gia đình trong mắt anh đã lộ vẻ ngạc nhiên. Khi thấy tôi đứng trước ban công, anh nói, "Nguyên làm con út sướng nhỉ?"

"Dạ", tôi đáp và ngẩng một chùm hoa pháo ném xuống sân. "Em thích quà gì để anh tặng nè?"

Tôi đáp không cần suy nghĩ, "Em thích chiếc phó giám đốc của anh."

Anh cười ha hả và nói, "Vậy thì học hành cho giỏi rồi anh tặng cho."

Tôi ngắt một chùm hoa khác và đáp lời một cách chậm rãi, "Đời này có thứ quà tặng nào không cần điều kiện không anh?"

Câu hỏi của tôi khiến anh không vui. Chị Ba biết tính tôi nên nháy mắt bảo anh đừng nói thêm gì nữa.

Một tối, sau ngày sinh nhật của anh Tư mười ngày,



bà bảo tôi, "Tối nay Nguyễn đừng đi đâu, ở nhà bà có việc muốn nói với cháu."

"Việc gì vậy bà? Có quan trọng không?"

"Ờ... cũng quan trọng đấy."

Nhìn vào mắt bà tôi đoán biết là bà sắp nói ra điều quan trọng thực sự. Suốt ngày hôm đó, tôi thấy bà cứ thăm thì bàn tính với bố và trông bà đảm chiêu lắm. Tôi thấy trong người bồn chồn, nôn nóng muốn biết điều bà sắp nói. Đang thần thờ suy nghĩ thì có tiếng bố gọi. Tôi đến chỗ bố thì thấy bà và mẹ cũng đã ở đó. Bố bảo tôi ngồi, giọng hơi buồn. Đợi tôi ngồi yên một lát, bà bảo, "Hôm nay bà và bố mẹ cháu có việc quan trọng muốn nói với cháu!"

"Dạ," tôi đáp.

Dừng lại một lát bà nói tiếp, "Nguyên ạ, sự thực cháu..." Bà nói đến đó thì dừng lại.

Tôi đoán được điều bà muốn nói, chợt thấy lồng ngực khó thở, giữ bình tĩnh tôi hỏi, "Sự thực cháu không phải là con ruột của bố mẹ cháu phải không?"

Một sự im lặng bao trùm lấy căn phòng, không gian đặc quánh đến ngột thở. Bà bắt đầu khóc. Rồi mẹ khóc. Bố dốt thuốc và rít từng hơi dài.

Tôi loáng choáng đứng dậy, ghì tay vào thành ghế và hỏi, "Vậy thì bố mẹ cháu là ai?"

Bà quệt nước mắt và nói, "Bà không biết."

"Sao bà không biết? Bà nói dối!"

Tôi đẩy ghế rồi bước ra khỏi phòng, và cái thói quen của một thời thơ bé đã dẫn dắt bước chân tôi đi xuống bến sông. Phía sau, tôi nghe tiếng



chân của bố mẹ và bà. Khi thấy tôi loạng choạng bước lên chiếc cầu ván bắc qua sông, bà đã vội vàng đến níu tay tôi lại, "Nguyên, khoan đã nào, cháu không nhảy sông đó chứ?"

Bà bị ám ảnh bởi cây cầu này, vì nơi đây nhiều người đã dùng làm điểm dừng kết thúc cuộc đời của họ. Người dân ở đây bảo rằng vào những đêm tối trời họ thường nghe thấy tiếng kêu gào và tiếng nước lồm bồm do những linh hồn không siêu thoát gầy ra. Thấy tôi càng ra giữa cầu thì bà càng hồi hoàng.

Bố bước nhanh đến giữ lấy tôi, "Nguyên, con không được làm vậy?"

Tôi như chợt tỉnh ra, "Con làm gì đâu mà bố hồi hoàng thế!"

"Con không định nhảy sông đó chứ?"

Tôi cúi đầu im lặng, một lúc tôi nói với bố, "Làm sao con có thể bỏ bố mẹ và bà được."

Bố ôm lấy tôi và khóc. Tôi gục đầu lên vai bố và nước mắt trào ra.

* * *

Tôi được nhìn thấy đặt trước cổng một ngôi chùa vào một sáng sớm tháng năm. Khi các sư cô phát hiện ra tôi thì tôi đã không còn khóc nữa, da thịt đã trở nên tím ngắt. Bà đã kể lại với tôi như vậy. Các sư đã ẵm tôi vào chùa và kịp thời cứu sống tôi. Mấy hôm sau bà đến chùa làm công quả, nhìn

thấy tôi thì động lòng và xin các sư cô cho đem tôi về nuôi. Ban đầu các sư từ chối, nhưng thấy bà tha thiết và biết bà là người tốt nên các sư đã đồng ý. Lúc ấy mẹ sinh anh Tư được mười ngày. Nhưng sau này khi

làm giấy khai sinh cho tôi, bố đã khai tôi sinh sau anh Tư đúng một năm, chắc muốn cho hợp lý. Lúc đem tôi về, mẹ tôi đã không đồng ý với việc làm của bà. Ít có người mẹ nào con cái đã đầy đủ lại muốn nhận thêm con nuôi. Nhưng về sau thấy tôi dễ nuôi, không khóc la như anh Tư nên dần dần tôi trở thành đứa con thực thụ của mẹ.

Gia đình tôi ở vùng đó được một thời gian thì chuyển nhà. Quá khứ của tôi được đẩy lùi và tôi nghiêm nhiên trở thành cậu con trai út trong một gia đình có một nửa dòng máu Pháp. Thì ra cái hình hài còi cọc xám xịt của tôi không phải là một sự đột biến gen mà là một sự di truyền, và cũng có thể đó là kết quả khi tôi phải oằn mình chịu đựng các độc dược, những uất hận khổ đau lúc còn đang ở trong bào thai. Tôi là kết quả của sự ỉn ỉm, của vụng dại, của lừa dối, của đăm mề... Nói chung tôi có mặt ở cuộc đời này hoàn toàn ngoài ý muốn và dự định của người sinh ra tôi. Nhưng đầu sao người sinh ra tôi vẫn còn có chút lượng tri khi biết đặt tôi trước cổng chùa, và đời tôi vẫn còn có chút may mắn khi được các sư cứu sống và được bà nhận về nuôi. Bà bảo với tôi rằng, mười mấy năm nay bà và bố mẹ tôi muốn giữ kín bí mật vì sợ tôi bị tổn thương, và nghĩ sẽ giấu kín trọn đời sự việc này. Nhưng rồi khi thấy tôi khôn lớn, bà đã thay đổi suy nghĩ. Bà muốn tôi

phải biết sự thật để tránh những điều không hay sẽ xảy ra về sau. Bà đã rất dè dặt với điều này, nhưng rồi đã quyết định phải nói cho tôi biết.

Bà kể hết cho tôi nghe về thân phận của tôi mà bà và bố mẹ đã cố gắng giữ kín bấy lâu nay. Tôi thấy lòng mình đổ vỡ, tê dại. Nhưng theo lời bà, tôi phải biết chấp nhận sự thật và không nên oán hận một ai cả. Mọi người đều có những lỗi lầm và mọi người đều cần sự tha thứ. Tôi có thể không oán hận được không? Tôi có thể tha thứ được không? Tôi biết mình chưa dễ dàng để làm điều đó. Nhưng tôi biết rằng, dù tôi có oán giận thì cũng chỉ làm cho tôi đau khổ thêm thôi và vấn đề vẫn không được giải quyết theo một chiều hướng khác. Mọi việc đều là duyên nghiệp, bà đã từng nhiều lần bảo với tôi như vậy. Có thể bà đã nói đúng. Nếu tôi không bị chối bỏ thì tôi đã không gặp được bà và bố mẹ, và đời tôi đã đang đi theo một chiều hướng khác, không biết sẽ tốt hơn hay tệ hơn đời sống tôi đang có. Tôi đã có những duyên nghiệp với bà và bố mẹ tôi, và tôi cũng có những duyên nghiệp với người đã sinh ra tôi. Mọi mối quan hệ trên cõi thế này đều là duyên nghiệp, và các mối quan hệ luôn dễ đổ vỡ. Trong cái vòng quay sinh tử này, mọi việc đan kết lẫn nhau và trở nên rối rắm, mù mờ.

Bà đã ngồi trước hiên với tôi cho đến khi tiếng gà gáy sáng cất lên. Tháng năm sương buông trắng phổ. Giàn hoa pháo buông rũ im lặng lắng nghe nỗi đau ngậy dại của kiếp người trần thế. Rồi bà dắt tôi vào nhà và bảo tôi đi nghỉ, để lại ngoài kia trời đất chuyển mình với một ngày mới đang lên.

Nguyên Hiệp

Tháng Tư, thương tiếc vong linh người vị quốc:

GIỚI THIỆU HAI BÀI VĂN TẾ CHIẾN SĨ TRONG SÁCH NÔM XƯA

NGUYỄN VĂN SÂM



Người Việt Nam có thể nói là ưa thích viết văn tế. Kiểm điểm lại trong văn học, phần chữ Nôm văn tế nổi tiếng hơi nhiều. Vang danh có: Văn tế Cô hồn Thập loại chúng sinh, Văn tế Võ Tánh và Ngô Tùng Châu, Văn tế Tướng sĩ trận vong, Văn tế vua Quang

Trung, Văn tế Bá Đa Lộc, Văn tế vợ của Bùi Hữu Nghĩa... Trong dân gian biết bao nhiêu là bài văn tế ứng với mọi trường hợp: chồng tế vợ, vợ tế chồng, cha tế con, chàng rể tế cha vợ, bốn xú tế cụ già Đoàn Văn...

Biến thể của văn tế là văn khóc: Cha khóc con văn, Mẹ khóc con văn, Chị khóc em văn, Chúng tử khắp mẩu văn, Quả mẩu khắp tử văn ...

Đó là nói tên vài bài văn tế xưa và viết bằng chữ Nôm. Nếu nói những bài xuất hiện ở thế kỷ 20 và viết bằng quốc ngữ, *dùng một lần rồi bỏ*, không bao nhiêu tính chất văn chương, chỉ đóng vai trò hình thức cho buổi lễ thì nhiều như lá trên rừng...

Chúng tôi thấy trong tác phẩm văn chương viết bằng chữ Nôm, chưa được phổ biến nhiều, có hai bài văn tế liên quan đến tướng sĩ chết trận đáng chú ý là:

Tào Tháo tế các cựu thần tướng sĩ và Điển Vi ở sông Tế thủy, bài này nằm trong tổng **Tam Quốc**, hồi thứ 18 ở các trang 9 và 10. (Chúng tôi chỉ có bản copy nên số trang được đánh theo số thứ tự, không có chỉ số a, b.)

Đồng Văn tế các chiến sĩ tử trận trước khi mình xuất binh, bài này nằm trong truyện Nôm **Tinh Mê Một Cối** (*Hứa Sứ Truyện*, NVS phiên âm, Viện Việt Học xuất bản, 2012) ở các trang 69b-70a.

Bài văn tế của Tào Tháo

Tào Tháo sau khi thoát khỏi sự truy đuổi của địch, quân sĩ chết cũng khá nhiều, còn lại lơ thơ một nhóm, dẫn chạy đến sông Tế Thủy, phần tui cho thân mình phần thương tiếc các tướng vì mình mà bỏ mạng, bỗng nhớ tới tủy tướng tâm phúc Điển Vi chết ở đây năm nào bèn khiến quân lập đàn tế để mình tế Điển Vi. Xin trích một đoạn ngắn ở hồi thứ 18 tổng hát bộ Tam Quốc, một tác phẩm quan trọng giữa thế kỷ 19:

Tào Tháo:

Nay cũng đà khỏi chốn gian nguy,
Tướng sĩ khá từ từ tiến bộ.

Lại nói:

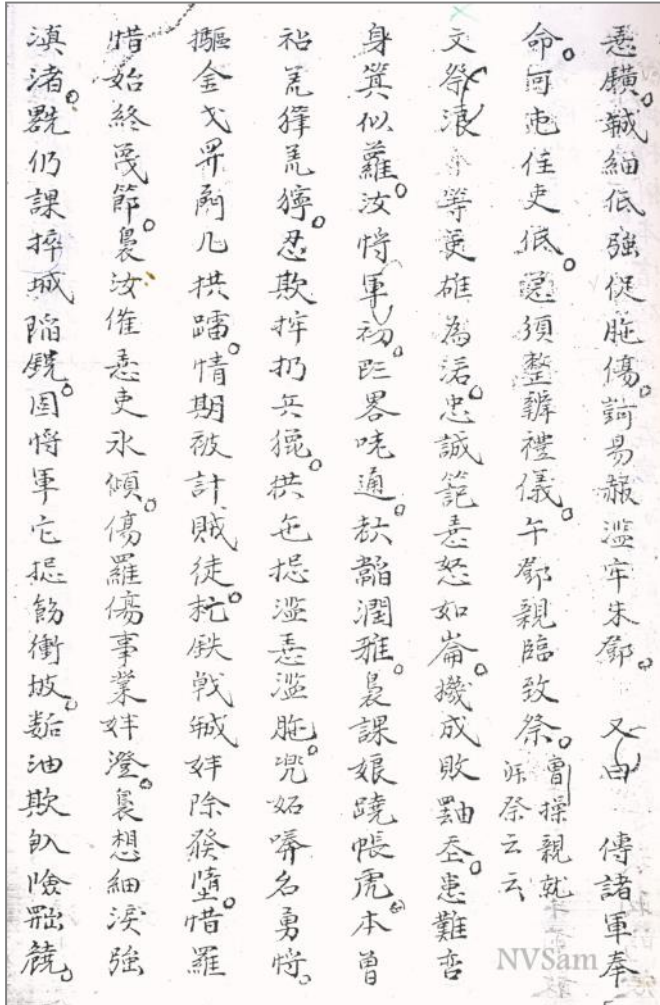
Luống những mảng lần lần dậm thò,
Đã tới sông Tế thủy năm xưa.
Giọt lệ bỗng tuôn sa,
Tấm lòng càng bộn nhột.
.....Tới đây sa lệ ngọc,
Là nhớ kẻ cựu thân.
Và Điển Vi đại tướng vong thân,
Vốn bị trận chốn này năm trước....

Sau đó Tào Tháo đọc bài văn tế mà tương truyền làm mũi lòng tướng tá tủy tưng:

Văn tế rằng:

Đấng anh hùng vì nước,
Trung thành ghi lòng nộ như sơn.
Cơ thành bại bởi trời,
Hoạn nạn ví thân kia tựa lá.
Nhớ tướng quân xưa:
Ba lược lâu thông,
Sáu thao nhuần nhã.
Nếu thuở nương theo tướng hổ,
Võ từng xem đường vượt đường nanh.
Nhẫn khi trao nẩy binh tì,
Cũng đã cậy làm lòng làm dạ.
Đầu đó mảng danh (1) đồng tướng,

Khưa kim qua là muôn kẻ cũng lui.
 Tình cờ bị kẻ giặc đồ,
 Mất thiết kích nên nửa giờ phút đọa.



(Phần đầu bài văn tế, tư liệu của NVS)

Tiểu là tiểu thủy chung một tiết,
 Nếu nhớ thôi lòng lại băng khuâng.
 Thương là thương sự nghiệp nửa chừng,
 Nếu tưởng tới lệ càng chan chứa.
 Trước những thuở tốt thành hãm nhục,
 Có tướng quân đà cậy sức xông pha.
 Sau dẫu khi vào hiểm ra nghèo, (TQC 18
 trang 10)

Vắng tướng quân càng chạnh lòng thương
 nhớ.

Hội phong vân chửa trọn,
 Tướng công xưa sao khéo thiết thòi.
 Đường Tể thủy trải qua,
 Nhớ sự cũ xiết chi than thở.
 Trung hồn dầu đó còn thiêng,
 Bạc lễ hương qua ngõ thòa.
 Nay vẫn.

Bài văn tế của Đồng Vân

Bài văn tế của đại tướng Đồng Vân cũng nói cảm khái của mình đối với người chết nhưng rộng hơn bài của Tào Tháo do nhắc tới *những binh sĩ* chết trận chớ không chỉ với một người tướng mà thôi. Lời văn này thấm thiết hơn, gợi cho người nghe lòng thương cảm và chua xót khi những chi tiết về tình trạng bị bỏ rơi của các chiến sĩ sau khi chết. Nguyên là nhà sư nên tướng Đồng Vân đọc văn tế mà luôn tiện cầu siêu cho người nằm xuống được vắng sinh lại nơi tĩnh thổ.

69b *Hỡi ôi!*

Người sống tạm nương, xao xác dường nửa
 ngày sự nghiệp,
 Việc đời luống đổi (2), mơ màng dường
 một giấc công danh.

Nhớ các linh xưa:

Vút nanh xã tặc,

Vây cánh trào đình.

Trắc trắc giữ lòng trung nghĩa,

Hăm hăm đua sức hùng anh.

Nhiều thuở gan vàng chống lũ,

Ghe phen gân sắt đỡ thành.

Ài lang tắt khói,

Bầy cáo bật tanh.

Mừng đặng quốc gia đà yên tĩnh,

Hay đâu biên cảnh dậy phong tranh.

Tiết địch khải (3) ra công đấu chiến,

Vác cần vương (4) nung sức giao chinh.

Chẳng ngại xông tên đột pháo,

Chi tử đạp sỏi giày sành (5).

Những tướng trăm năm cao công nghiệp,

Nào hay một trận thất cơ binh.

Thương bấy thân phơi nội lục,

Thảm thay máu dợn râu xanh (6).

Xao xác lại qua, thấy muông chim cỏ sâu
 khắp nội,

Lãng xảng thăm viếng, những ruồi lẩn hoa
 thắm đời cành.

Ôi! Đã lia con vợ, lại bỏ cha anh.

Mồ mà đều không, nhìn thôi rất thảm,

Quải đơm chẳng có, thấy vậy bao đành.

Chay lạt tạm bày, khuyên ba tuần bão mẫn

(7),

70a Trà thô với chuốc, dụng hai chữ kính
 thành.



*Chốn Ta Bà mau từ tạ, cõi tịnh thổ kíp
vãng sanh.
Thượng hưởng (8).*

Kết luận:

Trong cuộc chiến đau lòng 54-75 vừa qua biết bao nhiêu binh sĩ hai bên tử trận, sau cuộc chiến phía bên thua cuộc chịu đựng muôn vàn cảnh bi thương của tử tiết, của xử tử, của tù đầy, của chìm biển, của đập đầu... tiếc rằng chúng ta chưa có được những bài văn tế đáng nên có. Nên có, để lưu lại cho hậu thế biết cái nhìn của người thời nay trước bi kịch như thế nhối thời đại của đất nước. Nhìn chung, sự thiếu vắng này do người cựu học có thể chấp bút lưu loát thể văn tế không còn bao nhiêu và đa phần người ta viết rồi để đó, không phổ biến vì những lý do thẳm kín trong đó có sự an toàn bản thân.

Tôi ước ao được đọc những bài văn tế cho các vị tướng Việt Nam đã tuấn kiệt sau đại nạn 75, cho tất cả những người năm xuống vì chiến tranh, không cần viết theo kiểu xưa vì đã quá cổ điển ít người thấu hiểu, chấp bút viết theo kiểu hành (như Hành Phương Nam, như Bình Lang Hành) là điều tốt nhất.

Mong thay!

Hình như năm nào vào Tháng Tư tôi đều mong được đọc những bài *hành*, bài *văn tế* như vậy! Năm này sang năm khác! Cả bốn chục năm rồi!

Nguyễn Văn Sâm

Victorville, CA, April, 2016

- 1) *Mãng danh*: Từ xưa có nghĩa là nghe danh. *Mãng*: Nghe. *Tượng mãng*: Bởi vì nghe...
- 2) *Việc đời luống đổi* 役代 隴對: Đời là một trường biến hóa đổi thay liên tục. Nhóm từ này đổi với bốn chữ đời sống tạm nương ở trên.
- 3) *Tiết địch khải* 節敵愾: Lòng căm ghét quân địch.
- 4) *Vác cần vương* 博勤王: Giữ vai trò giúp vua giữ nước. *Vác* 博: Binh khí hình giống như cây giáo.
- 5) *Chi tử đạp sỏi giày sành* 之躐[足皆]硿: Chẳng nề gian khổ. Sỏi sành là chông gai, những thứ nhọn làm đau chân người.
- 6) *Máu dạn râu xanh* 柳涸蔡撐: Máu đóng từ lớp từ lớp như sóng dạn trên mặt râu. Cảnh chết chóc của chiến địa.
- 7) Bốn câu: Các người chết không ai cúng tế nên ta tế, khuyên các người nhận ăn ba bữa cơm cho no đủ (*bão mãn* 飽滿).
- 8) Bản Nôm bài văn tế này xin xem: *Tình Mê Một Cõi*, Nguyễn Văn Sâm phiên âm, Viện Việt Học xuất bản 2013.



RẼM THÁNG TƯ

(Kính mừng Phật đản, đánh lễ Thế Tôn)

*Trời vẫn xanh như ngàn năm thuở trước
Cõi Sa Bà đầy ngũ trược trần lao
Rời một hôm xuất hiện một vì sao
Kể từ đó có lối vào trung đạo*

*Rằm tháng tư muôn hương hoa bát ngát
Tiếng chim ca cao khúc hát vô ưu
Người hoan hỷ mừng đản sanh từ phụ
Người đưa đường vượt qua cõi âm u*

*Rằm tháng tư tung bay cờ ngũ sắc
Mây năm màu che rợp khắp thế gian
Và vũ trụ bùng lên vùng ánh sáng
Một cõi nhân thiên trong ánh đạo vàng*

*Rằm tháng tư cả ba ngàn thế giới
Tâm hỷ hoan về lại với Như Lai
Thương cùng tử đã bao đời rong ruổi
Thị hiện Sa Bà, hoá độ nhân sinh*

*Rằm tháng tư oai linh sư tử hồng
Trời đất rên vang trống pháp hoàng dương
Giục người mê đồng mãnh bước lên đường
Tự giải thoát và điem nương đồng loại*

*Đèn chánh pháp vẫn thường hằng tỏ rạng
Muôn vạn lần hơn ánh sáng trời trăng
On Phật Đà nguyện khắc cốt ghi tâm
Mừng đản sanh đánh lễ tạ thâm ân.*

thơ

ĐÔNG THIÊN

Atlanta, Mar. 2016

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



ĐẬU

Đậu có tâm hướng Phật nhưng tiếc thay lớn lên trong gia đình không có tín tâm. Có lần Đậu hỏi bạn:

- Nghe nói đạo Phật từ bi - trí tuệ lắm; sao mấy ông hoà thượng đánh đấm ào ào rồi vì môn phái, bảo bối... truy sát như cuồng phong?

Người bạn cười to:

- Đây là sản phẩm kiểm hiệp, phim bộ của Tàu. Đạo Phật nào phải vậy!

Đậu lại nói:

- Nếu vậy thì thưa họ tội vu khống.

- Đạo Phật từ bi - trí tuệ mà, chỉ lưu ý người về hậu quả họ làm thôi!

Đậu nghe xong có vẻ rất thích thú.

BẢN TÁNH KHÓ THAY

Mặc áo gấm về làng cũ ăn chơi vung vít, nổ búa xua. Người làng có kẻ lác mắt nhưng cũng có người cười ruồi:

- Chắc tội này sanh gần kho đạn Long Bình?

Ngày trở lại mang theo bao nhiêu thịt thà, cá mắm rồi còn cả vàng mã nữa. Hải quan chặn lại phạt và đưa ra tòa tội buồn tiền giả. Thế là phải bỏ tiền mượn thầy cãi biện hộ cho may mà thoát tội. Anh lảng giềng hay chuyện chép miệng:

- Giang sơn dễ đổi, bản tánh khó thay!

EM LÀ CỦA ANH

Họ yêu nhau nhưng thường gây gổ vì chàng quảng giao, thích vui vẻ, trêu đùa... nên nàng ghen và cho rằng chàng không thật lòng. Ngày kia nàng bệnh, vào viện thì bác sĩ bảo suy thận cần thay gấp. Chàng hay tin bèn hiến cho nàng và bảo mọi người giữ kín chuyện.

Không thấy chàng đến. Nàng giận quyết định chia tay, đến nước này mọi người bèn nói ra sự thật. Ngày xuất viện nàng tìm đến chàng:

- Cảm ơn anh không biết sao cho đủ, em nguyện suốt đời theo anh.

Chàng ôm lấy thì thầm:

- Em là của anh.

KHI TIỀN LÊN TIẾNG

Rừng xanh đến mùa chọn mình chủ. Cư dân rừng chia hai phe theo Voi và Lừa. Lừa bảo:

- Nếu tôi là lâm chủ, tôi sẽ giảm thuế, bảo vệ dân ngụ cư, chăm lo sức khoẻ...

Voi thì ngược lại, cậy mình nhiều tiền, ăn nói hồ đồ, ngạo mạn:

- Nếu tôi là lâm chủ, tôi sẽ rào rừng, đuổi dân ngụ cư, bỏ mọi sự bảo hộ...

Dẫn rừng già giận dữ tẩy chay, ấy thế mà cũng có không ít kẻ ủng hộ Voi ta. Bác cú già thông thái lắc đầu:

- Khi tiền lên tiếng thì lẽ phải im lặng.

CÒN MAY LẮM ĐẤY

Sau buổi yến tiệc linh đình, quan gia no say chúc tụng hỉ hả. Trong cơn phấn kích bèn hạ chiếu:

- Từ nay cấm thâm lạm công quỹ, cấm những nhiều quốc dân.

Tuần sau quận công Thanh Bạch dâng sớ kèm chứng cứ tố bọn xà xẻo của công, hoành hoè lương dân... Nào ngờ triều đình cắt hết chức tước, bổng lộc đuổi về vườn vì tội: bôi xấu triều đình, chia rẽ nội bộ...

Đồng liêu ghé nhà thăm an ủi:

- Ngài chỉ nghe lời nói mà

không nhìn hành động, còn chỗ để đội nón là may lắm đấy!

PHẢN BỘI HAY VONG ÂN

Môn nhân của ngũ bang hợp, nhiều tiếng nói gay gắt:

- Con gái A Đậu lấy chồng ngoại chủng lại còn truyền mật nghệ cho ngoại nhân, tội phản bội phải tính sao?

A Đậu từ tốn nhưng cương quyết:

- Con gái lấy chồng vì duyên phận. Ngộ không cản được! Đất này cứ mang chúng ta bao đời, dầu có truyền mật nghệ cũng có gì quá đáng! Các hạ xem thử có phải quá vong ân chăng?

Môn nhân ngũ bang im lặng không nói vào đầu được nhưng A Đậu là tay khôn ngoan biết trước, bèn gỡ bí:

- Ngộ có tiệc rượu tạ tội chiều nay, xin mời các hạ hoan hỷ cho.

Tiếng vỗ tay đồng thuận.

CÓ ÍCH ĐẤY CHỨ

Vườn xuân ngào ngạt hương. Mận, đào... cùng trăm hoa đua nở, bướm ong dập dề. Bọn ruồi nhặng sanh lòng đồ kỵ buông lời dèm pha:

- Vô tích sự!

Cuối mùa trái chín mọng cành, nhiều quả muối quá rụng đầy gốc. Ruồi nhặng bu vào tranh ăn lại xí phần hơn thua đánh nhau nhặng xí cả lên. Mận nhìn đào cười:

- Vô tích sự nhưng xem ra có ích đấy chứ!

STEVEN N

Georgia, April 2016

Tách trà ước hẹn

THANH THỊ

1. Có một dạo cứ tầm khoảng 5 giờ sáng là tôi lại nhận được tin nhắn qua điện thoại từ một người bạn: "Mời uống trà buổi sáng!" Có khi kèm theo dòng tin nhắn đó là ly trà nghi ngút khói mà bạn vừa chụp. Mới đầu tôi còn ngỡ ngàng với kiểu tin nhắn như vậy nhưng sau quen dần. Cứ tầm vào giờ đó tôi lại chuẩn bị cho mình một ly trà nóng, tự thưởng cho mình để khởi đầu ngày mới tinh tảo hơn. Bạn là đồng hương, cùng học một trường phổ thông trung học, sinh hoạt Gia đình Phật tử cùng một chùa, và hơn cả bây giờ là bạn đồng tu. Tuy là có nhiều cái chung như vậy nhưng tôi vẫn biết khá ít về bạn, cũng bởi tính tôi ngại giao tiếp, không hay giao du với người lạ. Nhưng như nhân duyên chín muồi, sau thời gian dài không gặp, niềm vui nho nhỏ được nhen nhóm sau khi chạm mặt lại lần đầu. Tôi vui vì được gặp người bạn nơi đất khách quê người, còn bạn có vui không? Tôi chẳng rõ. Tôi biết con đường bạn đi không hề suôn sẻ. Có một thời gian bạn đã phải ngập ngụa trong mớ rắc rối do chính bạn tạo ra, và nó có nguy cơ khiến bạn phải từ bỏ chiếc áo màu nâu sồng thân thương. Nhưng bằng ý chí, nghị lực và lòng quyết tâm; sự kiên tâm bền chí đã giúp bạn vượt qua khủng hoảng, mà tôi nghĩ không hẳn ai cũng có thể vượt qua được như bạn. Sau biển cố đó, bạn trưởng thành hơn nhưng lại trầm lắng hơn. Bằng chứng là sự giao tế của bạn ngày càng hẹp. Bạn vui với giàn bầu, với vườn rau bên

trong một ngôi chùa ở rìa thành phố. Bạn kể tôi nghe rằng mình hay uống trà và ngồi một mình, suy nghĩ về những điều rất nhỏ hiện hữu nơi tâm. Tôi lắng nghe và cảm nhận rằng bạn đang dần lòng quên đi quá khứ. Những tháng ngày bên cạnh Sư phụ đã cho bạn hành trang đủ để bạn vượt qua những thử thách, nhưng kể từ đây bạn phải tự bước đi trên đôi chân của mình. Bạn lắng và lắng với chính mình, nhưng vẫn không quên "rủ rê" tôi uống trà mỗi sáng. Có lần tôi hỏi một câu băng quơ rằng: "Đến khi nào được uống trà sáng cùng L. thực sự?" Bạn điềm nhiên trả lời: "Khi đủ nhân duyên!" Nghe vậy, tôi mỉm cười thong thả với ly trà của mình. Vì tôi biết, đủ nhân duyên thì quả sẽ trở, lo gì tương lai xa xôi.

Bất cứ ai và bất cứ thứ gì hiện hữu trong cuộc đời ta đều có nhân duyên cả. Không gì là tự nhiên mà xuất hiện và chen vào cuộc sống của ta được. Nhân duyên ấy có thể do ta tự tạo trong đời này, có khi từ bao kiếp trước mà không để gì ta hiểu và lý giải được. Vậy nên hãy cứ hồn nhiên đón nhận và hồn nhiên hân thưởng, để sống một cách bình thản nhất với đời. Tuy nhiên nếu đó là nhân xấu thì ta có thể cải tạo, vun gốc pháp lành để thay đổi, đón nhận quả tốt. Đó là sự chuyển hóa từ nội tâm đến hành vi. Mỗi việc làm, suy nghĩ đều ảnh hưởng đến chính mình và mọi người. Suy nghĩ lành, làm việc lành cho đến nói lời lành là con đường

nhANH NHẤT, ĐƯA NGƯỜI TỪ ĐỊA VỊ PHẠM PHU LÊN BẬC THÁNH. ĐỂ MÀ KHÓ LẮM THAY!

2. Có những thứ rất đẹp trên thế gian được hình thành từ sự sắp đặt ngẫu nhiên của tạo hóa. Tình bạn là thứ tình thật đẹp và cao quý với những ai biết vun bồi cũng như trân trọng giữ gìn nó. Với tình bạn, có khi ta tưởng như ngẫu nhiên gặp nhau trong kiếp này nhưng hóa ra, đó lại là sự trùng phùng bởi lời hẹn của một kiếp xa xôi nào đó.

Tôi gặp Q. A. trong một lần tham gia công tác thiện nguyện của một Câu lạc bộ. Ấn tượng đầu tiên về A. trong tôi không mấy tốt đẹp, bởi sau cuộc họp A. đã nói một câu rất 'méo mó' rằng: "Quý vị cứ yên tâm, có gì cô T. đây (chỉ tôi) sẽ lo hết." Nhìn điệu bộ khiêu khích và vẻ mặt kên kên ấy là tôi đã hiểu phần nào. Dường như tôi không nhận được sự tin tưởng, tín nhiệm từ Q. A. Từ đó, do thường xuyên phải trao đổi những kế hoạch làm việc, chúng tôi nói chuyện với nhau nhiều hơn, nhưng hễ cứ nói năm câu thì phải mất ba câu cãi nhau. Chủ yếu là vì bị khiêu khích châm chọc, tính háo thắng của tôi có cơ hội bộc phát và càng được nhân lên. Tranh luận không thành, tôi bày kế im lặng. Bất kể A. hỏi gì hay nói gì tôi cũng không đáp lại. Cuối cùng A. đành phải xuống nước trước tôi: "Tôi chịu thua cô rồi đấy! Cô hài lòng chưa?" Sau lần ấy, tôi chẳng buồn tranh luận nữa. Dùng nhu ắt sẽ thắng cương - tôi tự nhủ với mình như vậy. Bởi khi đối diện với một vấn đề, nếu hai bên cứ bảo thủ và dụng ý kiến của mình áp đảo người khác, thì chẳng bao giờ mang lại một chung cuộc tốt đẹp cả. Thời gian sau, A. chọn cho mình con đường du học. Trước ngày đi, chúng tôi nói với nhau về những ước mơ, những định hướng cho tương lai. Đó là lần đầu tiên chúng tôi nói chuyện với nhau chân thành, cởi mở nhất, nhưng vẫn không tránh khỏi cãi cọ. Tôi hỏi A.: "Sao lần nào cũng cãi nhau chí chóe vậy nhỉ!? Chúng ta không thể sống



trong thanh tịnh, hòa hợp được hay sao?" A. cười bảo tôi: "Giờ tranh thủ cãi nhau chứ khi đi du học rồi, lúc ấy bận lắm, không được cãi, lúc ấy cô lại buồn thì sao!?" Khi A. đi, tôi không tiễn, chỉ hẹn nhau ngày về, cùng nhâm nhi tách trà, kể chuyện tu học xứ người.

Đến tốt cùng của một cuộc tranh luận là gì? Đố vỡ không thể hàn gắn, giải quyết được vấn đề hay hiểu nhau hơn... Đường như tất cả những gì mà ta đã kinh qua, dù là mang đến cho ta vui hay buồn, hạnh phúc hay khổ đau, thì cũng không thể phủ nhận những giá trị mà nó đã mang lại cho ta. Đi qua những ngày nắng mưa, qua những chán chường, thất vọng, bế tắc hay tốt cùng của hỷ lạc, mỗi mỗi sự việc đều cho ta những bài học. Để sau này, nếu lịch sử có lặp lại lần thứ hai, ta tự hứa với lòng sẽ sống đẹp hơn, giải quyết vấn đề tốt hơn, đối đãi với người tử tế hơn. Vậy nhưng, là người hiểu rõ nhân duyên ở đời, thì đợi gì đến ngày mai. Ngày hôm nay cứ "thật sống" đi, bởi lẽ: vô thường có hẹn cùng ai bao giờ?...

3. Tôi đang lúi húi dọn lại mớ sách vở bày bừa từ đêm qua do ngủ quên thì nghe Sư thúc gọi: "T. ơi, ra uống trà đi chứ không nguội nè con!" Nghe gọi tôi dạ thưa sẽ ra ngay mà lòng thầm nghĩ: "Trời ơi, sao Sư thúc có thể nói ngọt dữ vậy kìa!" Sư thúc tôi là người gốc Huế, xuất gia từ nhỏ, rất giỏi nấu ăn, món

nào qua tay Sư thúc cũng ngon; vì vậy Sư phụ tôi đặc biệt cử Sư thúc làm tri sự cho trường hạ. Mặc dù với việc tăng sai như vậy khiến Sư thúc rất bận, nhưng mỗi khi rảnh rỗi, mấy chị em tôi lại được thúc gọi ra uống trà. Cầm tách trà ấm ấm còn mấy sợi khói vương vào khoảng không, tôi hỏi Sư thúc về những chuyện khi còn đi học, về những trò nghịch ngợm thuở bé. Sư thúc kể khi cô điệu nhỏ, có lần Sư thúc bị Sư Bà phạt quỳ ngay tại sán nước, trong khi tay phải bưng cà-mèn đưa trên đầu vì tội ăn xong không chịu rửa liễn. Sư thúc kể có những ngày mưa, năm bảy cô đầu còn để chỏm chạy lên sân thượng, dùng bao ni lông bịt lỗ thoát nước lại để chơi đuổi bắt và tắm mưa; Sư Bà biết được, vậy là lại bị phạt quỳ tại chỗ. Tôi được nghe nhiều câu chuyện của Sư thúc qua những buổi uống trà như vậy. Sư thúc luôn nói chuyện nhẹ nhàng, chừng mực. Tôi chưa thấy Sư thúc nổi nóng đến mức nói lời nặng hay khó nghe với người khác. Dù làm việc gì, cực nhọc đến mấy, Sư thúc vẫn cười rất tươi để tạo không khí thoải mái cho những người xung quanh. Vậy nhưng rồi, có những con đường đi chưa đến đích đã phải tạm dừng và rẽ ngang. Sư thúc quyết định định cư và hoằng pháp ở nước ngoài vào một ngày giữa hạ. Đêm trước khi đi, chúng tôi có buổi tiệc trà tiễn Sư thúc, không ai nói gì nhiều

vì mỗi người đều có cảm xúc riêng muốn giữ lại cho riêng mình. Tiệc tàn, tôi nằm trên chiếc võng đong đưa theo nhịp gió. Dưới ánh đèn rọi lại từ khu chung cư bên kia đường, tôi chợt nghĩ: "Đến bao giờ...?"

Chẳng phải cuộc gặp nào rồi cũng đến lúc chia ly, bởi "cái gì chịu sự sanh khởi tất phải chịu sự hoại diệt" hay sao? Vậy mà lòng vẫn chùng xuống khi phải xa những người mình thương quý. Không phải thứ gì trên đời cũng có thể học từ sách vở. Có những sự việc chỉ có thể học từ kinh nghiệm của người đi trước. Thân giáo luôn là cách giáo dục mạng lại hiệu quả nhất. Một hành động đúng sẽ dễ khiến người tin và làm theo. Dạy lòng, đã là người thì phải luôn có trách nhiệm với lời nói của mình; điều đó chính là sự biểu hiện tôn trọng chính mình và tôn trọng người nghe. Ai lại chẳng muốn nghe lời dịu ngọt, êm ái. Và rằng, một lời để nghe thì cảm hóa được muôn loài. Lễ đương nhiên, lời nói ấy phải xuất phát từ thật tâm từ bi vậy.

Có những tách trà mang tên "ước hẹn." Bởi không khó để uống một ly trà, nhưng để uống với một người mình thực sự muốn cùng thật không dễ. Cứ hẹn nhau một ngày nào đó, sẽ được ngồi uống trà với nhau, kể đôi câu chuyện vui của nhà thiền. Giữa những làn khói trầm quện cùng hương trà bay bay, nói cho nhau nghe về chí nguyện ban đầu, thậm chí không ngần ngại bày tỏ những ước mơ mà có lẽ sẽ không bao giờ có thể thành hiện thực. Người ngồi uống trà với nhau không cứ gì chỉ có hai người, có thể nhiều hơn thế; có thể không cùng lứa tuổi hay thời đại miễn là thật lòng muốn cùng nhau đổi âm. Trong tuyết sương không phân biệt đầu xanh hay đã bạc, giữa một khoảng lặng nào đó, người nhìn người rồi nhìn tách trà nhỏ trong tay, khe khẽ một câu: "Uống trà đi!..."

Thanh Thị

TẮM HƠI – VAI TRÒ CỦA CALCIUM TRONG CƠ THỂ

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



TẮM HƠI

Xuất hiện từ thời cổ Hy Lạp rồi Đế chế La Mã, Tắm Hơi vẫn là sinh hoạt được nhiều người ưa thích. Phòng tắm hơi có mặt tại khắp mọi nơi như khách sạn, câu lạc bộ thể thao, thẩm mỹ viện, phi trường, tư gia...

Cần phân biệt hai loại tắm hơi. Đó là phơi mình trong hơi nóng khô (Sauna) và hơi nóng ẩm ướt Steam bath).

Sauna

Sauna có nguồn gốc từ Phần Lan. Dân chúng nơi đây coi sauna như nơi tập hợp gia đình bạn bè để thư giãn, rửa soạn cho bà bầu sinh đẻ, tẩy uế người thân mệnh một trước khi chôn cất. Hầu hết mỗi gia đình đều có một sauna với nhiều kiểu lớn nhỏ khác nhau.

Theo truyền thống, hơi nóng của sauna phát ra từ một lò chứa nhiều tảng đá đun nóng bằng củi gỗ các loại có mùi thơm dễ chịu. Tảng đá giữ nhiệt. Nước lạnh được vẩy trên đá để tạo ra hơi nóng ẩm. Nhiệt độ trong phòng thay đổi từ 80-100 độ C. Không khí thường khô hơn là steam house.

Steam Bath

Đây là những phòng kín trong đó hơi nước được phun ra từ máy chứa đầy nước đun sôi. Không khí trong phòng hoàn toàn ẩm ướt và nóng ở nhiệt độ thay đổi từ 43- 45 độ C. Tiêu biểu là Turkish Bath.

Hình thức xông hơi lấy mền phủ kín người ngồi trước nồi nước sôi có cỏ cây làm thuốc hoặc dầu nóng của người mình khi bị cảm lạnh cũng tương tự như tắm hơi.

Hiện nay, có nhiều lồng tắm hơi mà ta có thể mua về gắn thêm vào buồng tắm thường ở nhà, rất tiện lợi.

Y kiến khác nhau về tắm hơi nóng

- Có người nói tắm hơi nóng để tiêu mỡ, giảm cân

Thực ra tắm hơi chỉ làm mất đi một lượng chất lỏng trong cơ thể, chứ không làm tan được những tế bào mỡ ngự trị ở vùng mỡ, vùng bụng như nhiều nhà sản xuất lò tắm hơi quảng cáo.

Mất chất lỏng là do sự bốc hơi trên da để giảm nhiệt độ cơ thể lên cao vì sức nóng. Do đó sẽ giảm chút đỉnh cân nặng trong vài giờ. Có nghiên cứu cho hay, với 30 phút tắm hơi cơ thể

cũng tiêu hao khoảng 300-500 calo vì cơ tim tăng hoạt động. Các võ sĩ quyền Anh, tay đô vật tắm hơi trước khi chính thức cân trọng lượng cơ thể sao cho đúng với tiêu chuẩn.

Nhớ có sẵn chai nước khi tắm hơi để bổ sung sự thất thoát nước này. Và nếu muốn giảm mập thì nên thay đổi ăn uống và tập thể thao, vận động cơ thể.

- Tắm hơi có ảnh hưởng tới huyết áp

Tại một vài nhà tắm hơi, có niêm yết là ai bị cao huyết áp hoặc bệnh tim nên dè dặt cẩn thận trong phòng hơi nóng. Lý do là khi cơ thể tiếp xúc với môi trường nóng, nhiệt độ cơ thể lên cao. Để thích nghi, các mạch máu trên da mở rộng, máu dồn ra nhiều, huyết áp hơi giảm một chút và làm nhiều người chóng mặt.

- Tắm hơi tẩy độc trong cơ thể.

Tắm hơi có thể làm sạch lỗ chân lông qua việc đổ mồ hôi. Một số muối khoáng như kali, natri, magne, calci, Cl có thể mất đi qua mồ hôi. Nói rằng tắm hơi loại độc chất trong cơ thể thì chắc là không đúng lắm. Nhưng da sẽ sạch sẽ, mềm mại, tăng máu lưu thông, coi bộ hồng hào hơn. Tuy nhiên cũng không nên tắm hơi quá lâu kéo mà da lại quá khô vì tuyến nhờn trên da bị tổn thương. Khoảng 15 tới 30 phút là vừa đủ.

- Tắm hơi làm rụng tóc?

Chắc là không làm rụng tóc đâu. Ngược lại, tắm hơi làm máu lưu thông tới da đầu nhiều hơn, da đầu sạch sẽ, bớt gàu bớt vi khuẩn, từ đó tóc có thể mọc mạnh hơn.

- Có gây hiểm muộn nam giới không?

Câu hỏi được nhiều người nêu ra, là vì có nghiên cứu nói nhiệt độ quá cao sẽ giảm sản xuất tinh trùng của ngọc hành. Chẳng hạn mặc quần lót quá chật gây cọ sát, ngồi đạp xe đạp lâu giờ. Mà giảm tinh trùng là một trong nhiều rủi ro của hiểm muộn nam. Do đó, ngọc hành được tạo hóa sắp đặt nằm ngoài cơ thể, nhiệt độ thấp hơn là ở trong cơ thể. Tắm hơi chắc cũng không gây ra tác dụng không tốt này, vì thời gian tắm không lâu. Để chắc ăn, ta cứ phủ tấm khăn lông, che chỗ kín cho an toàn xa lộ, chẳng sợ vô sinh.

- Nghiên cứu tại Đại Học Munich cho rằng tắm hơi nóng ẩm giúp ngủ ngon hơn, tăng cường máu lưu thông ngoài da, căng cơ, viêm khớp nhẹ, giảm ho đàm, khó thở...

- Trong khi đó, bác sĩ Harvey Simson, Chủ biên Harvard Men's Health Watch lại có ý kiến là tắm hơi an toàn nhưng có ít bằng chứng rằng tắm hơi mang lại ích lợi cho sức khỏe ngoài cảm giác thoải mái thư giãn. Ông cũng lưu ý bệnh nhân huyết áp cao, suy tim, nhịp tim bất thường, cơn đau tim angina, bệnh van tim nên hỏi ý kiến bác sĩ trước khi quyết định tắm hơi.

VAI TRÒ CỦA CALCI TRONG CƠ THỂ

Calci là khoáng chất có nhiều nhất trong cơ thể, với 99% tập trung ở xương và răng. Số lượng còn lại, tuy chỉ là 1%, hiện diện trong chất lỏng và mô tế bào mềm, nhưng cũng có nhiều nhiệm vụ rất quan trọng.

Lượng calci trong cơ thể đàn ông vào khoảng 900-1200 gram, đàn bà có ít hơn, khoảng 800-900 gram, dưới ba dạng hợp chất: citrat, phosphat và carbonat.

Nhiệm vụ chính yếu của calci là phối hợp với sinh tố D để cấu tạo bộ xương và hàm răng vững chắc.

Ngoài ra calci có các công dụng sau đây:

- * Calci (trong máu) giúp duy trì huyết áp và nhịp tim đập bình thường;

- * Calci có vai trò quan trọng trong sự đông máu, ngăn ngừa băng huyết khi mạch máu bị tổn thương;

- * Điều hòa sự co bóp của bắp thịt, đặc biệt là tế bào tim;

- * Giúp hấp thụ sinh tố B 12 trong ruột;

- * Hỗ trợ sự phân phát, thu nhận và dẫn truyền tín hiệu thần kinh;

- * Calci cũng cần trong việc sản xuất một số kích thích tố như Insulin.

Gần đây, có ý kiến cho rằng calcium có khả năng bảo vệ con người với nguy cơ lên cơn đau tim (heart attack), ung thư ruột già, hạ cholesterol, giảm khó chịu trước khi có kinh nguyệt...

Hầu hết calci trong cơ thể là do thực phẩm cung cấp.

Calci có nhiều trong sữa, sữa chua, pho mát, cá, tôm, trứng, đậu nành, rau có lá xanh đậm, hạt ngũ cốc được tăng cường calci, nước uống. Cá sardine, cá hồi đóng hộp ăn cả xương là nguồn calci rất phong phú.

Một ly sữa, sữa chua hay sữa đậu nành, có chừng 300mg calci. Người lớn uống hai ly sữa (480 ml) là có đủ lượng calci cần thiết; trẻ em uống ba ly, tuổi đang lớn nhanh uống 4 ly.

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC
www.bsnguyenyduc.com



MỪNG ĐẢN SANH

*Rằm tháng tư con đi chùa lễ Phật
Trong dịp mùa sinh nhật đáng từ bi
Nghe chuông vàng cảnh tỉnh đạo huyền vi
Hồi tưởng lại khi Cô Đàm giáng thế*

*Cung trời cao voi sáu ngà bễ thế
Giáng xuống trần cứu kẻ làm mê
Đản sanh chúng cùng nhau trở về
Nơi bờ giác ánh đạo vàng soi sang*

*Lâm Tỳ Ni một ngày xán lạn
Người người vui vì Đức Phật đản sanh
Muôn chim ca hát đón ngày lành
Cỏ hoa nở tươi vui trong nắng ấm*

*Ca Tỳ La trong một ngày tươi thắm
Muôn dân mừng vì thái tử ra đời
Dem niềm vui hạnh phúc đến muôn nơi
Ngày lịch sử ngàn năm còn ghi dấu...*

*Hôm nay trước Phật đài con nguyện cầu
Cho chúng sanh thoát bể khổ trầm luân
Xin khẩn nguyện trí tuệ đấng đại hùng
Soi vô biên đến cùng khắp thế gian.*

thơ HUỆ BẢO

Hoa sen trong người

THIỆN CHÂU

"Không có giai cấp khi trong máu người cùng đỏ;
Không có giai cấp khi trong nước mắt người cùng mặn."

Mai hôm ấy, kinh thành Xá Vệ rộn rịp trong cảnh phố phường buổi sáng. Trên các đường lớn ngựa xe tấp nập; từng đoàn người qua lại trong những bộ áo màu sắc sỡ. Các cửa hàng đông nghẹt những người mua. Tiếng guốc giày của những người quý phái liên tiếp vang lên tạo thành những âm thanh ồn ào náo nhiệt. Nhưng đi sâu vào các đường hẻm thì những cảnh sống hình như vui tươi, giàu mạnh của số đông người trong hai giai cấp Sát Đế Lợi và Bà La Môn ấy không còn nữa, mà những cảnh bần cùng, đen tối của hai hạng người Tỳ Xá và Chiên Đà La hiện ra quá rõ rệt: những chiếc nhà lá thấp lè tè, chật hẹp, đóng cửa từ sáng sớm... Những đứa trẻ đang đùa giỡn chọc ghẹo nhau trên vệ đường. Những người tàn tật nghèo khổ lủ lượm đi từ nhà này sang nhà nọ xin nhờ sự bố thí một cách khó khăn...

Như lệ thường, sáng nay Đức Thế Tôn vào thành để giáo hóa. Bình đẳng, không phân biệt nghèo, giàu, sang, hèn; Ngài đi hết phố này đến xóm khác.

Ni Đề, một thanh niên thuộc giai cấp Chiên Đà La, giai cấp thấp nhất ở Ấn Độ, đang gánh một gánh phân chạy lon bon trên con đường xóm, thấy Đức Phật, chàng bối rối, sợ sệt, vội rẽ qua đường khác và tự than trách; chàng nghĩ rằng mình đã sinh vào nơi thấp kém mà còn phải làm những việc đê hèn như thế này nữa, thật là vô phúc quá, đồng là người thì tại sao người ta lại đim nhau trong cuộc sống? Tuy rẽ qua đường khác nhưng đôi mắt chàng vẫn đắm đắm hướng về hình ảnh trang nghiêm; sáng rực hào quang của Đức Phật. Một sự ước ao trào dậy trong lòng chàng: Ôi! Biết bao giờ ta được trực tiếp gặp Đức Thế Tôn sáng suốt kia. Càng nhìn lòng chàng càng cảm mộ. Tuy chưa gặp Đức Phật lần nào, song đức hạnh hoàn toàn của Ngài, chàng được nghe nhiều người kể lại.

Hiểu tâm niệm Ni Đề qua

những cử chỉ rụt rè và đôi mắt đắm chiêu, Đức Phật bước nhanh về phía Ni Đề. Thấy Phật đến, Ni Đề hoảng hốt: Vì tự thấy mình nhớp nhúa không đáng gần Phật, phần sợ người bắt tội nên chàng nhanh chân lẩn tránh.

- Con ôi! Như Lai đến với con đây! Sao con lại tránh? Đức Phật ở xa nói lại với một giọng trong thanh, êm ái.

Để đôi thùng xuống, run rẩy Ni Đề quỳ thưa:

- Bạch Ngài con không dám... Có điều chi dạy bảo xin Ngài ban cho, xin Ngài đừng đến gần con...

Đức Phật bước thêm và đến sát Ni Đề. Ni Đề cúi xuống và sắc mặt biến xanh, ra vẻ sợ sệt lắm. Nở một nụ cười chan chứa tình thương, Đức Phật nói:

- Con ơi! Không ai có quyền bắt tội con đâu, vì chính Như Lai đến với con, chứ không phải con đến với Như Lai. Hơn nữa Như Lai nay không phải là người trong giai cấp vua chúa như Thái tử Tất Đạt Đa ngày xưa, mà là người của tất cả

chúng sanh, nhất là hạng người đau khổ như con. Như Lai muốn nói với con một vài câu chuyện...

Nghe qua những lời nói dịu hiền và có lý của Đức Phật, Ni Đề bớt lo sợ và nhìn Đức Phật một cách kính mến, chàng thưa:

- Chẳng hay Đức Thế Tôn vẫn đoái hoài đến người cùng khổ này sao? Và con đây cũng được Như Lai dạy bảo và được thực hành theo đạo của Như Lai nữa sao?

Một cách nghiêm nghị Đức Phật hỏi:

- Ai đã làm cho các con thắc mắc những điều ấy?

- Bạch Thế Tôn, những đạo sĩ Bà La Môn thường nói chỉ có giai cấp họ và người trong dòng Sát Đế Lợi mới có quyền thờ kính Hiền Thánh và có quyền giao thiệp với người đồng giai cấp, chứ bọn con thuộc dòng hạ tiện không có phép làm những việc của họ làm và phải trọn đời phục dịch họ...

Ni Đề muốn nói nhiều nữa song Đức Phật ngắt lời và hỏi:

- Vậy con không biết Như Lai ra đời để cứu khổ cho chúng sanh bằng cách phá tan những sự mê tín dị đoan, ý lại thần quyền và đưa chúng sanh đến cuộc sống bình đẳng và an vui sao? Thôi, giờ đây, con có muốn sống một đời sống tươi đẹp và rộng rãi không? Và con muốn sống gần Như Lai không?

Sung sướng muốn chày nước mắt, Ni Đề đáp:

- Đó là điều mà con tưởng không bao giờ thực hiện được; nếu được Như Lai cứu độ thì đó là một phước lành của con vậy.

Dịu dàng Đức Phật cầm tay Ni Đề dắt đến bờ sông gần đây... Tắm rửa xong, Ni Đề theo Đức Phật trở về Tịnh xá Kỳ Hoàn được Phật và Giáo Hội thân nạp cho làm Tỳ kheo; qua một thời gian tinh tấn tu luyện vị Tỳ kheo mới nhập đạo này đặc quả Tu Đà Hoàn rồi lần chứng quả A La Hán.

Bấy lâu Ba Tư Nặc vương



bất bình và không hiểu tại sao Đức Phật là người của dòng hào thế Thích Ca mà lại độ đệ tử phần nhiều là những người ở hai giai cấp dưới. Nay lại được nghe Đức Phật vừa độ cho Ni Đề, ông càng bất bình hơn nữa. “Đánh lễ - ai chứ ta không đánh lễ anh chàng Ni Đề được...!” Ba Tư Nặc vương lăm lăm như vậy. Càng nghĩ càng tức giận, Ba Tư Nặc vương liền cùng với các vị cận thần đi đến Tịnh xá Kỳ Hoàn để xin Phật dừng độ cho Ni Đề là Tỳ kheo và từ rày về sau đừng cho những người thuộc cấp hạ tiện (theo quan niệm của ông và những người trong hai giai cấp trên) xuất gia.

Vừa đến tam quan Tịnh xá Kỳ Hoàn, thấy một vị Tỳ kheo đang ngồi trên một hòn đá lớn khâu vá chiếc áo cũ, Ba Tư Nặc vương liền đến nhờ vị Tỳ kheo ấy vào bạch Phật xin cho ông yết kiến. Nhận lời, vị Tỳ kheo liền xuyên qua hòn đá và ấn mình đầu mắt, làm cho Ba Tư Nặc vương và các cận thần hoảng sợ nhưng vô cùng khâm phục!

Một lát sau, cũng từ hòn đá ấy hiện ra, vị Tỳ kheo khi nãy trả lời cho Ba Tư Nặc vương:

- Đại vương cứ vào, Đức Thế Tôn đã hứa cho.

Ba Tư Nặc vương bái chào rồi đi ngay vào tịnh xá.

Đánh lễ Đức Phật xong, Ba Tư Nặc vương liền hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ kheo vừa xin cho con vào yết kiến là ai và tên là gì mà có thần thông quảng đại như vậy? Thầy đã xuyên qua đá cứng một cách nhẹ nhàng, tự tại...

- Đại vương! Ấy là Ni Đề, người gánh phân ở thành Xá Vệ mà ta đã độ cách đây hơn một tháng, nay đã chứng quả A La Hán nên đã có những thần lực như vậy.

Thấy Ba Tư Nặc vương im lặng và ra chiều suy nghĩ, Đức Phật ôn tồn nói thêm:

- Nay Đại vương! Trong đất bùn nhơ nhớp nở lên những cánh sen đầy hương thơm tinh khiết. Đại vương có thích và có ưa hái không?

- Bạch Thế Tôn, nếu là hoa đẹp hương thơm thì không ai không quý và không muốn hái để ngắm nghĩa và trang hoàng cả.

- Đại vương! Cũng vậy tuy là người ở trong các giai cấp dưới (ấy là do con người phân chia), nhưng nhờ sự trau dồi đức hạnh, rèn luyện trí tuệ mà trở thành Thánh Hiền thì người trí tuệ có nên cung kính cúng dường không?

- Bạch Thế Tôn! Đã là

Thánh Hiền thì rất đáng cho phàm phu chúng con cung kính cúng dường lắm!

- Lành thay! Đại vương quả là người sáng suốt biết quý trọng “giá trị chân thật” của con người.

Mặt trời làm tan mây mù ra sao thì những lời của Đức Phật cũng làm tan những ý niệm khinh rẻ chán ghét Ni Đề và các người trong hai giai cấp dưới của Ba Tư Nặc vương thế ấy... Bắt đầu từ đó ông vô cùng kính phục tài năng và đức hạnh của Ni Đề, vị Tỳ kheo mà ông đã gặp ở tam quan.

Ba Tư Nặc vương lại xin Phật cho thỉnh A La Hán Ni Đề ngày mai vào nội thành để giáo hóa cho hoàng tộc và nhân dân và cũng để ông cúng dường luôn thể. Phật hứa cho, Ba Tư Nặc và các vị cận thần đánh lễ và trở ra tam quan để trực tiếp cung thỉnh vị A La Hán thần thông tự tại khi nãy.

Được vị A La Hán này chấp nhận, Ba Tư Nặc vương vô cùng sung sướng. Trên đường về ông không ngớt tán thán Đức Phật, đấng hiện thân của bình đẳng và Giáo Hội của Ngài là một đoàn thể đầy đủ tài năng và đức độ.

Thiện Châu



Phương trời cao rộng

Truyện dài của VĨNH HẢO

Chương Chín

Đang tu học yên ổn và vui vẻ với bạn học cùng lớp cũng như dưới sự hướng dẫn tận tình của thầy Thông Chánh, bỗng có tin là tôi phải cùng chú Thiệt theo thầy tôi và một thầy học tăng trẻ khác qua ở chùa Linh Phong. Chùa này cũng ở trên đỉnh đồi Trại Thủy, nhưng nằm trên cánh khác của ngọn đồi. Theo địa lý thì đồi Trại Thủy có hình thù của một con dơi. Chánh điện Hải Đức nằm trên đầu dơi, còn chùa Linh Phong mà chúng tôi sắp đến thì nằm ở cánh phải. Cánh phải này đâm ra phía Mả Vòng, sát với quốc lộ số I. Như vậy, từ quốc lộ rẽ vào con đường đưa đến cổng chính Phật học viện Hải Đức, người ta phải đi ngang chùa Linh Phong. Đã có nhiều lần đi ngang đây, nhìn thấy ngôi chùa Linh Phong này từ xa, trên núi cao, tôi không để ý lắm. Không ngờ nay tôi trở thành một chú tiểu của chùa đó.

Nguyên xưa kia, trên trăm năm trước, ngôi chùa này còn là một ngôi miếu thờ Quan Công do một số người Hoa lập nên. Sau, có một vị sư già pháp hiệu là Phổ Tế từ Huế vào, nhận lời trụ trì và cải đổi ngôi miếu thành ngôi chùa, đặt tên là *Linh Phong Cổ Tự*. Nhưng người ta vẫn quen gọi

chùa này là *chùa Núi* cho gọn thay vì gọi bằng cái tên dài dòng mà Hòa thượng Phổ Tế đặt cho. Sau mấy mươi năm trụ trì, Hòa Thượng Phổ Tế cất một thiền thất gần chùa rồi ẩn tu, không tiếp xúc tục khách nữa. Ngôi chùa vì vậy thiếu người trông nom. Các phật-tử người Hoa không mời được thầy về thay thế vị hòa thượng già, bèn nhờ cậy phật-tử Việt tại địa phương xóm Xưởng, tức xóm nhà nằm giữa chùa Núi và Phật học viện Hải Đức. Những phật-tử này cứ người lên viện thỉnh cho được thầy tôi sang trụ trì. Vì đang bận lo nhiều phật-sự ở viện cũng như nhiều chùa khác nên tuy nhận lời, thầy tôi không có mặt thường xuyên tại chùa Linh Phong được. Đó là lý do thầy tôi đem theo một thầy học tăng trẻ và hai chú tiểu để phụ giúp trông coi công việc của chùa.

Đã sống ở viện yên ổn, chẳng ai muốn dời qua sống tại một ngôi chùa nhỏ bao giờ. Nhưng thầy học tăng trẻ kia vì ở ngoài Huế mới vào chưa có chỗ ở ổn định, nên nghe nói thầy tôi mới nhận chùa liền xin đi theo. Còn chú Thiệt là một chú tiểu ngoài Phú Yên vào, học cùng lớp tôi, xin đi theo vì muốn có thay đổi. Chỉ có tôi là không tự chọn chuyển đến chùa Linh Phong này; tóm

lại, tôi bị thầy tôi chỉ định.

Tôi thực tình là không muốn đi, nhưng làm sao dám cãi lệnh thầy. Tôi có hơi bất mãn trong lòng khi thầy tôi quyết định đưa tôi sang một ngôi chùa nhỏ, bắt đầu một cuộc sống mới với những sinh hoạt tuy rằng cũng tu cũng học, nhưng không gian có vẻ như thu hẹp lại ở mọi chiều khiến cho tâm hồn trở nên nhỏ bé, tù túng, rất khó chịu.

Ngày rời viện để qua chùa Linh Phong, tôi muốn khóc. Tôi có cảm giác như bị lưu đày. Thầy Thông Chánh an ủi:

“Bên đó bên này có xa gì nhau đâu, cũng cùng trên một núi thối mà!”

Mỗi chiều vào giờ phóng tham, thầy Thông Chánh từ viện qua chùa Linh Phong để dạy kèm cho tôi. Dù sao thầy Thông Chánh cũng được tự do hơn tôi nên thầy phải tìm đến trò để dạy chứ không phải ngược lại như thông lệ.

Ngày đầu tiên đến chùa



Linh Phong, thầy trò chúng tôi bốn người lo dọn dẹp, quét tước suốt ngày. Đến tối thì chỉ có thầy tôi là có chiếc giường sắt nhỏ để nghỉ đêm, còn thầy học tăng kia (pháp danh là Trùng Hùng) ngủ trên bộ ván gỗ. Chú Thiệt và tôi thì treo mùng ngủ dưới đất. Lúc đó chưa có dãy Đông nên bốn thầy trò tập trung ngủ tại nhà Tây. Điện của nhà Tây cũng chưa bắt hay đã bị cháy bóng rồi nên phải thắp đèn dầu đêm ấy. Đêm buông xuống thì tối mịt tối mờ, y như ở nhà quê vậy. Ở mặt trước của chùa có bốn cây me cổ thụ trên trăm tuổi, ban ngày thì tỏa bóng mát rất lý tưởng, nhưng ban đêm có bước ra ngoài để tiểu tiện thì cũng phải rùng mình, kinh sợ cái dáng hùng vĩ mà âm u của chúng.

Tưởng cũng cần nói thêm ở đây một chuyện không được thờ mọng nhưng lại là nét đặc biệt không thể bỏ qua của chùa Linh Phong: chùa không có cầu tiêu. Có lẽ vì xưa kia, nơi đây chỉ là một cái miếu thờ Quan Thánh của người Hoa, lâu lâu người ta mới thắp nhang, xin xăm, xong chuyện thì về nhà, có ăn uống hay ở chơi lâu đâu mà nghĩ đến chuyện "lớn." Đến khi thỉnh được Hòa thượng Phổ Tế, người ta cũng không nghĩ đến chuyện xây cái cầu tiêu tiêu chuẩn. Như vậy, đã hơn trăm năm rồi, nơi đây không có cầu tiêu. Nhấn mạnh điều đó để tự an ủi rằng không phải chỉ có thầy trò chúng tôi mới chịu cái thiệt thòi, bất hạnh này.

Ngày đầu, tôi thắc mắc là cầu tiêu ở đâu. Tôi hỏi chú Thiệt, chú bảo tôi đi theo chú xuống ngõ bếp. Tôi tưởng cầu tiêu nằm phía sau nhà bếp, không ngờ đến ngang cửa bếp, chú lôi ta từ trong góc một cái cuốc, đưa tôi, nói tinh bơ:

"Cầu tiêu nè!"

Vậy mà thằng bé ít khi bị chê là ngu độn như tôi cũng không hiểu nổi, cứ hỏi:

"Là sao?"

Chú Thiệt cười ngặt nghẽo một lúc mới giải thích cho tôi hiểu. Té ra là vậy! Phải cuốc đất lên, làm một cái lỗ vừa phải đầu đó ngoài núi, nơi chỗ khuất, xong việc thì lấp đất lại, kiểu như mèo vậy. Khổ nỗi, dù chung quanh chẳng ai dòm ngó, cũng có cảm giác xấu hổ khó chịu, chẳng sao thoải mái được. Chuyện "đi ngoài" lâu nay đã là chuyện phiền, bây giờ lại càng phiền hơn.

Cầu tiêu là cái quan trọng, thiết yếu nhất mà người ta còn không chịu xây nói gì là cái buồng tắm. Cho nên, thường thường, chúng tôi phải chờ đến tối mới xách nước ra sau hiên bếp mà tắm. Chẳng có vách che, nhiều khi gió núi thổi lạnh run mà cũng đành chịu.

Vài hôm sau, có phật-tử dưới xóm lên đào một cái hố lớn phía sau núi để làm cầu tiêu cho chùa. Trên miệng hố, người ta có bắc ngang một tấm ván dày. Cầu tiêu đơn giản như vậy thôi nhưng dù sau cũng thơm tắt và có vẻ ổn định hơn là mỗi lần đi là mỗi lần vác cuốc theo y như nông phu ra đồng. Quanh miệng hố hãy còn um tùm cây cỏ, như vậy cũng đỡ, không bị mang tiếng là trắng trợn. Tuy nhiên, con đường dẫn từ nhà bếp ra đến cầu tiêu dã chiến này thì ngoằn ngoèo, người đi dễ bị lạc vào ban đêm. Cũng từ cái ngoằn ngoèo, nó khiến người ta bước đến cầu tiêu một cách đột ngột. Nghĩa là nếu có ai ngồi sẵn nơi đó thì người đến sau chẳng làm sao mà biết được. Thậm chí người ngồi sẵn nơi đó cũng chẳng biết là có một người khác đang tiến về phía mình. Đang bước vòng qua vòng lại theo con đường bỗng dưng một cái: tới cầu tiêu. Nếu đã có người thì "A!" lên một tiếng, người kia cũng "A!" một tiếng, kẻ lật đật quay lưng, người đó mặt đỏ mào lo ẩn nấp, che giấu. Lỡ một lần như vậy rồi nên thầy Trùng Hùng dặn chúng tôi:

"Lần sau có ra cầu tiêu phải nhớ tăng hăng mấy tiếng trước cho người ta biết. Đừng



có làm thỉnh lúi lúi mà đi như vậy. Xón xa xón xác chẳng chịu ngó trước ngó sau gì hết!"

Dù đã dặn dò kỹ như vậy, thầy Trùng Hùng cũng chưa yên tâm. Mỗi lần có việc phải ra cầu tiêu, thầy luôn mang theo một tờ báo. Lỡ có ai lò mò ra cầu tiêu khi thầy đang có mặt ở đó thì thầy vừa tăng hăng vừa mở báo ra mà che. Trông thì có vẻ như đang thông thả đọc báo vậy thôi chứ thực ra ai mà muồn ngồi lâu nơi đó! Sau này, mỗi lần thầy Trùng Hùng đi có việc mà tôi có hỏi tới thì chú Thiệt trả lời rằng:

"Thầy đi đọc báo rồi."

Chú Thiệt lớn hơn tôi ba, bốn tuổi, lại là dân nhà quê đã quen việc ruộng rẫy nên biết rất nhiều việc từ lớn đến nhỏ trong chùa, ngay cả việc bếp núc là việc mà tôi cứ đinh ninh phải là việc của những người phụ nữ lớn tuổi. Ngày đầu tiên, chúng tôi lo dọn dẹp, có mấy cô phật-tử dưới xóm lên nấu cơm và thức ăn. Qua hôm sau, mấy cô không lên nữa, chú Thiệt xắn tay nấu cơm. Thầy Trùng Hùng thì nấu thức ăn, kho đậu hủ, xào cải với nấm rơm, nấu canh khổ qua, đủ món cả, ăn rất ngon. Thầy Trùng Hùng chỉ nấu một lần, sau đó thì giao cho chú Thiệt và tôi phụ trách luôn chuyện bếp núc hàng ngày. Giao chú Thiệt thì không sao, giao tôi thì tôi chết cứng. May sao chú Thiệt cũng vui vẻ làm hết. Được người khác ngưỡng mộ sự lịch lãm của mình cũng là một niềm vui lớn của con người mà!

Đến giờ nấu cơm, tôi xuống bếp theo chú Thiệt mà chỉ đứng ló ngó chứ chẳng biết làm gì. Tôi hỏi chú Thiệt:

"Sao chú biết nấu cơm hay vậy? Tôi không biết nấu cơm

chú à.”

“Không sao, để tui nấu, chú làm việc khác, phụ lật rau, rửa rau được rồi.”

Chú nói vậy tôi mới an tâm. Nhưng chừng một tuần lễ sau thì chú Thiệt đâm nạnh—chắc thấy rằng không biết gì như tôi thì sướng quá—rồi chú thưa với thầy Trùng Hùng rằng chuyện nấu ăn phải chia phần chứ chú không chịu nấu hoài. Sau tuần đầu, thầy tôi chỉ có mặt tại chùa Linh Phong vào mỗi chủ nhật, nên bao nhiêu việc ở chùa đều do thầy Trùng Hùng quyết định. Thầy Trùng Hùng nghe chú Thiệt đề nghị hợp lý quá, chấp nhận ngay. Vậy là chia phần, chú Thiệt nấu một ngày, tôi nấu một ngày. Trong sự quyết định của thầy Trùng Hùng cũng như chú Thiệt, tôi thấy cái vẻ cay cú hiểm ác muốn hành hạ tôi cho bỏ ghét chứ chẳng phải bình thường. Họ biết tôi rất khó xử khi phải chịu trách nhiệm loay hoay một mình dưới bếp để lo ba bữa ăn trong một ngày. Nếu họ muốn tập cho tôi nấu thì cũng phải hướng dẫn tôi nấu tận tình và cần một thời gian cho tôi thực tập chứ đâu phải đột ngột quyết định chia phần như vậy. Hẳn là họ mong đợi tôi ôm nỗi xoong mà khóc dưới bếp mới hả dạ!

Điều khổ thêm cho tôi là vào buổi sáng đầu tiên đến phiên tôi nấu, thầy tôi từ viện qua chùa Linh Phong thật sớm. Có lẽ ngày ấy thầy tôi rảnh việc bên viện. Thấy thầy qua, tôi càng lo sợ hơn, vì buổi điểm tâm đầu tiên do tôi dọn sẽ có thầy tôi thưởng thức nữa. Nhưng tôi đã nấu xong rồi, chẳng biết làm sao khác hơn. Tôi cứ dọn. Món này đối với tôi thì khỏe lắm, không tốn nhiều thời gian, lại ngon nữa: cơm chiên. Chỉ khổ là thầy tôi sẽ không dùng được. Cơm hôm qua chú Thiệt nấu còn dư (một phần do tôi cố ý ăn ít lại một chút để có cơm thừa), hôm nay tôi đem chiên lại mà ăn. Món cơm này kể ra thì chẳng khó khăn gì. Bắc chảo dầu lên, chờ sôi. Thay vì khử tỏi, khử hành như ở nhà thì khử “*ba-rô*” (chú Thiệt đọc như vậy. Tiếng Pháp

là *boireau*, giống như hành lá nhưng củ và lá lớn hơn nhiều. Ở chùa dùng *boireau* thay hành tỏi là những thứ bị kiêng). Sau đó đổ cơm vào, xào, xào, trộn qua trộn lại sao cho cơm thấm dầu đều hết rồi nêm muối, bột ngọt, tiêu. Lại trộn đều. Để một lúc cho cháy dòn tí xíu dưới đáy chảo càng ngon. Vậy là xong.

Cơm dọn lên bàn rồi, thầy Trùng Hùng hỏi tôi trong lúc thầy tôi và chú Thiệt đang lo dọn dẹp gì đó trên chánh điện:

“Chị vậy thôi sao?”

“Buổi sáng không ăn cũng được mà thầy. Có cơm chiên là quý rồi.”

Thầy Trùng Hùng khựng một lúc rồi nói:

“Bữa nay có thầy trụ trì qua mà nấu vậy đó hả, rồi thầy trụ trì dùng cái gì? Cơm thừa mà dám mời thầy sao?”

“Con nấu xong rồi thầy trụ trì mới qua. Con đâu cố ý dọn cơm chiên mời thầy. Bây giờ đâu biết nấu gì khác để dọn!”

“Tao đập chết bây giờ, mi nói ngang ngạnh như vậy đó hả?”

Tôi lặng thinh quay xuống bếp, nhưng cũng không giấu được vẻ bức mình quạu quọ của mình trên nét mặt. Thầy Trùng Hùng bước theo, nói:

“Nấu liền một cơm trắng nhỏ đi, rồi đồ ăn để tao nấu.”

Những tiếng “*tao, mi*” hẳn học của thầy Trùng Hùng như làm tổn thương cái khối đạo tình đẹp để nguyên vẹn mà tôi có được đối với đồng đạo kể từ khi bước chân vào chùa. Tôi lấy cái xoong nhỏ, vào kho đong gạo thì thầy tôi từ chánh điện bước xuống nhà Tây, ngồi vào bàn ăn. Thầy Trùng Hùng thưa:

“Bạch thầy, vì không biết thầy qua sớm nên chú Khang chỉ chiên cơm thôi chứ chẳng nấu gì. Con bảo chú nấu cơm trắng để mời thầy. Chú đang nấu dưới bếp, thỉnh thầy chờ thêm một lúc.”

Thầy tôi vui vẻ nói:

“Đâu cần phải nấu chi nữa. Cơm chiên như vậy được rồi. Có chi ăn nấy cho khỏe.

Điểm tâm mà bày vẽ chi nhiều. Kêu chú ấy lên ăn đi, đừng nấu nữa.”

Chú Thiệt vội xuống gọi tôi. May là tôi chưa vo gạo. Tôi theo chú Thiệt ngồi vào bàn ăn. Thầy tôi bưng chén cơm chiên hỏi:

“Cơm ai chiên vậy?”

Thầy Trùng Hùng đáp:

“Bạch thầy, chú Khang chiên đó. Hôm nay đến phiên chú nấu. Con chia phần cho hai chú mỗi chú nấu một ngày.”

Thầy tôi cười, có vẻ như không chú ý lời thầy Trùng Hùng, quay qua hỏi tôi:

“Con cũng biết chiên cơm nữa hả? Cơm chiên này lâu lâu ăn một lần thì được, đừng chiên cơm thường xuyên ăn không tốt đâu.”

Rồi thầy tôi ăn ngon miệng. Tôi nhìn thầy mà ứa nước mắt. Thầy tôi không bao giờ ăn cơm chiên. Thầy cứ ăn những món có nhiều dầu. Lỡ có ăn vào là thầy bị đau bụng, khó tiêu. Bên viện, các dì vào phải nấu riêng thức ăn cho thầy tôi chứ không nấu theo thức ăn của đại chúng. Nấu ăn cho thầy tôi, các dì vải không dùng bột ngọt, dầu ăn, đường cát, tiêu, ớt, v.v... Cơm hay thức ăn dọn cho thầy tôi cũng chẳng ai dám dọn cơm thừa hay thức ăn để cách đêm, vì mỗi lần thầy tôi ăn vào những món ăn như vậy là làm bệnh mấy ngày. Vậy mà bây giờ thầy ngồi vào bàn, tự bốc cơm lấy, ăn một cách ngon lành cái món cơm chiên đơn sơ mà nhiều độc tố do tôi nấu.

Sau bữa ăn, tôi đang rửa chén thì thầy Trùng Hùng xuống chỉ mặt tôi nói:

“Từ nay về sau không bao giờ chiên cơm nữa nghe chưa. Cơm có dư thì hai chú ăn đi, không được dọn cho mấy thầy.”

Trưa đến, tôi lại phải xuống bếp, hì hục nấu cơm một mình. Quả là một cực hình cho tôi mà chẳng ai hiểu thấu. Không, chắc là có hai người hiểu thấu chứ, đó là thầy Trùng Hùng và chú Thiệt. Hai người đó biết rõ là tôi xuống bếp nấu ăn sẽ hư sự vì

tôi thật là chưa biết nấu ăn. Vo gạo xong, tôi đổ nước vào đây rồi lo chụm lửa. Khổ nhất là đun củi sao cho cháy. Tuần trước còn nấu bằng lò dầu hỏa nhưng thầy Trùng Hùng bày ra chuyện nấu bằng lò củi cho đỡ tốn kém-củi mua rẻ tiền mà cũng có thể gom được đàng sau núi. Hồi mới bắt đầu nấu bằng lò củi, chú Thiệt đã đun củi bằng cách đổ vào một ít dầu hỏa trước khi châm lửa. Thầy Trùng Hùng biết được liền quở:

"Không được dùng dầu hỏa mà nhen lửa! Tao bảo nấu củi là để đỡ tốn dầu hỏa mà mi còn lấy dầu hỏa rưới vào củi, vậy sao gọi là tiết kiệm được!"

"Con rưới có chút xí cho để bắt lửa thôi mà!" chú Thiệt phân bua.

"Cũng không được nữa. Củi khô, chụm là phải cháy, cần gì dầu hỏa!"

Lần sau, không có dầu hỏa chú Thiệt vận nhen được lò củi một cách dễ dàng vì chú thay dầu hỏa bằng sáp vụn lấy từ đèn cây cháy ra. Ở chùa thì sáp vụn đâu có thiếu. Ngày nào cũng thắp đèn cây cúng Phật mà. Nhưng thầy Trùng Hùng biết được lại la:

"Không được xài sáp vụn!"

Chú Thiệt không giấu được vẻ bức mình, hỏi lại:

"Sao vậy thầy? Sáp vụn không xài để đem đi đổ hết à?"

"Đừng có hỏi. Để dành sáp đó cho tao. Ngoài Huế người ta gom sáp đó lại thành kí mà bán chứ chẳng ai lai đi nhen lửa như mi cả."

Vậy là dầu hỏa hay sáp vụn đều bị cấm trước khi đến lượt tôi nấu cơm. Thực ra không có dầu hỏa hay sáp vụn, chú Thiệt vẫn cứ nhúm củi cháy được như thường vì chú biết cách. Lúc chưa đi tu chú ấy còn biết nhúm lửa bằng lá hay rơm khô nữa kia, nói chi củi. Chỉ khổ là khổ cho tôi thôi. Tôi xé một mớ giấy báo, vùi dưới củi rồi đốt, chỉ thấy khói lên mù mịt; khi lửa bén được thì bùng lên một cái, cháy rụi hết giấy báo, củi vẫn nằm ì ra đó, chưa cháy được lớp vỏ khô bên ngoài. Loay hoay một lúc lâu mà không nhen được lò, tôi vừa quạu vừa tức thầy Trùng Hùng và chú Thiệt

cổ tình bức hiếp tôi. Cho dù tôi xuất gia với một chí nguyện kiên cường thì tôi vẫn cứ là một đứa con nít, bị ép quá thì cũng khóc thôi. Chẳng biết phải làm sao, tôi ngồi thừ ra một chặp. Chợt nghĩ đến bữa cơm phải dọn vào trưa nay, tôi thấy trong lòng bấn loạn lên. Tôi líu quíu nhét thêm giấy báo vào lò, lại mồi lửa đốt. Vẫn là khói. Nước mắt tôi chảy ròng ròng. Bỗng thầy tôi xuất hiện. Tôi đứng dậy khi thầy bước vào bếp.

"Khóc hả?"

"Bạch thầy không phải. Tại khói cay mắt."

"Con mới nấu cơm lần đầu, phải không?"

"Đạ."

Thầy tôi xắn tay áo, ngồi khom xuống, kéo hết mảy nhánh củi ra khỏi bếp lò. Đưa một khúc củi lên nhìn, thầy nói:

"Củi này chưa được khô. Nhen khó bắt lửa lắm. Chỉ lên khói thôi."

Rồi thầy soạn đồng củi nhỏ chắt đồng trong góc bếp, lòi ra một ít nhánh. Lấy từng khúc củi gõ thử lên đá để xem củi đã khô chưa. Thầy dạy tôi cách sắp củi vào lò, đan vào nhau, chừa khoảng trống ở dưới cho thông hơi. Từ khoảng trống đó, thầy đưa giấy mồi lửa vào. Củi bắt lửa dễ dàng, cháy phừng phực. Thầy xoay qua nhen lửa cho lò khác. Tôi chú ý học cách thầy làm. Hai lò đã cháy cả rồi, thầy bảo tôi bắt nồi cơm và xoong nước để nấu canh lên. Xoong nước nấu canh thì chẳng sao. Chỉ có nồi gạo thì thầy chặt bớt nước, nói rằng nhiều quá. Vậy mà tôi cứ tưởng đổ vào bao nhiêu nước cũng được! Thầy tôi nói:

"Nước nấu cơm căn cứ theo mực gạo mà đong. Mực nước cao hơn mực gạo hai lóng tay là vừa. Nhưng cũng tùy theo gạo mới gạo cũ nữa. Gạo mới thì ít nước lại một chút, chừng một lóng tay thôi."

Thầy dạy tôi vậy nhưng rồi tự tay thầy nấu hết, từ nồi cơm đến xoong canh rau, đến món tàu hũ kho. Vừa nấu thầy vừa giải thích cho tôi rõ. Hai thầy trò đang lui hui dưới bếp thì

thầy Trùng Hùng bước xuống. Thấy thầy tôi đang nêm nếm thức ăn, thầy Trùng Hùng cười bẽn lẽn:

"Thầy để chú ấy nấu cho quen chứ thầy làm vậy chú ý lại. Con chia phần chú ấy là để tập cho chú đó."

Thầy tôi chỉ cười, nói:

"Cũng tùy theo chuyện mà chọn cách dạy, cách tập. Không phải muốn một người mau biết bơi cứ đem thả họ xuống chỗ nước sâu rồi mình bỏ đi hết là tức khắc người ấy sẽ biết bơi. Phải có dạy, có giải thích, rồi phải có thời gian cho họ thực tập nữa chứ."

"Lúc ở nhà, chín mười tuổi con đã biết nấu cơm rồi. Chú Khang mười hai, mười ba đâu còn nhỏ nữa, bạch thầy."

"Thì tôi cũng vậy thôi. Nhưng mình ở nhà quê thì khác. Người ở phố có khi có gia đình, có con cái cả rồi cũng chưa chắc là họ biết nấu cơm bằng lò củi!"

Thầy Trùng Hùng cười thẹn:

"Thôi thầy lên nghỉ để con nấu cho chú ấy."

Thầy tôi đáp:

"Xong hết rồi. Bày cho chú nấu vậy thôi chứ tôi đâu có nấu gì."

Thầy tôi quay lên Tổ đường. Chờ thầy tôi đi khuất, thầy Trùng Hùng la:

"Sao để cho thầy trụ trì nấu vậy? Điều ở chùa gì mà vô tích sự!"

Nói rồi thầy Trùng Hùng bỏ đi. Tôi ngồi lại một mình dưới bếp, thầm cảm ơn những cử chỉ tế nhị của thầy tôi. Và tự đứng, trong lòng tôi nảy sinh sự bất phục đối với thầy Trùng Hùng. Lẽ ra, theo luật Sa-di mà tôi học thì tôi không được bất bình hay khinh ghét các thầy tỳ-kheo; nhưng cái tính con nít của tôi nó vậy: nhịn mọi thứ ở bề ngoài thì được, nhịn nổi bất bình bên trong thì không. Con nít nhạy bén lắm chứ. Người nào đáng phục thì phục, người nào không đáng phục thì không thể phục. Đành làm một chú tiểu bướng bỉnh (ngầm) vậy!

(mời xem tiếp Chương 9, kỳ 2, vào số tới)

Vĩnh Hào